

PHỤ LỤC KÈM THEO

1. Hợp đồng uỷ quyền của Công ty.
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số: 2400834885 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 27/03/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 30/12/2019.
3. Giấy chứng nhận đầu tư số: 9935863131 do Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận lần đầu ngày 22/03/2018.
4. Giấy chứng nhận đầu tư số: 9935863131 do Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 22/11/2021.
5. Giấy chứng nhận đầu tư số: 9935863131 do Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 08/09/2022.
6. Giấy chứng nhận đầu tư số: 9935863131 do Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 11/01/2023.
7. Giấy chứng nhận đầu tư số: 9935863131 do Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ bốn ngày 06/04/2023.
8. Giấy xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường số: 32/GXN-UBND ngày 16/10/2018 của UBND huyện Việt Yên.
9. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
10. Hợp đồng xử lý chất thải sản xuất thông thường, nguy hại và sinh hoạt năm 2021, 2022 và 2023.
11. Hợp đồng mua bán phế liệu năm 2022, 2023.
12. Hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải và Biên bản thỏa thuận và thể hiện điểm đấu nối giữa Chủ dự án và Công ty TNHH Fugiang.
13. Biên bản bàn giao chất thải năm 2022, 2023.
14. Hóa đơn nước sạch sử dụng tại dự án tháng 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10/2023.
15. Phiếu kết quả quan trắc chất lượng môi trường tại dự án và Biên bản lấy mẫu năm 2022 và 2023.
16. Biên bản nghiệm thu sau bảo hành hệ thống xử lý nước thải sản xuất.
17. Các bản vẽ:
 - Mặt bằng tổng thể dự án.
 - Mặt bằng thu gom, thoát nước thải dự án.
 - Mặt bằng thu gom, thoát nước mưa dự án.
 - Bản vẽ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.
 - Bản vẽ hệ thống xử lý nước thải sản xuất.
 - Bản vẽ hệ thống xử lý khí thải.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2400834885

Đăng ký lần đầu: ngày 27 tháng 03 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 30 tháng 12 năm 2019

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: E-PAC VIETNAM PACKAGING
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: E-PAC VIETNAM PACKAGING CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Nhà xưởng CN-06-39, Lô CN-06, Khu công nghiệp Vân Trung, Xã Vân Trung, Huyện
Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Điện thoại: 0904579909

Fax:

Email: kitty@epac-china.com

Website:

3. Vốn điều lệ 45.720.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ bảy trăm hai mươi triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: E-PAC (FAR EAST) COMPANY LIMITED

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 1244620

Ngày cấp: 05/06/2008 Nơi cấp: Sở đăng ký doanh nghiệp Hồng Kông

Địa chỉ trụ sở chính: Flat/RM A&B 12/F., Kings wing Plaza 2, No.1 on Kwan Street,
Shek Mun, Shatin, New Territories, Hồng Kông, Trung Quốc

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LUN TIN YEU TERENCE

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Công ty

Sinh ngày: 16/07/1966

Dân tộc:

Quốc tịch:

Trung Quốc

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

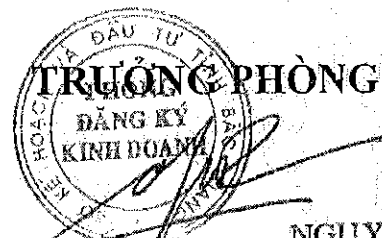
Số giấy chứng thực cá nhân: KJ0294325

Ngày cấp: 12/07/2013

Nơi cấp: Sở sự vụ nhập cảnh đặc khu hành chính
Hồng Kông, Trung Quốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Flat A, 3/F, Tower 2, Providencepeak, 8Fo Chun
road, Taipo, N.T., Hồng Kông, Trung Quốc

Chỗ ở hiện tại: Phòng SA2603, tòa nhà 31 tầng chung cư Vinhomes Bắc Ninh,,
Phường Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam



NGUYỄN VŨ ĐIỀN



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 9935863131

Chứng nhận lần đầu: Ngày 22 tháng 3 năm 2018

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 và Nghị định số 114/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

Căn cứ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 691/2016/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ văn bản và hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (CNĐKDT) của nhà đầu tư "E-PAC (FAR EAST) CO., LTD",

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG

Chứng nhận nhà đầu tư:

1. Tên nhà đầu tư: E-PAC (FAR EAST) CO., LTD.

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1244620 do Cơ quan đăng ký doanh nghiệp Hong Kong cấp đăng ký lần đầu ngày 05/6/2008, cấp lại ngày 05/6/2017.

Địa chỉ trụ sở chính: Flat/Rm A&B, 12/F, Kings Wing Plaza 2, No.1 On Kwan Street, Shék Mun, Shatin, New Territories, Hong Kong, Trung Quốc.

2. Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư:

Họ và tên: LUN TIN YEU TERENCE. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Trung Quốc

Chức danh: Chủ tịch

Ngày sinh: 16/7/1966

Hộ chiếu số: KJ0294325

Ngày cấp: 12/7/2013.

Cơ quan cấp: Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, Đặc khu hành chính Hong Kong.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/chỗ ở hiện tại: Flat A, 3/F, Tower 2, Providence Peak, 8 FO CHUN Road, Tai Po, N.T, Hong Kong, Trung Quốc.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên Dự án đầu tư: **Dự án gia công các sản phẩm bao bì cao cấp E-Pac Việt Nam.**

2. Địa điểm thực hiện Dự án đầu tư: Lô CN-06-39, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. Diện tích đất sử dụng: 12.674,77m².

4. Mục tiêu và quy mô của Dự án đầu tư:

- Gia công các sản phẩm bao bì cao cấp, chi tiết: Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa với công suất khoảng: 10.000.000 chiếc/năm, trong đó:

+ Hộp bìa carton: 1.500.000 chiếc/năm.

+ Hộp giấy màu: 6.000.000 chiếc/năm.

+ Vách ngăn màu trong của hộp bao bì sản phẩm: 2.000.000 chiếc/năm.

+ Các sản phẩm in (dùng đã trong hộp bao bì sản phẩm): 500.000 chiếc/năm.

- Dự án đầu tư đăng ký xuất khẩu 100% sản phẩm và được áp dụng các quy định đối với doanh nghiệp chế xuất.

5. Tổng vốn đầu tư của Dự án: 160.020.000.000 VNĐ (Một trăm sáu mươi tỷ không trăm hai mươi triệu đồng Việt Nam), tương đương 7.000.000 USD (Bảy triệu Đô la Mỹ).

- Phương thức, giá trị và tỷ lệ góp vốn đầu tư:

+ Vốn góp chủ sở hữu: 45.720.000.000 VNĐ, tương đương 2.000.000 USD, bằng 100% vốn góp, chiếm tỷ lệ 28,6% tổng vốn đầu tư của Dự án.

+ Vốn vay và huy động: 114.300.000.000 VNĐ, tương đương 5.000.000 USD, chiếm tỷ lệ 71,4% tổng vốn đầu tư của Dự án.

- Tiến độ thực hiện vốn đầu tư Dự án:

+ Vốn góp chủ sở hữu: 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy CNDKDT.

+ Vốn vay và huy động: 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy CNDKDT.

6. Thời hạn hoạt động của Dự án đầu tư: Đến ngày 05/12/2057.

7. Tiến độ thực hiện Dự án đầu tư: 10 tháng kể từ ngày cấp Giấy CNDKDT.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với Dự án

Dự án đầu tư được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện Dự án

Tổ chức kinh tế được thành lập để thực hiện Dự án đầu tư có trách nhiệm:

1. Phải thực hiện thủ tục về môi trường trước khi triển khai Dự án đầu tư; chấp hành nghiêm các quy định và biện pháp liên quan đến bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam trong quá trình thực hiện Dự án đầu tư.

2. Chấp hành nghiêm các quy định đối với doanh nghiệp chế xuất; thực hiện đúng cam kết và quy định về công nghệ và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất; tuân thủ pháp luật Việt Nam và các nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này trong quá trình hoạt động; đăng ký cấp tài khoản của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài.

3. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định; chịu trách nhiệm về việc góp vốn và huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai Dự án.

4. Chấp hành chế độ báo cáo và thống kê định kỳ gửi Ban Quản lý các khu công nghiệp và Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang theo quy định.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang./.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Anh Quyền



UBND TỈNH BẮC GIANG
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 9935863131

Chứng nhận lần đầu: Ngày 22 tháng 3 năm 2018

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: Ngày 22 tháng 11 năm 2021

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp (KCN) tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 691/2016/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (CNDKĐT) mã số dự án 9935863131 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 22/3/2018;

Căn cứ văn bản và hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy CNDKĐT của Công ty TNHH bao bì E-Pac Việt Nam nộp ngày 18/11/2021,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG CHỨNG NHẬN

Điều 1. Nhà đầu tư

1. Tên nhà đầu tư: E-PAC (FAR EAST) CO., LTD.

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1244620, Cơ quan cấp: Cơ quan đăng ký doanh nghiệp Hong Kong.

Ngày cấp: cấp đăng ký lần đầu ngày 05/6/2008, cấp lại ngày 05/6/2017.

Địa chỉ trụ sở chính: Flat/Rm A&B, 12/F, Kings Wing Plaza 2, No.1 On Kwan Street, Shek Mun, Shatin, New Territories, Hong Kong, Trung Quốc.

2. Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư:

Họ và tên: LUN TIN YEU TERENCE Giới tính: Nam

Ngày sinh: 16/7/1966

Quốc tịch: Trung Quốc

Chức danh: Chủ tịch

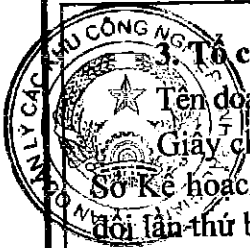
Hộ chiếu số: KJ0294325

Ngày cấp: 12/7/2013.

Cơ quan cấp: Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, Đặc khu hành chính Hồng Kông.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/chỗ ở hiện tại: Flat A, 3/F, Tower 2, Providence Peak, 8 FO CHUN Road, Tai Po, N.T, Hồng Kông, Trung Quốc.

1-9935863131/IZABG/BC1



3. Tổ chức kinh tế thực hiện Dự án đầu tư:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM

Giấy chứng nhận ĐKDN, mã số: 2400834885 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 27/3/2018, thay đổi lần thứ ba ngày 30/12/2019.

Điều 2. Nội dung dự án đầu tư

Nhà đầu tư đăng ký điều chỉnh tăng quy mô thực hiện dự án đầu tư: “Dự án gia công các sản phẩm bao bì cao cấp E-Pac Việt Nam” kèm theo Giấy CNĐKDT mã số dự án 9935863131 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 22/3/2018 như sau:

1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM BAO BÌ CAO CẤP E-PAC VIỆT NAM.

2. Địa điểm thực hiện Dự án đầu tư: Lô CN-06-39, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. Diện tích đất sử dụng: 12.674,77m².

4. Mục tiêu và quy mô của dự án đầu tư:

- Gia công các sản phẩm bao bì cao cấp, chi tiết: Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa với công suất khoảng: 69.000.000 chiếc/năm (tăng 59.000.000 chiếc/năm), trong đó:

+ Hộp bìa carton: 14.000.000 chiếc/năm. (tăng 12.500.000 chiếc/năm)

+ Hộp giấy màu: 15.000.000 chiếc/năm. (tăng 9.000.000 chiếc/năm)

+ Vách ngăn màu trong của hộp bao bì sản phẩm: 25.000.000 chiếc/năm. (tăng 23.000.000 chiếc/năm)

+ Các sản phẩm in (dùng đặt trong hộp bao bì sản phẩm): 15.000.000 chiếc/năm. (tăng 14.500.000 chiếc/năm)

- Dự án đầu tư đăng ký xuất khẩu 100% sản phẩm và được áp dụng các quy định đối với doanh nghiệp chế xuất.

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 160.020.000.000 VNĐ (Một trăm sáu mươi tỷ không trăm hai mươi triệu đồng Việt Nam), tương đương 7.000.000 USD (Bảy triệu Đô la Mỹ).

5.1 Phương thức, giá trị và tỷ lệ góp vốn đầu tư:

- Vốn góp chủ sở hữu: 45.720.000.000 VNĐ, tương đương 2.000.000 USD, chiếm tỷ lệ 28,6% tổng vốn đầu tư của Dự án.

- Vốn vay và huy động: 114.300.000.000 VNĐ, tương đương 5.000.000 USD, chiếm tỷ lệ 71,4% tổng vốn đầu tư của Dự án.

5.2 Tiến độ thực hiện vốn đầu tư dự án:

- Vốn góp chủ sở hữu: đã thực hiện.

- Vốn vay và huy động: đã thực hiện.

6. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư: Đến ngày 05/12/2057.

7. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: dự án đã đi vào hoạt động.

Điều 3. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án

Dự án đầu tư được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Điều 4. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Chấp hành nghiêm các quy định và biện pháp liên quan đến bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam trong quá trình thực hiện Dự án đầu tư.

2. Chấp hành nghiêm các quy định đối với doanh nghiệp chế xuất; thực hiện đúng cam kết và quy định về công nghệ và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất; tuân thủ pháp luật Việt Nam và các nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này trong quá trình hoạt động; đăng ký cấp tài khoản của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài.

3. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định; chịu trách nhiệm về việc góp vốn và huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai Dự án.

4. Chấp hành chế độ báo cáo và thống kê định kỳ gửi Ban Quản lý các khu công nghiệp và Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang theo quy định.

Điều 5. Giấy CNĐKĐT này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Giấy CNĐKĐT mã số dự án 9935863131 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 22/3/2018.

Điều 6. Giấy CNĐKĐT này được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang./.

TRƯỞNG BAN



[Signature]
Đào Xuân Cường

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 9935863131

Chứng nhận lần đầu: Ngày 22 tháng 3 năm 2018

Chứng nhận thay đổi lần thứ hai: Ngày 08 tháng 9 năm 2022

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp (KCN) tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 691/2016/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (CNĐKĐT) mã số dự án 9935863131 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 22/3/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 22/11/2021;

Căn cứ công văn số 700/CCHQBG-TH ngày 06/9/2022 của Chi cục Hải quan quản lý các KCN Bắc Giang về điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với Công ty TNHH bao bì E-Pac Việt Nam là doanh nghiệp chế xuất;

Căn cứ văn bản và hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy CNĐKĐT của Công ty TNHH bao bì E-Pac Việt Nam nộp ngày 26/8/2022,

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG
CHỨNG NHẬN**

Điều 1: Nhà đầu tư

1. Tên nhà đầu tư: E-PAC (FAR EAST) CO., LTD.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1244620 do Cơ quan Đăng ký doanh nghiệp Hong Kong cấp lần đầu ngày: 05/6/2008, cấp lại ngày 05/6/2017

Địa chỉ trụ sở chính: Flat/Rm A&B, 12/F, Kings Wing Plaza 2, No.1 On Kwan Street, Shek Mun, Shatin, New Territories, Hong Kong, Trung Quốc.

2. Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư:

Họ và tên: LUN TIN YEU TERENCE; Sinh ngày: 16/7/1966; Giới tính: Nam

Chức vụ: Chủ tịch; Quốc tịch: Trung Quốc;

Hộ chiếu số: KJ0294325 Ngày cấp: 12/7/2013;

Cơ quan cấp: Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, Đặc khu hành chính Hong Kong.

Địa chỉ thường trú: Flat A, 3/F, Tower 2, Providence Peak, 8 Fo Chun Road, Tai Po, N.T. Hong Kong, Trung Quốc

Chỗ ở hiện tại: Phòng SA2603, Tòa nhà 31 tầng chung cư Vinhomes Bắc Ninh, Phường Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

3. Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

Tên tổ chức kinh tế: CÔNG TY TNHH BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400834885 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang, cấp lần đầu ngày 27/3/2018, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 30/12/2019.

Điều 2. Nội dung dự án đầu tư

Nhà đầu tư đăng ký điều chỉnh mục tiêu và quy mô của dự án “Dự án gia công các sản phẩm bao bì cao cấp E-Pac Việt Nam” kèm theo Giấy CNĐKĐT mã số dự án 9935863131 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 22/3/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 22/11/2021 như sau:

1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM BAO BÌ CAO CẤP E-PAC VIỆT NAM

2. Địa điểm thực hiện dự án: Lô CN-06-39, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. Diện tích đất sử dụng: 12.674,77 m².

4. Mục tiêu và quy mô của dự án:

- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa, chi tiết: Sản xuất, gia công các sản phẩm bao bì cao cấp, khoảng: 54.000.000 sản phẩm/năm (Giảm các sản phẩm in: 15.000.000 sản phẩm/năm), trong đó:

+ Hộp bìa carton: 14.000.000 sản phẩm/năm;

+ Hộp giấy màu: 15.000.000 chiếc/năm;

+ Vách ngăn màu trong của hộp bao bì sản phẩm: 25.000.000 chiếc/năm;

- Sản xuất các sản phẩm khác bằng giấy và bìa chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất cốc, chén, đĩa, khay bằng giấy: 2.000.000 sản phẩm/năm. (Bổ sung mới)

- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn, chi tiết: in sách hướng dẫn sử dụng đặt trong hộp bao bì sản phẩm: 27.000.000 sản phẩm/năm. (Bổ sung mới)

- Dự án đầu tư đăng ký xuất khẩu 100% sản phẩm và được áp dụng các quy định đối với doanh nghiệp chế xuất.

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 160.020.000.000 VNĐ (một trăm sáu mươi tỷ không trăm hai mươi triệu đồng Việt Nam) tương đương 7.000.000 USD (bảy triệu đô la Mỹ).

5.1. Phương thức, giá trị và tỷ lệ góp vốn đầu tư của dự án:

- Vốn góp chủ sở hữu: 45.720.000.000 VNĐ tương đương 2.000.000 USD chiếm tỷ lệ 28,6% tổng vốn đầu tư của dự án.

- Vốn vay và huy động: 114.300.000.000 VNĐ tương đương 5.000.000 USD chiếm tỷ lệ 71,4% tổng vốn đầu tư của dự án.

5.2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư: Đã thực hiện

6. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 05/12/2057.

7. Tiến độ thực hiện của dự án: Dự án đã đi vào hoạt động.

Điều 3: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án đầu tư

Dự án đầu tư được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy CNĐKĐT lần đầu.

Điều 4. Các điều kiện đối với hoạt động của dự án

1. Chấp hành nghiêm các quy định và biện pháp liên quan đến xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam trong quá trình thực hiện dự án.

2. Chấp hành nghiêm các quy định đối với doanh nghiệp chế xuất; thực hiện đúng cam kết và quy định về công nghệ và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất; Tuân thủ luật Việt Nam và các nội dung của Giấy CNĐKĐT này trong quá trình hoạt động; Đăng ký cấp tài khoản của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài.

3. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định; chịu trách nhiệm về việc góp vốn và huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai dự án.

4. Thực hiện chế độ báo cáo và thống kê định kỳ gửi Ban Quản lý các KCN và Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang theo quy định.

Điều 5. Giấy CNĐKĐT này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy CNĐKĐT mã số dự án 9935863131 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 22/3/2018, thay đổi lần thứ nhất ngày 22/11/2021.

Điều 6. Giấy CNĐKĐT này được lập thành 02 (hai) bản gốc, nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang./.

TRƯỞNG BAN



Đào Xuân Cường



UBND TỈNH BẮC GIANG
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 9935863131

Chứng nhận lần đầu: Ngày 22 tháng 3 năm 2018

Chứng nhận thay đổi lần thứ ba: Ngày 11 tháng 01 năm 2023

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (CNDKĐT) mã số dự án 9935863131 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 22/3/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 08/9/2022;

Căn cứ văn bản và hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy CNDKĐT của Công ty TNHH bao bì E-Pac Việt Nam nộp ngày 09/01/2023,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG CHỨNG NHẬN

Điều 1: Nhà đầu tư

1. Tên nhà đầu tư: E-PAC (FAR EAST) CO., LTD.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1244620 do cơ quan đăng ký doanh nghiệp Hong Kong cấp lần đầu ngày: 05/6/2008, cấp lại ngày 05/06/2017

Địa chỉ trụ sở chính: Flat/Rm A&B, 12/F, Kings Wing Plaza 2, No.1 On Kwan Street, Shek Mun, Shatin, New Territories, Hong Kong, Trung Quốc.

2. Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư:

Họ và tên: LUN TIN YEU TERENCE; Sinh ngày: 16/7/1966; Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch; Quốc tịch: Trung Quốc; Hộ chiếu số: HJ2188798

Ngày cấp: 12/10/2022; Cơ quan cấp: Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, Đặc khu hành chính Hong Kong.

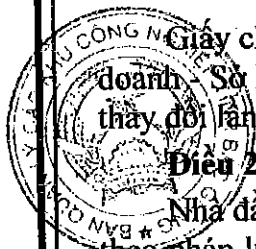
Địa chỉ thường trú: Flat A, 3/F, Tower 2, Providence Peak, 8 FO CHUN Road, Tai Po, N.T. Hong Kong, Trung Quốc

Chỗ ở hiện tại: Phòng SA2603, Tòa nhà 31 tầng chung cư Vinhomes Bắc Ninh, Phường Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

3. Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

Tên tổ chức kinh tế: CÔNG TY TNHH BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM

1-9935863131/IZABG/ĐC3



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400834885 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang, cấp lần đầu ngày 27/3/2018, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 30/12/2019.

Điều 2. Nội dung dự án đầu tư

Nhà đầu tư đăng ký điều chỉnh cập nhật lại thông tin hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư thực hiện dự án “Dự án gia công các sản phẩm bao bì cao cấp E-Pac Việt Nam” kèm theo Giấy CNĐKĐT mã số dự án 9935863131 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 22/3/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 08/9/2022 như sau:

1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM BAO BÌ CAO CẤP E-PAC VIỆT NAM

2. Địa điểm thực hiện dự án: Lô CN-06-39, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. Diện tích đất sử dụng: 12.674,77 m².

4. Mục tiêu và quy mô của dự án:

- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì, chi tiết: Sản xuất, gia công các sản phẩm bao bì cao cấp, công suất khoảng: 54.000.000 sản phẩm/năm, trong đó:
 - + Hộp bì carton: 14.000.000 sản phẩm/năm;
 - + Hộp giấy màu: 15.000.000 chiếc/năm;
 - + Vách ngăn màu trong của hộp bao bì sản phẩm: 25.000.000 chiếc/năm;
- Sản xuất các sản phẩm khác bằng giấy và bì chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất cốc, chén, đĩa, khay bằng giấy: 2.000.000 sản phẩm/năm;
- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn, chi tiết: in sách hướng dẫn sử dụng đặt trong hộp bao bì sản phẩm: 27.000.000 sản phẩm/năm;
- Dự án đầu tư đăng ký xuất khẩu 100% sản phẩm và được áp dụng các quy định đối với doanh nghiệp chế xuất.

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 160.020.000.000 VNĐ (một trăm sáu mươi tỷ không trăm hai mươi triệu đồng Việt Nam) tương đương 7.000.000 USD (bảy triệu đô la Mỹ).

5.1. Phương thức, giá trị và tỷ lệ góp vốn đầu tư của dự án:

- Vốn góp chủ sở hữu: 45.720.000.000 VNĐ tương đương 2.000.000 USD, chiếm tỷ lệ 28,6% tổng vốn đầu tư của dự án.
- Vốn vay và huy động: 114.300.000.000 VNĐ tương đương 5.000.000 USD chiếm tỷ lệ 71,4% tổng vốn đầu tư của dự án.

5.2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư: Đã thực hiện.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 05/12/2057.

7. Tiến độ thực hiện của dự án: Dự án đã đi vào hoạt động

Điều 3: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án đầu tư

Dự án đầu tư được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy CNĐKĐT lần đầu.

Điều 4. Các điều kiện đối với hoạt động của dự án

1. Chấp hành nghiêm các quy định và biện pháp liên quan đến xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam trong quá trình thực hiện dự án.

2. Chấp hành nghiêm các quy định đối với doanh nghiệp chế xuất; thực hiện đúng cam kết và quy định về công nghệ và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất; Tuân thủ luật Việt Nam và các nội dung của Giấy CNĐKĐT này trong quá trình hoạt động; Đăng ký cấp tài khoản của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài.

3. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định; chịu trách nhiệm về việc góp vốn và huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai dự án.

4. Thực hiện chế độ báo cáo và thông kê định kỳ gửi Ban Quản lý các KCN và Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang theo quy định.

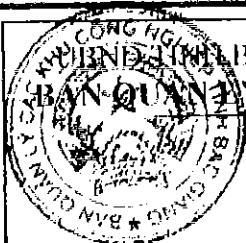
Điều 5. Giấy CNĐKĐT này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy CNĐKĐT mã số dự án 9935863131 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 22/3/2018, thay đổi lần thứ hai ngày 08/9/2022.

Điều 6. Giấy CNĐKĐT này được lập thành 02 (hai) bản gốc, nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang./.

TRƯỞNG BAN



Đào Xuân Cường



BAN QUẢN LÝ CÁC KCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 9935863131

Chứng nhận lần đầu: Ngày 22 tháng 3 năm 2018

Chứng nhận thay đổi lần thứ bốn: Ngày 06 tháng 4 năm 2023

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Quản lý các khu công nghiệp (KCN) tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (CNDKĐT) mã số dự án 9935863131 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 22/3/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 11/01/2023;

Căn cứ văn bản và hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy CNDKĐT của Công ty TNHH bao bì E-Pac Việt Nam nộp ngày 03/4/2023.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG
CHỨNG NHẬN

Điều 1: Nhà đầu tư

1. Tên nhà đầu tư: E-PAC (FAR EAST) CO., LTD.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1244620

Cơ quan cấp: Cơ quan đăng ký doanh nghiệp Hong Kong cấp lần đầu ngày 05/6/2008, cấp lại ngày 05/6/2017.

Địa chỉ trụ sở chính: Flat/Rm A&B, 12/F, Kings Wing Plaza 2, No.1 On Kwang Street, Shek Mun, Shatin, New Territories, Hong Kong, Trung Quốc.

2. Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư:

Họ và tên: LUN TIN YEU TERENCE; Sinh ngày: 16/7/1966; Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch; Quốc tịch: Trung Quốc; Hộ chiếu số: HJ2188798.

Ngày cấp: 12/10/2022; Cơ quan cấp: Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, Đặc khu hành chính Hong Kong.

Địa chỉ thường trú: Flat A, 3/F, Tower 2, Providence Peak, 8 FO CHUN Road, Tai Po, N.T. Hong Kong, Trung Quốc

1-9935863131/IZABC/DC4



Thực hiện tại: Phòng SA2603, Toà nhà 31 tầng chung cư Vinhomes Bắc Ninh,
Phường Xuân Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư

Tên tổ chức kinh tế: CÔNG TY TNHH BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400834885 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang, cấp lần đầu ngày 27/3/2018, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 30/12/2019.

Điều 2. Nội dung dự án đầu tư

Nhà đầu tư đăng ký điều chỉnh mục tiêu và quy mô của dự án “Dự án gia công các sản phẩm bao bì cao cấp E-Pac Việt Nam” kèm theo Giấy CNĐKĐT mà số dự án 9935863131 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 22/3/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 11/01/2023 như sau:

1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM BAO BÌ CAO CẤP E-PAC VIỆT NAM

2. Địa điểm thực hiện dự án: Lô CN-06-39, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. Diện tích đất sử dụng: 12.674,77 m².

4. Mục tiêu và quy mô của dự án:

- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa, chi tiết: Sản xuất, gia công các sản phẩm bao bì cao cấp, khoảng 54.000.000 sản phẩm/năm, trong đó:

+ Hộp bìa carton: 14.000.000 sản phẩm/năm;

+ Hộp giấy mẫu: 15.000.000 chiếc/năm;

+ Vách ngăn màu trong của hộp bao bì sản phẩm: 25.000.000 chiếc/năm;

- Sản xuất các sản phẩm khác bằng giấy và bìa chưa được phân vào đầu, chi tiết: Sản xuất cốc, chén, đĩa, khay bằng giấy: 2.000.000 sản phẩm/năm.

- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn, Chi tiết: in sách hướng dẫn: 27.000.000 sản phẩm/năm.

- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, chi tiết: Sản xuất, gia công túi vải không dệt. Quy mô 9.600.000 sản phẩm/năm. **(Bổ sung mới)**

- Dự án đầu tư đăng ký xuất khẩu 100% sản phẩm và được áp dụng các quy định đối với doanh nghiệp chế xuất.

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 160.020.000.000 VNĐ (một trăm sáu mươi tỷ không trăm hai mươi triệu đồng Việt Nam) tương đương 7.000.000 USD (bảy triệu đô la Mỹ).

5.1. Phương thức, giá trị và tỷ lệ góp vốn đầu tư của dự án:

- Vốn góp chủ sở hữu: 45.720.000.000 VNĐ tương đương 2.000.000 USD, chiếm tỷ lệ 28,6% tổng vốn đầu tư của dự án.

- Vốn vay và huy động: 114.300.000.000 VNĐ tương đương 5.000.000 USD chiếm tỷ lệ 71,4% tổng vốn đầu tư của dự án.

5.2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư: Đã thực hiện.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 05/12/2057.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2400834885

Đăng ký lần đầu: ngày 27 tháng 03 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 30 tháng 12 năm 2019

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: E-PAC VIETNAM PACKAGING
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: E-PAC VIETNAM PACKAGING CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Nhà xưởng CN-06-39, Lô CN-06, Khu công nghiệp Vân Trung, Xã Vân Trung, Huyện
Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0904579909

Fax:

Email: kitty@epac-china.com

Website:

3. Vốn điều lệ 45.720.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ bảy trăm hai mươi triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: E-PAC (FAR EAST) COMPANY LIMITED

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 1244620

Ngày cấp: 05/06/2008 Nơi cấp: Sở đăng ký doanh nghiệp Hồng Kông

Địa chỉ trụ sở chính: Flat/RM A&B 12/F., Kings wing Plaza 2, No.1 on Kwan Street,
Shek Mun, Shatin, New Territories, Hồng Kông, Trung Quốc

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LUN TIN YEU TERENCE

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Công ty

Sinh ngày: 16/07/1966 Dân tộc: Quốc tịch: Trung Quốc

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: KJ0294325

Ngày cấp: 12/07/2013 Nơi cấp: Sở sự vụ nhập cảnh đặc khu hành chính
Hồng Kông, Trung Quốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Flat A, 3/F, Tower 2, Providencepeak, 8Fo Chun
road, Taipo, N.T., Hồng Kông, Trung Quốc

Chỗ ở hiện tại: Phòng SA2603, tòa nhà 31 tầng chung cư Vinhomes Bắc Ninh,,
Phường Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam



NGUYỄN VŨ ĐIỂN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32 /GXN-UBND

Việt Yên, ngày 16 tháng 10 năm 2018

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

UBND huyện Việt Yên xác nhận Công ty TNHH Bao Bì E-pac Việt Nam, địa chỉ liên hệ: Lô CN 06-39, Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường đối với dự án “Dự án gia công các sản phẩm bao bì cao cấp E.pac Việt Nam” (địa điểm thực hiện dự án: Lô CN 06-39, Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang) tại UBND huyện Việt Yên vào ngày 16 tháng 10 năm 2018.

Công ty TNHH Bao Bì E-pac Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

3. Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “Dự án gia công các sản phẩm bao bì cao cấp E.pac Việt Nam” kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Công ty TNHH Bao Bì E-pac Việt Nam để thực hiện và được lưu tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Bao Bì E-pac Việt Nam;
- Phòng TN&MT;
- Lưu: VT.

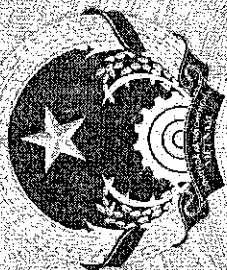
Bản điện tử:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý KCN tỉnh Bắc Giang;
- Chủ tịch UBND huyện;
- Đ/c Nguyễn Văn Phương - PCT huyện;
- Bộ phận “Một cửa”;
- CVP, CVKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phương



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH bao bì E - Pac Việt Nam

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 2400834835 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 27/03/2018. Đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 30/12/2019.

Địa chỉ trụ sở chính: Nhà xưởng CN - 06 - 39, Lô CN - 06, Khu công nghiệp Văn Trung, xã Văn Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

CV 458646

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- Thửa đất số: 01; Tờ bản đồ số: Mảnh trích đo địa chính thửa đất số 04 - 2018
- Địa chủ thửa đất: Một phần lô CN - 06; khu công nghiệp Văn Trung, xã Văn Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
- Diện tích: 12.674,0 m²; (bằng chữ: Mười hai nghìn sáu trăm bảy mươi bốn phẩy không mét vuông)
- Hình thức sử dụng đất: Sử dụng riêng
- Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp
- Thời hạn sử dụng: Đến ngày 05/12/2057
- Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà xưởng CN - 06 - 39

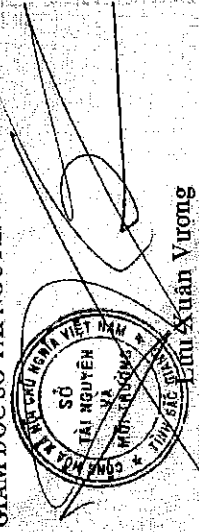
Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng CN - 06 - 39	8.095,0	12.542,0	Sở hữu riêng	-/-	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

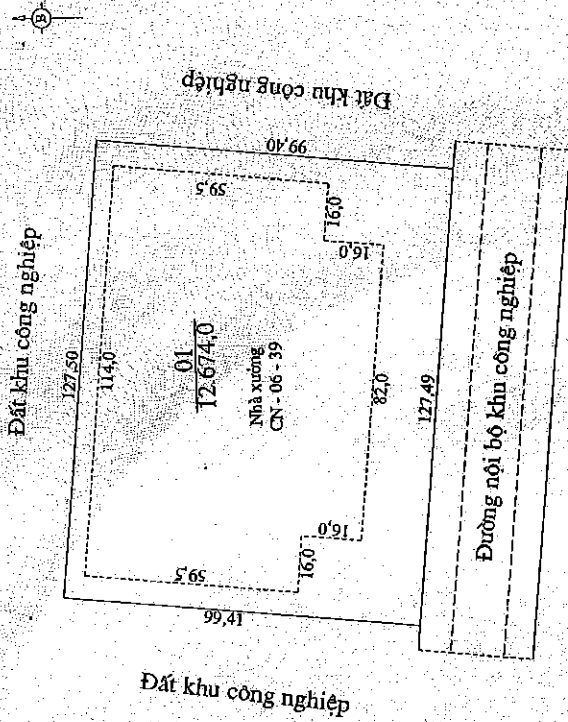
6. Ghi chú:

Bắc Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2020
 TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
 TUV. CHỦ TỊCH
 GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Số vào sổ cấp GCN: 0501662/002
 Vào sổ địa chính trang số 35. Quyển số 32

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

越南社会主义共和国

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

獨立-自由-幸福

=====&=====

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI

經濟合同

收集、運輸與處理危害廢物合同

Số/ 編號: 0200184/BC-TT/KT-XL

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH 13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn thi hành;
根据越南社会主义共和国第十三届国民议会批准的第 91/2015 / QH 13 号民法典, 2015 年 11 月 10 日和修订文件, 实施说明
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
根据越南社会主义共和国第十三届国民议会批准的第 55/2014 / QH13 号环境保护法, 2014 年 6 月 23 日第七届会议和指导文件
- Căn cứ Nghị Định số 38/2015/NĐ-CP ngày 15/6/2015 của Chính Phủ về quản lý chất thải và ;
根据 2015 年 6 月 15 日政府关于废物和废料管理的第 38/2015 / ND-CP 号法令;
- Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015, về quản lý chất thải nguy hại.
根据 2015 年 6 月 30 日关于危险废物管理的第 36/2015 / TT-BTNMT 号通知
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.
根據雙方的能力與需求.

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2020, tại Văn phòng Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành chúng tôi gồm.

今天 2020 年 07 月 01 日 在顺城环保股份公司的辦公室, 達成以下內容:

I. BÊN A: CÔNG TY TNHH BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM

甲方: 越南易帕包装有限公司

- Đại diện/代表人: **HUANG QING PING** Chức vụ/职位: **Tổng giám đốc/总经理**
- Theo Hợp đồng ủy quyền số: 200101/HĐUQ
授权书编码: 200101/HĐUQ
- Mã số thuế/税号: 2400834885
- Địa chỉ: Nhà xưởng CN-06-39, Lô CN-06, Khu công nghiệp Vân Trung, Xã Vân Trung, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
地址: 公司地址: 越南, 北江省, 越安县, 云中社、云中工业区, CN-06 号, CN-06-39 厂房。

- Tài khoản 帐户: 0731000798562 Ngân hàng VIETCOMBANK- Bắc Giang/ 在 VIETCOMBANK 银行- 北江分行

- Điện thoại /電話 :02043856111 Fax/傳真 :.....

II. BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

乙方: 顺城环保股份公司

- Ông/乙方代表: **VŨ VĂN CƯỜNG** 武文強 Chức vụ/職務: Phó Giám đốc 副總經理

Đại diện theo giấy ủy quyền số 20/MTTT-GUQ do người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần môi trường Thuận Thành ký ngày 02/08/2020.

授權代表文件號為 20/MTTT-GUQ, 由順城環保公司法人代表與 2018 年 11 月 20 日簽發.

- Tài khoản/帳戶: 118009309999 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh

- Mã số thuế/税号: 2300426314

- Địa chỉ/地址 : Thôn Ngọc Khám, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

- Điện thoại : 電話: 0222-3717.286 Fax/傳真:

Sau khi thỏa thuận, Hai bên đồng ý ký kết hợp đồng này với các điều kiện và điều khoản sau đây:
协议签订后, 双方同意签订本合同, 条款和条件如下:

Điều 1: Nội dung của Hợp Đồng

第 1 条: 合同内容

- Bên A đồng ý thuê, Bên B đồng ý nhận thực hiện các công việc bao gồm nhưng không giới hạn:
甲方同意聘用, 乙方同意接受工作, 包括但不限于:
- Thu gom, vận chuyển xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại của bên B. (sau đây gọi tắt là chất thải).
- 收集和运输和处理生活垃圾和工业废物和危险废物)
- Bên B phải tuân thủ thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại và bảo vệ môi trường của pháp luật Việt Nam trong việc thu gom, vận chuyển xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại của Bên A cũng như việc tái chế chất thải sau quá trình thu gom, xử lý.
- 购买甲方出口到工业废物储存和处理区域和物质过程中产生的废弃物。乙方危险废物..
(以下简称废物和废乙方必须遵守越南法律在收集和运输家庭和工业废物处理方面的危险废物管理和环境保护法的规定。甲方的危险废物以及收集和处理过程后的废物回收

Điều 2 : Địa điểm, Thời gian giao nhận, Phương tiện vận chuyển

第二條: 交接廢棄物的時間與地點, 運輸工具。

1. Địa điểm giao nhận chất thải : 交付和接收废物和废弃物的地点:

- Bên B tiến hành thu gom, vận chuyển chất thải tại các vị trí chứa chất thải của Bên A và các vị trí khác do Bên A chỉ định.

乙方在甲方废弃地点和甲方指定的其他位置进行废弃物和废料的收集和运输。

2. Thời gian giao nhận chất thải : 废物和废料的交付时间

- Sau khi Bên A thông báo cho Bên B trong vòng 02 ngày. Trong mọi trường hợp, Bên B phải chủ động sắp xếp nhân lực, phương tiện và tuân thủ thời gian giao nhận chất thải theo đúng chỉ định

của Bên A, không được có bất kỳ hành vi chậm trễ, trì hoãn, kéo dài việc giao nhận chất thải nêu trên.

甲方在 02 天内通知乙方。在任何情况下, 乙方必须严格按照甲方的指示, 积极安排人力资源和设施, 遵守废物的交付和交付时间, 不得有任何延误, 延误或延长行为。上面提到的废物交付

3. Phương tiện vận chuyển: 运输方式:

- Bên B chịu trách nhiệm bố trí nhân lực bốc xếp và phương tiện vận chuyển chuyên dụng đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải của Bên A theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

方负责根据越南法律的现行规定, 安排装卸人员和专业运输工具, 以符合运输甲方废物和废料的标准和卫生条件。南。

- Xe bên B vào thu gom, vận chuyển cần phải tuân thủ theo quy định của Bên A.
乙方的车辆必须按照甲方的规定进行收集和运输。
- Các loại phương tiện vận chuyển Chất thải nguy hại phải nằm trong danh mục phương tiện vận tải được phép chuyên chở Chất thải nguy hại do Bộ Tài Nguyên Môi Trường cấp phép.
运输方式的类型危险废物必须列入允许运输危险废物的运输工具清单, 该清单由自然资源和环境部许可

- Toàn bộ chi phí giao nhận, bốc xếp, vận chuyển chất thải, thu mua của Bên A do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.

交付, 装载, 运输废物, 购买甲方废物的所有费用应由乙方支付。

- Địa điểm lưu trữ và xử lý Chất thải nguy hại:

储存和处理危险废物的地点

- Sau khi thu gom chất thải của Bên A, Bên B lưu trữ và xử lý chất thải nguy hại tại nhà máy xử lý chất thải của Bên B là Công ty cổ phần Môi Trường Thuận Thành có địa chỉ tại: Thôn Ngọc Khám, Xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

在收集甲方的废物后, 乙方在乙方环保股份公司乙方的废物处理厂储存和处理危害废物, 地址为: 越南、北宁、顺城县、家栋社、玉堪村。

Điều 3: Đơn giá và Phương thức thanh toán 单价和付款方式

3.1. Đơn giá 單價:

- Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải được hai bên quy định như sau:

收集, 运输和处理废物的单价如下:

STT 序號	Danh mục 名單	ĐVT 單位	Đơn giá xử lý (-) 处理單價(越盾) (VNĐ)
1	Rác công nghiệp 工业垃圾	Kg 公斤	-0
2	Rác sinh hoạt 生活垃圾	Kg 公斤	-0
3	Bóng đèn huỳnh quang thải 灯管	Kg 公斤	-3.000
4	Găng tay, giẻ lau nhiễm TPNH 手套/抹布沾有 危害成分	Kg 公斤	-3.000

5	Mực in thải 废弃油墨	Kg 公斤	-3.200
6	Hộp mực in thải 废弃油墨盒	Kg 公斤	-3.000
7	Dầu thải từ quá trình bảo dưỡng máy móc 保养设备废弃的废弃油	Kg 公斤	-2.500
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm TPNH 金属类硬质包装废料	Kg 公斤	-3.000
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm TPNH 塑料类硬质包装废料	Kg 公斤	-3.000
10	Cặn sơn 油漆渣	Kg 公斤	-3,500
11	Keo thải 废胶水	Kg 公斤	-3,500
12	Bùn thải 污泥	Kg 公斤	-3,000
13	Xử lý bể phốt 化粪池	M3	-350,000

- Đơn giá này là đơn giá cố định và Bên B cam kết không phát sinh thêm bất kỳ chi phí nào khác trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.

以上该单价为固定单价，乙方承诺在合同履行过程中不发生任何其他费用。

3.2. Phương thức thanh toán: 付款方式:

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng 付款方式: 越南盾
- Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản 付款方式: 现金或银行转账
- Thời hạn thanh toán: Căn cứ trên khối lượng chất thải được thu gom, vận chuyển và xử lý theo biên bản giao nhận giữa hai bên. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ, hợp pháp từ Bên B.

付款期限: 根据双方的交货和收货时间收集, 运输和处理的废物量。甲方收到乙方有合法的财务发票后, 在 30 天内甲方将付款给乙方。

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

第四條: 各方的责任

4.1 Trách nhiệm và quyền lợi của bên A/ 甲方的責任

- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo điều khoản 3 trong hợp đồng.
按照合同的第三條給乙方結算。
- Có quyền cử người giám sát, hướng dẫn nội quy, quy định của Bên A cho nhân viên của Bên B vào thu gom chất thải.
有权任命主管, 指导甲方的员工收集废物的规章制度
- Được Bên B thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và thu mua tái chế theo đúng quy định tại Hợp đồng này và quy định pháp luật. Trong trường hợp, Bên B/nhân viên của Bên B tiến hành thu gom rác, vận chuyển và xử lý chất thải không đảm bảo các tiêu chuẩn do bên A yêu cầu và theo quy định của pháp luật. Bên A có quyền yêu cầu Bên B thu gom, vận chuyển lại toàn bộ chất thải cho Bên A mà không phải thanh toán cho Bên B bất kỳ chi phí nào khác.

由回收 B 按照本合同和法律的规定进行收集, 运输, 处理和收集。如果乙方/乙方的工作人员进行垃圾收集, 废物的运输和处理不符合甲方要求的标准, 并依法进行。甲方有权要求乙方向乙方收集和运输所有废弃物, 而无需向乙方支付任何其他费用。

- Trong trường hợp lượng chất thải, phát sinh tăng hoặc do nhu cầu của Bên A, bên A có quyền thông báo trước 4 giờ cho Bên B, Bên B sau đó phải có mặt ngay lập tức để tiến hành thu gom chất thải theo yêu cầu Bên A mà không được yêu cầu thanh toán thêm bất kỳ chi phí nào.
- 如果产生废物和废料的数量或由于甲方的要求, 甲方有权提前 4 天通知乙方, 乙方必须立即到场进行废物收集。根据甲方的要求, 无需额外付款
- Từ chối ký Biên bản giao nhận trong trường hợp Bên A nhận thấy số lượng chất thải, không chính xác hoặc Bên B có bất kỳ hành vi gian dối, không trung thực trong việc cân đo.
- 如果甲方注意到废物和废料的数量不正确或乙方在称重时有任何欺诈或不诚实的行为, 则拒绝签署交货纪要。
- Được miễn trừ mọi trách nhiệm trong mọi trường hợp Bên B vi phạm các quy định của pháp luật liên quan đến hợp đồng này (bao gồm nhưng không giới hạn: không đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển chất thải, , không xử lý chất thải đúng quy trình, quy định của pháp luật/ Bên B bị xử phạt hành chính....) và/hoặc gây bất kỳ thiệt hại nào cho Bên thứ ba.
- 乙方违反本合同相关法律规定 (包括但不限于: 在收集和运输物质过程中不保证环境卫生), 免除所有责任废物, 废料, 不按照程序处置废物, 法律/乙方的规定在行政上受到制裁.....) 和/或对第三方造成任何损害。
- Trong trường hợp bên B thực hiện đầy đủ công việc như đã thỏa thuận trong hợp đồng thì bên A được quyền thuê bên thứ ba khác để tiếp tục thực hiện việc thu gom và xử lý chất thải,, mọi chi phí bên A thuê bên thứ ba để thực hiện công việc này sẽ do bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm thanh toán.
- 如果乙方完全履行合同约定的工作, 甲方有权雇用另一个第三方继续收集和处理废物, 甲方从另一方租赁的所有费用。三人做这项工作将全权负责乙方的付款
- Yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Bên B theo quy định của Hợp đồng này.
- 要求乙方根据本协议赔偿违反乙方的损害赔偿和处罚
- Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật.
- 根据合同条款和法律规定的其他权利。

4.2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B/ 乙方的责任和义

- Bên B có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các loại giấy phép, chứng chỉ chứng minh đủ điều kiện, tiêu chuẩn để vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo của của pháp luật.
- 乙方负责依法提供各种许可证和证明, 证明其符合危险废物运输和处理的资格和标准
- Tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải bao gồm nhưng không giới hạn
- 关于废物收集, 运输和处置的法律规定的遵守和全面实施包括但不限于
- Luật bảo vệ môi trường của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 55/2014-QH13, Hiệu lực ngày 01/01/2015.
- 越南社会主义共和国第 55/2014-QH13 号环境保护法, 自 2015 年 1 月 1 日起生效
- Nghị Định số 38/2015/NĐ-CP.
- 第 38/2015 / ND-CP 号法令

- Thông tư 36/2015/TT-BTNMT, ngày 30 tháng 6 năm 2015
2015年6月30日第36/2015/TT-BTNMT号通函
- Các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan khác.
其他相关法律文件
- Bảng chi phí của mình chịu trách nhiệm sắp xếp nhân công bốc xếp và phương tiện vận chuyển chuyên dụng đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển toàn bộ chất thải của Bên A theo yêu cầu của Bên A và theo quy định pháp luật.
自费，负责安排装卸人员和专业卫生专用运输工具，按甲方要求，按照规定运输甲方的所有废弃物。法
- Cử Cán Bộ chuyên môn giám sát khối lượng chất thải giao nhận, phối hợp trong việc thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).
任命专业人员监督交付的废物量，协调合同的执行并解决出现的问题（若有）
- Chịu trách nhiệm vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải theo kế hoạch và phương án đã thống nhất giữa hai bên. Đồng thời đảm bảo các quy định về vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện công việc, dọn dẹp sạch sẽ khu vực giao nhận, tuân thủ các nội quy, quy định của Bên A và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.
负责根据双方的计划和商定的计划运输，储存和处理废物。同时，在实施工作过程中确保环境卫生法规，清理交付区域，遵守甲方的规章制度，遵守法律规定。现行法律
- Bảng chi phí của mình cam kết chịu trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra bao gồm nhưng không giới hạn: phương tiện Bên B gặp sự cố,Giải quyết triệt để, ngay lập tức không để chất thải ứ đọng, làm ảnh hưởng vệ sinh, môi trường khu vực của bên A.
通过自费，它承诺负责解决事故，包括但不限于：乙方的车辆有问题.....完全解决，立即不留下停滞不前的浪费，制作影响甲方的环境卫生和环境
- Chịu mọi trách nhiệm trong trường hợp Bên B vi phạm các quy định của pháp luật, quy định nội quy của Bên A và/hoặc gây thiệt hại cho Bên thứ ba liên quan đến việc thực hiện công việc quy định tại Hợp đồng này.
如果乙方违反了甲方法规，法规的规定和/或对本合同规定的工作执行造成的第三方损害，则承担全部责任
- Xuất hóa đơn tài chính hợp lệ, hợp pháp cho Bên A.
向甲方出口有效和合法的财务发票
- Bảo đảm thu gom, xử lý, toàn bộ lượng Chất thải, theo đúng quy định của hợp đồng này.
确保按照合同收集，处理所有废物和废料。
- Bên B có thể nghiên cứu áp dụng các phương pháp xử lý khác hoặc tái chế nếu được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A và trên cơ sở tuân thủ các quy định về môi trường.
如果甲方书面同意并遵守环境法规，乙方可以研究其他处理方法的应用或回收
- Thông báo kịp thời, đầy đủ cho bên A về các vấn đề phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.
及时充分通知甲方在废物收集，运输和处理过程中出现的问
- Cung cấp cho bên A hồ sơ pháp lý của việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và quy trình xử lý khi bên A yêu cầu.
在甲方要求时要向甲方提供废水回收，运输，处理流程的法律文件。
- Chuyển giao toàn bộ các hóa đơn, chứng từ cho bên A theo quy định.

根据规定向甲方转交全部发票,证书。

Điều 5: Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

第 5 条: 违反和损害赔偿的行为

- Trong mọi trường hợp Bên B vi phạm bất kỳ các điều khoản nào tại Hợp đồng này đều được coi là vi phạm nghĩa vụ trong Hợp đồng, Bên B đồng ý chịu phạt vi phạm 8% giá trị nghĩa vụ bị vi phạm đồng thời bồi thường bao gồm nhưng không giới hạn thiệt hại trực tiếp, thiệt hại gián tiếp và các chi phí phát sinh khác cho Bên A.

在所有情况下, 乙方违反本合同的任何条款, 被视为违反合同中的义务, 乙方同意同时被罚款 8% 的违约金罚款赔偿包括但不限于甲方的直接损害赔偿, 间接损害赔偿和其他费用

Điều 6: Chấm dứt hợp đồng

第 6 条: 终止合同

Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:

合同在以下情况下结束:

6.1 Hết thời hạn Hợp đồng mà hai bên không gia hạn;

合同期限已经到期, 双方不续约;

6.2 Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức mà không cần sự đồng ý của Bên B do bất kỳ hành vi vi phạm Hợp đồng nào của Bên B. Trong trường hợp này, Bên B có nghĩa vụ thực hiện các quy định tại Điều 5 Hợp đồng này. Bên A được miễn trừ mọi trách nhiệm liên quan đến việc chấm dứt Hợp đồng này.

由于违反乙方合同, 甲方可以在未经乙方同意的情况下, 立即单方面终止合同。在这种情况下, 乙方有义务履行合同。本合同第 5 条规定。甲方应免除与终止本协议相关的所有责任。

6.3 Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng không do lỗi của Bên B mà không cần sự đồng ý của Bên B. Trong trường hợp này, Bên A sẽ thông báo trước cho Bên B 01 ngày. Hợp đồng tự động chấm dứt từ ngày Bên A thông báo. Bên A được miễn trừ mọi trách nhiệm liên quan đến việc chấm dứt Hợp đồng này

未经乙方同意, 甲方可以在没有乙方过错的情况下单方面终止合同。在这种情况下, 甲方将提前一天提前通知乙方。合同自甲方通知之日起自动终止。甲方应免除与终止本协议相关的所有责任

Điều 7: Các điều khoản chung.

第 7 条: 共同条款

- Hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, Nếu có vấn đề gì phải kịp thời thông báo cho bên còn lại được biết và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng, hòa giải đảm bảo lợi ích của hai bên.

雙方主動通知實現合同的進度, 若有問題需要檢討, 需及時通知, 主動討論, 商量與解決問題以保證雙方的利益。

- Hợp đồng này được lập, điều chỉnh, thực hiện và giải quyết theo pháp luật Việt Nam. Trong trường hợp, các tranh chấp hoặc mâu thuẫn nảy sinh hay liên quan đến Hợp Đồng này được giải quyết bằng thương lượng, hòa giải. Trong trường hợp thương lượng giải quyết không thành thì

tranh chấp đó sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án kinh tế có thẩm quyền tại Việt Nam . Án phí do bên thua kiện chịu trách nhiệm chi trả.

根据越南法律制定，调整，实施和解决本合同。如果出现或与本协议有关的争议或冲突通过谈判和调解解决。如果商量不成，纠纷将在越南经济法院解决。法庭案费由败诉方承担。

Điều 8: Hiệu lực hợp đồng.

第六条款：合同效力。

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01/ 07 / 2020 đến 30 / 06 / 2022 và được lập thành 04 bản, bằng Tiếng Việt và Tiếng Trung mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự bất đồng giữa hai ngôn ngữ, các bên đồng ý lấy tiếng Việt làm chuẩn.

本合同從 2020 年 07 月 01 日 到 2022 年 06 月 30 日 起有效，製成 04 份包括越南語與中文，各方留 02 份，有一樣的法律價值。如果两种语言存在分歧，双方同意以越南语为标准

ĐẠI DIỆN BÊN A

甲方代表



TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG QING PING

ĐẠI DIỆN BÊN B

乙方代表



PHÓ GIÁM ĐỐC
VŨ VĂN CƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

越南社會主義共和國

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

獨立-自由-幸福

=====&=====

HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CHẤT THẢI

废物转移合同

Số/ 編號 : 05082022 /CGCT/EP-BN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015; 根據 2015 年 11 月 24 日越南社會主義共和國國民議會通過的民法典
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
根據 2020 年 06 月 17 日第 59/2020/QH14 號越南社會主義共和國企業法
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;
根據越南社會主義共和國國民議會於 2020 年 11 月 17 日通過並自 2022 年 1 月 1 日起生效的環境保護法
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
根據政府 2022 年 1 月 10 日第 08/2022/ND-CP 号法令，其中详细说明了《环境保护法》的若干条款
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
根據自然資源和環境部 2022 年 1 月 10 日第 02/2022/TT-BTNMT 号通知，该通知详细说明了《环境保护法》若干条款的实施情况；
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4-5-6.122.VX của Công ty Cổ phần Phát triển Môi trường Bình Nguyên được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 10/01/2022;

根據資源環境部於 2022/01/10 日签发给平原环保开发股份公司 1-2-3-4-5-6.122.VX 號
的危害废物許可。

- Căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;
根據現行相關法律規定；
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.
根據雙方的能力和需求

Hôm nay, ngày 01 tháng 08 năm 2022, chúng tôi gồm.

今天 2022 年 08 月 01 日，我們包括：

I. BÊN A: CÔNG TY TNHH BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM

甲方：越南易帕包裝有限公司

Đại diện/代表人: WEI HANG XING

Chức vụ/職位: Phó tổng giám đốc/副總經理

Theo Hợp đồng ủy quyền số: 211201/HĐUQ;

根據授權委託書: 211201/HĐUQ

- Địa chỉ : Nhà xưởng CN-06-39, Lô CN-06, KCN Vân Trung, Xã Vân Trung, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

地址：公司地址：越南，北江省，越安縣，云中鄉、云中工業區，CN-06 號，CN-06-39 號

- Điện thoại 电话: 02043856111

- Tài khoản số/賬號 : 0731000798562

- Tại ngân hàng/開戶銀行: Ngân hàng VIETCOMBANK- Bắc Giang/ 在 VIETCOMBANK 銀行- 北江分行

- Mã số thuế/稅號 : 2400834885

II. BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYỄN

乙方：平原環保開發股份有限公司

Đại diện/代表人: Ông Nguyễn Đình Duẩn

Chức vụ/職務: Giám đốc

- Tài khoản/帳戶: 25610000106106 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Chi nhánh Kinh Bắc.

- Mã số thuế/稅號: 2300796280

- Địa chỉ/地址 : Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

- Điện thoại : 電話: 0222.6535.666 Fax/傳真: 0222.6535.666

Sau khi thỏa thuận, Hai bên đồng ý ký kết hợp đồng này với các điều kiện và điều khoản sau đây:

經協商，雙方達成一致簽訂本合同以其條款如下：

Điều 1: Nội dung của Hợp Đồng

第 1 条：合同内容

Bên A đồng ý thuê, Bên B đồng ý nhận thực hiện các công việc bao gồm nhưng không giới hạn: 甲方同意聘用, 乙方同意接受工作, 包括但不限于:

Thu gom, vận chuyển xử lý chất thải (chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại) phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải của bên B.

将甲方生产过程中产生的废物（生活垃圾、普通工业固体废物、危险废物）收集、运输和处理至乙方的废物储存和处理区。

Bên B phải tuân thủ thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý chất thải và bảo vệ môi trường của pháp luật Việt Nam trong việc thu gom, vận chuyển xử lý chất thải của Bên A.

乙方必须严格遵守越南法律关于危险废物管理和环境保护法的规定, 收集、运输和处理生活、工业废物、危害废物以及收集后的废物回收。

Điều 2 : Địa điểm, Thời gian giao nhận, Phương tiện vận chuyển

第二條：交接廢棄物的時間與地點，運輸工具。

1. Địa điểm giao nhận chất thải : 交付和接收废物和废弃物的地点:

Bên B tiến hành thu gom, vận chuyển chất thải tại các vị trí chứa chất thải của Bên A và các vị trí khác do Bên A chỉ định.

乙方在甲方废弃地点和甲方指定的其他位置进行废弃物和废料的收集和运输。

2. Thời gian giao nhận chất thải : 废物的交接时间

Sau khi Bên A thông báo cho Bên B trong vòng 02 ngày. Trong mọi trường hợp, Bên B phải chủ động sắp xếp nhân lực, phương tiện và tuân thủ thời gian giao nhận chất thải theo đúng chỉ định của Bên A, không được có bất kỳ hành vi chậm trễ, trì hoãn, kéo dài việc giao nhận chất thải nêu trên.

甲方在 02 天内通知乙方。在任何情况下, 乙方必须严格按照甲方的指示, 积极安排人力资源和设施, 遵守废物的交付和交付时间, 不得有任何延误, 延误或延长行为。上面提到的废物交付

3. Phương tiện vận chuyển: 运输方式:

- Bên B chịu trách nhiệm bố trí nhân lực bốc xếp và phương tiện vận chuyển chuyên dụng đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải của Bên A theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

方负责根据越南法律的现行规定, 安排装卸人员和专业运输工具, 以符合运输甲方废物和废料的标准和卫生条件。南。

- Xe bên B vào thu gom, vận chuyển cần phải tuân thủ theo quy định của Bên A.
乙方的车辆必须按照甲方的规定进行收集和运输。

- Các loại phương tiện vận chuyển Chất thải nguy hại phải nằm trong danh mục phương tiện vận tải được phép chuyên chở Chất thải nguy hại do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp phép.

运输方式的类型危险废物必须列入允许运输危险废物的运输工具清单，该清单由自然资源和环境部许可

4. Địa điểm lưu trữ và xử lý Chất thải: 储存和处理危险废物的地点

Sau khi thu gom chất thải của Bên A, Bên B lưu trữ và xử lý chất thải tại nhà máy của Bên B địa chỉ tại: Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
在收集甲方的废物后，乙方在平原环保开发股份公司的废物处理厂储存和处理危害废物，地址为：北宁省 Que Vo 区 Phu Lang 乡 Dong Sai 村。

Điều 3: Đơn giá và Phương thức thanh toán 单价和付款方式

3.1. Đơn giá 單價:

Đơn giá được hai bên quy định như sau:

收集，运输和处理废物的单价如下：

STT 序號	Danh mục 名單	ĐVT 單位	Mã CTNH	Đơn giá (-) 处理單價 (越盾) (VND)
1	Rác công nghiệp 工業垃圾	Kg 公斤	-	-2.000
2	Rác sinh hoạt 生活垃圾	Kg 公斤	-	-2.000
3	Bóng đèn huỳnh quang thải 灯管	Kg 公斤	16 01 06	-2.200
4	Găng tay, giẻ lau nhiễm TPNH 手套/抹布沾有危害成分	Kg 公斤	18 02 01	-2.200
5	Mực in thải 废弃油墨	Kg 公斤	08 02 01	-2.200
6	Hộp mực in thải 废弃油墨盒	Kg 公斤	08 02 04	-2.200
7	Dầu thải từ quá trình bảo dưỡng máy móc 保养设备的废油	Kg 公斤	17 02 03	-2.200
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm TPNH 金属类硬质包装废料	Kg 公斤	18 01 02	-2.200
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm TPNH 塑料类硬质包装废料	Kg 公斤	18 01 03	-2.200
10	Sơn thải, cặn sơn 油漆渣	Kg 公斤	08 01 01	-3.000
11	Keo thải 废胶水	Kg 公斤	08 03 01	-3.000
12	Bùn thải 污泥	Kg 公斤	12 06 05	-3.000
13	Hút bể phốt 化粪池	M3	-	-320.000

Ghi chú:

- Đơn giá này là đơn giá cố định, chưa bao gồm thuế VAT và Bên B cam kết không phát sinh thêm bất kỳ chi phí nào khác trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.
以上该单价为固定单价，乙方承诺在合同履行过程中不发生任何其他费用。

- Dấu “-” là thể hiện chi phí mà CÔNG TY TNHH BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM phải trả

cho **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN**.

3.2. Phương thức thanh toán: 付款方式:

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng 付款方式: 越南盾
- Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản 付款方式: 现金或银行转账
- Thời hạn thanh toán: Căn cứ trên khối lượng chất thải được thu gom, vận chuyển và xử lý theo biên bản giao nhận giữa hai bên. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 30 ngày sau khi nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ, hợp pháp từ Bên B.

付款期限: 根据双方交割记录收集、运输和处理的废物量。甲方在收到乙方出具的有效、合法的财务发票后 30 日内向乙方付款。

- Bên B sẽ xuất hóa đơn tương ứng với khối lượng chất thải (thể hiện qua phiếu cân, biên bản bàn giao) theo từng lần chuyển giao và đơn giá quy định tại hợp đồng.

处理后的废物: 乙方将根据每次转移和本合同中规定的单价开具与废物量 (在称重单、交接记录中表示) 相对应的发票。

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

第四條: 各方的责任

4.1 Trách nhiệm và quyền lợi của bên A/ 甲方的責任

- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo điều khoản 3 trong hợp đồng.
按照合同的第三條給乙方結算。

- Có quyền cử người giám sát, hướng dẫn nội quy, quy định của Bên A cho nhân viên của Bên B vào thu gom chất thải.

有权任命主管, 指导甲方的员工收集废物的规章制度

- Bên B thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo đúng quy định tại Hợp đồng này và quy định pháp luật. Trong ngày phát sinh chất thải, trường hợp Bên B/nhân viên của Bên B tiến hành thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải không đảm bảo các tiêu chuẩn do bên A yêu cầu và theo quy định của pháp luật. Bên A có quyền yêu cầu Bên B thu gom, vận chuyển lại toàn bộ chất thải cho Bên A mà không phải thanh toán cho Bên B bất kỳ chi phí nào khác.

乙方依照本合同和法律的规定收集、运输和处理废物。废弃物产生当日, 乙方/乙方员工收集、运输、处理不符合甲方规定标准的废弃物, 依法处理。甲方有权要求乙方将所有废物收集并归还给甲方, 而无需向乙方支付任何其他费用。

- Trong trường hợp lượng chất thải phát sinh tăng hoặc do nhu cầu của Bên A, bên A có quyền thông báo trước 4 giờ cho Bên B, Bên B sau đó phải có mặt ngay lập tức để tiến hành thu gom chất thải theo yêu cầu Bên A mà không được yêu cầu thanh toán thêm bất kỳ chi phí nào.

如果产生废物和废料的数量或由于甲方的要求, 甲方有权提前 4 天通知乙方, 乙方必须立即到场进行废物收集。根据甲方的要求, 无需额外付款

- Từ chối ký Biên bản giao nhận trong trường hợp Bên A nhận thấy số lượng chất thải, không chính xác hoặc Bên B có bất kỳ hành vi gian dối, không trung thực trong việc cân đo.

如果甲方注意到废物和废料的数量不正确或乙方在称重时有任何欺诈或不诚实的行为, 则

拒绝签署交货纪要。

- Được miễn trừ mọi trách nhiệm trong mọi trường hợp Bên B vi phạm các quy định của pháp luật liên quan đến hợp đồng này (bao gồm nhưng không giới hạn: không đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển chất thải, không xử lý chất thải đúng quy trình, quy định của pháp luật/ Bên B bị xử phạt hành chính....) và/hoặc gây bất kỳ thiệt hại nào cho Bên thứ ba.

乙方违反本合同相关法律规定（包括但不限于：在收集和运输物质过程中不保证环境卫生），免除所有责任废物，废料，不按照程序处置废物，法律/乙方的规定在行政上受到制裁.....）和/或对第三方造成任何损害。

- Trong trường hợp bên B không thực hiện đầy đủ công việc như đã thỏa thuận trong hợp đồng thì bên A được quyền thuê bên thứ ba khác để tiếp tục thực hiện việc thu gom và xử lý chất thải.

如乙方未按合同约定全部完成工作，甲方有权聘请其他第三方继续收集和处理废物。

- Yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Bên B theo quy định của Hợp đồng này.

要求乙方根据本协议赔偿违反乙方的损害赔偿和处罚

- Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật.
根据合同条款和法律规定的其他权利。

4.2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B/ 乙方的责任和义

- Bên B có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các loại giấy phép, chứng chỉ chứng minh đủ điều kiện, tiêu chuẩn để vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

乙方负责提供各种许可证和证书，以证明其依法进行废物运输和处理的资格和标准。

- Tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải tuân thủ và hoàn toàn tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

- Các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan khác.

其他相关法律文件

- Cử Cán Bộ chuyên môn giám sát khối lượng chất thải giao nhận, phối hợp trong việc thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).

任命专业人员监督交付的废物量，协调合同的执行并解决出现的问题（若有）

- Bên B chịu trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra bao gồm nhưng không giới hạn: phương tiện Bên B gặp sự cố,Giải quyết triệt để, ngay lập tức không để chất thải ứ đọng, làm ảnh hưởng vệ sinh, môi trường khu vực của bên A.

乙方负责解决出现的问题，包括但不限于：乙方车辆出现问题，.... 彻底立即解决，不造成浪费，影响甲方区域的卫生和环境。

- Chịu mọi trách nhiệm trong trường hợp Bên B vi phạm các quy định của pháp luật, quy định nội quy của Bên A quy định tại Hợp đồng này.

如乙方违反法律规定、本合同规定的甲方内部规定，应承担全部责任。

- Xuất hóa đơn tài chính hợp lệ, hợp pháp cho Bên A.

向甲方出口有效和合法的财务发票

- Bảo đảm thu gom, xử lý, toàn bộ lượng Chất thải theo đúng quy định của hợp đồng này.
确保按照合同收集, 处理所有废物和废料。

- Thông báo kịp thời, đầy đủ cho bên A về các vấn đề phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

及时充分通知甲方在废物收集, 运输和处理过程中出现的问

- Chuyển giao toàn bộ các hóa đơn, chứng từ cho bên A theo quy định.
根据规定向甲方转交全部发票, 证书。

Điều 5: Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

第 5 条: 违反和损害赔偿的行为

Trong mọi trường hợp Bên B vi phạm bất kỳ các điều khoản nào tại Hợp đồng này đều được coi là vi phạm nghĩa vụ trong Hợp đồng. Bên B đồng ý chịu phạt vi phạm 8% giá trị nghĩa vụ bị vi phạm đồng thời bồi thường bao gồm nhưng không giới hạn thiệt hại trực tiếp, thiệt hại gián tiếp và các chi phí phát sinh khác cho Bên A.

在所有情况下, 乙方违反本合同的任何条款, 被视为违反合同中的义务, 乙方同意同时被罚款 8% 的违约金罚款赔偿包括但不限于甲方的直接损害赔偿, 间接损害赔偿和其他费用

Điều 6: Chấm dứt hợp đồng

第 6 条: 终止合同

Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:

合同在以下情况下结束:

6.1 Hết thời hạn Hợp đồng mà hai bên không gia hạn;

合同期限已经到期, 双方不续约;

6.2 Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức mà không cần sự đồng ý của Bên B do bất kỳ hành vi vi phạm Hợp đồng nào của Bên B. Trong trường hợp này, Bên B có nghĩa vụ thực hiện các quy định tại Điều 5 Hợp đồng này. Bên A được miễn trừ mọi trách nhiệm liên quan đến việc chấm dứt Hợp đồng này.

由于违反乙方合同, 甲方可以在未经乙方同意的情况下, 立即单方面终止合同。在这种情况下, 乙方有义务履行合同。本合同第 5 条规定。甲方应免除与终止本协议相关的所有责任。

6.3 Bên A hoặc Bên B có liên quan đến bất kỳ một vụ việc vi phạm pháp luật nào.

甲方或乙方涉及违法案件

6.4 Bên B bán cơ sở kinh doanh cho bên thứ 3, Bên B đổi chủ sở hữu hoặc chuyển quyền hợp đồng cho bên thứ 3 mà chưa được sự cho phép của Bên A bằng văn bản.

Điều 7: Các điều khoản chung.

第 7 条: 共同条款

- Hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, Nếu có vấn đề gì phải kịp thời thông báo cho bên còn lại được biết và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng, hòa giải đảm bảo lợi ích của hai bên.

雙方主動通知實現合同的進度，若有問題需要檢討，需及時通知，主動討論，商量與解決問題以保證雙方的利益。

- Hợp đồng này được lập, điều chỉnh, thực hiện và giải quyết theo các quy định liên quan của pháp luật nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh về các điều khoản của hợp đồng, đầu tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hữu nghị, tôn trọng lẫn nhau trong vòng 30 ngày. Tranh chấp không giải quyết được giữa các Bên sẽ được đưa ra phân xử tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Bắc ninh, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt. Chi phí tố tụng của các Bên, bao gồm cả chi phí hợp lý thuê luật sư, sẽ do Bên thua kiện chi trả.

本合同根據越南社會主義共和國法律的有關規定訂立、調整、履行和結算。

因合同條款產生的任何爭議，將首先在 30 天內本著友好和相互尊重的精神通過談判和調解解決。雙方無法解決的爭議將提交越南北寧省有管轄權的人民法院仲裁。使用的語言是越南語。雙方訴訟的費用，包括合理的律師費，應由敗訴方承擔。

Điều 8: Hiệu lực hợp đồng.

第六条款：合同效力。

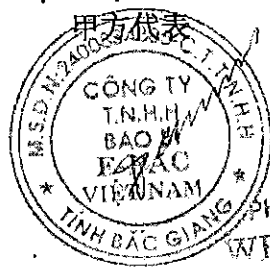
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01/08/2022 đến 31/07/2024 và được lập thành 04 bản, bằng Tiếng Việt và Tiếng Trung mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự bất đồng giữa hai ngôn ngữ, các bên đồng ý lấy tiếng Việt làm chuẩn.

本合同從 2022 年 08 月 01 日 到 2024 年 07 月 31 日 生效，製成 04 份包括越南語與中文，各執 02 份，有同樣的法律價值。如果兩種語言存在分歧，雙方同意以越南語為準。

- Khi hết thời hạn Hợp đồng, Hợp đồng này sẽ được tự động gia hạn các năm tiếp theo nếu không Bên nào gửi thông báo cho Bên còn lại về ý định chấm dứt hợp đồng (thông báo bằng văn bản được gửi cho bên còn lại ít nhất 60 ngày trước khi hợp đồng hết thời hạn).

在合同期限结束时，如果任何一方至少提前 60 天向另一方发出终止合同的通知（书面通知另一方），本合同将自动续展至下一年合同到期）。

ĐẠI DIỆN BÊN A



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
WEI HANG XING



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Duẩn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

越南社會主義共和國

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

獨立-自由-幸福

=====&=====

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

VẬN CHUYỂN, THU MUA PHÉ LIỆU

經濟合同

运输、收买废料

Số/ 編號 : 02/EP-MP

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn thi hành;

根據 2015 年 11 月 24 日越南社會主義共和國第十三屆第十次國民會議通過的民事法 91/2015/QH13 和修訂、實行指導文件;

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

根據 2014 年 6 月 23 日越南社會主義共和國第十三屆第十次國民會議通過的環境保護法 55/2014/QH13 和各類實行指導文件;

- Căn cứ Nghị Định số 38/2015/NĐ-CP ngày 15/6/2015 của Chính Phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

根據 2015 年 6 月 15 日政府關於廢棄物和廢料管理的第 38/2015 NĐ-CP 決定;

- Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015, về quản lý chất thải nguy hại.

根據 2015 年 6 月 30 日關於有害物質管理的第 36/2015/TT-BTNMT 通知

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

根據雙方的能力與需求。

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2022, tại Văn phòng Công ty TNHH Bao Bì E-pac Việt Nam, chúng tôi gồm.

今天 2022 年 07 月 01 日 在越南易帕包裝有限公司辦公室, 我們包括:

BÊN A : Công ty TNHH Bao Bì E-pac Việt Nam

甲方 (發包商) : 越南易帕包裝有限公司

Đại diện bởi ông: WEI HANG XING

代表人: 尉航行

Chức vụ: Phó tổng giám đốc

職位: 副總經理

(Theo Hợp đồng ủy quyền số: 211201/HĐUQ ký ngày 01/12/2021 按照于 2021/12/01 日签发 211201/HĐUQ 号授权合同)

- Địa chỉ Công ty: Nhà xưởng CN-06-39, Lô CN-06, KCN Văn Trung, Xã Văn Trung, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

公司地址: 越南, 北江省, 越安县, 云中社、云中工业区, CN-06 号, CN-06-39 厂房。

- Tài khoản: 0731000798562. Tại Ngân hàng Vietcombank- Chi nhánh Bắc Giang.

账户: 0731000798562, 在 VIETCOMBANK 银行- 北江分行

- Mã số thuế 税号: 2400834885

- Điện thoại 电话: 02043856111

Fax:

II. BÊN B : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG MẠNH PHÁT

乙方.:

- Ông: Chu Văn Mạnh

Chức vụ: Giám đốc

代表人:

职位:

- Tài khoản 账号: 2503888881888

Tại Ngân hàng : Agribank

- Mã số thuế/税号: 2400921369

- Địa chỉ: Thôn Cầu, Tụ Lạn, Việt Yên, Bắc Giang.

地址:

- Điện thoại :电话: 05678 13888 Fax/传真:

Sau khi thỏa thuận, Hai bên đồng ý ký kết hợp đồng này với các điều kiện và điều khoản sau đây:

經協商雙方同意簽訂此合同，以其條款如下：

Điều 1: Nội dung của Hợp Đồng

第 1 条：合同内容

Bên A đồng ý cho bên B thu mua và Bên B đồng ý nhận thực hiện các công việc bao gồm nhưng không giới hạn:

甲方同意乙方收购并乙方愿意执行工作，包括但不限于：

Thụ mua phế liệu phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A đến khu lưu giữ của bên B.(sau đây gọi tắt là phế liệu).

收購甲方在生產過程中產生的廢料到乙方的存儲和處理區域。（以下簡稱廢料）

Điều 2 : Địa điểm, Thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển

第二條：交接时间、地点、运输工具

1. Địa điểm giao nhận phế liệu: 交付和接收废料的地点：

Bên B tiến hành thu gom, vận chuyển phế liệu tại các vị trí chứa chất thải của Bên A và các vị trí khác do Bên A chỉ định.

乙方进行收购、运输甲方的废料储存区域及其他甲方指定的其他地方。

2. Thời gian giao nhận phế liệu: 废料的交付时间

Sau khi Bên A thông báo cho Bên B trong vòng 02 ngày. Trong mọi trường hợp, Bên B phải chủ động sắp xếp nhân lực, phương tiện và tuân thủ thời gian giao nhận phế liệu theo đúng chỉ định của Bên A, không được có bất kỳ hành vi chậm trễ, trì hoãn, kéo dài việc giao nhận nêu trên.

乙方在甲方通知的 2 天内, 無論何種情況下, 乙方必須嚴格按照甲方的指示, 積極安排人力資源和設施, 遵守廢料的交付和交付時間, 不得有任何延誤或遲緩延長上述的廢料交付。

3. Phương tiện vận chuyển: 运输方式:

- Bên B chịu trách nhiệm bố trí nhân lực bốc xếp và phương tiện vận chuyển chuyên dụng đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển phế liệu của Bên A theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

乙方負責根據越南法律現行規定, 安排裝卸人員和專業運輸工具, 廢料的標準和衛生條件。

- Xe bên B vào thu gom, vận chuyển cần phải tuân thủ theo quy định của Bên A.

乙方的車輛必須按照甲方的規定進行收集和運輸。

- Toàn bộ chi phí giao nhận, bốc xếp, vận chuyển, thu mua phế liệu của Bên A do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.

交付、裝載、運輸廢物, 收購甲方廢料的所有費用應由乙方支付。

- Bên B sau khi đóng giấy đầy xe xong thì phải dọn dẹp sạch sẽ hiện trường. Trong quá trình đóng xe, nếu bên B làm hỏng hóc thiết bị, cơ sở hạ tầng của bên A thì phải chịu trách nhiệm sửa chữa về nguyên dạng.

乙方完成廢紙裝車後, 應將場地清理乾淨。在裝車過程中, 如果乙方把甲方的設備、建築設施損壞要有責任負責維修原狀。

Điều 3: Đơn giá và Phương thức thanh toán 单价和付款方式

3.1. Đơn giá:

Đơn giá thu gom là: 5.200 đồng/kg.

Đơn giá này là đơn giá cố định và Bên B cam kết không phát sinh thêm bất kỳ chi phí nào khác trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng. Trường hợp bên B thay đổi giá trong thời gian thực hiện hợp đồng thì phải báo trước 30 ngày với bên A bằng văn bản. Bên A sẽ chấm dứt hợp đồng và mở gói thầu mới để chọn đơn vị thu gom phế liệu khác.

收購單價為 5.200 VND/公斤。該單價為固定單價, 乙方承諾在合同履行過程中不產生任何其他費用; 在執行合同過程中, 任何乙方提出價格變更需要提前 30 天通知對方。甲方將終止本分合同並重新招標以便選擇新收購單位。

3.2. Phương thức thanh toán: 付款方式:

- **Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng**

付款貨幣: 越南盾

Bên B phải đặt cọc cho bên A một khoản tiền cố định là 200.000.000 VND (Hai trăm triệu đồng) tương đương với lượng giấy phế thu mua của tháng. Nếu tháng đó tổng số tiền giấy phế vượt quá số tiền trả trước thì số tiền đặt cọc của tháng sau sẽ tăng lên tương ứng hoặc lớn hơn tổng số tiền giấy phế của tháng đó. Mỗi lần sau khi bên B cho xe lấy giấy phế thì muộn nhất trong vòng 2 ngày làm việc phải

chuyển khoản số tiền tương đương với lượng giấy phế thu gom, đảm bảo tiền cọc cho bên A luôn cố định là 200.000.000 VND (Hai trăm triệu đồng).

乙方要先付给甲方一笔押金相当于当月废纸量, 固定为 200.000.000 VND (两亿越南盾)。如果当月的废纸总金额超过预付款, 下月乙方要增加等于或者大于当月的押金。每次乙方派车收回废纸后最晚两天工作日内乙方要转账相当于收回废纸量的金额以便保证押金固定为 200.000.000 VND (两亿越南盾)。

Từ ngày 25 đến 30 hàng tháng, căn cứ trên khối lượng phế liệu được thu gom theo biên bản giao nhận giữa hai bên, hai bên tiến hành đối chiếu và quyết toán số tiền giấy phế trong tháng đó. Căn cứ vào số tiền quyết toán đó Bên A sẽ xuất hóa đơn cho Bên B. Nếu số tiền phế liệu trong tháng lớn hơn số tiền đã đặt cọc, Bên B có trách nhiệm thanh toán thêm phần chênh lệch đảm bảo số tiền đặt cọc trong tháng không nhỏ hơn giá trị phế liệu thu mua của một tháng.

每月从 25 日到 30 日根据双方购废料重量的交接记录, 双方进行核对并结算当月的废料金额, 甲方将开票给乙方。根据结算金额乙方要进行付款给甲方金额相当于当月的废料金额及比已预付款的差额。

Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản

付款形式: 银行转账

Thời hạn làm thủ tục khai báo hải quan: Trước ngày 15 hàng tháng bên B phải tiến hành làm thủ tục báo quan. Nếu bên B chậm trễ so với thời gian này thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không bị coi là vi phạm hợp đồng

报关手续: 每月 15 日前, 要完成上月废纸的报关工作。如果乙方延迟, 甲方有权单方终止合同并不算违约。

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

第四條: 双方的责任

4.1 Trách nhiệm và quyền lợi của bên A/ 甲方的責任与权利

- Có quyền cử người giám sát, hướng dẫn nội quy, quy định của Bên A cho nhân viên của Bên B vào thu gom phế liệu.

有权派人监督及指导乙方的人员入厂收回废纸。

- Được Bên B thu mua phế liệu tái chế theo đúng quy định tại Hợp đồng này và quy định pháp luật. Trong trường hợp, Bên B/nhân viên của Bên B tiến hành thu gom phế liệu không đảm bảo các tiêu chuẩn do bên A yêu cầu và theo quy định của pháp luật. Bên A có quyền yêu cầu Bên B thu gom, vận chuyển lại toàn bộ phế liệu cho Bên A mà không phải thanh toán cho Bên B bất kỳ chi phí nào khác.

乙方收购废料需要按照本合同和法律的规定进行。如果乙方/乙方的工作人员进行垃圾收集, 废弃物的运输和处理不符合甲方根据的法律要求的标准。甲方有权要求乙方给甲方收集和运输所有废料, 而无需向乙方支付任何其他费用。

- Trong trường hợp lượng phế liệu phát sinh tăng hoặc do nhu cầu của Bên A, bên A có quyền thông báo trước 02 ngày cho Bên B, Bên B sau đó phải có mặt ngay lập tức để tiến hành thu gom theo yêu cầu Bên A mà không được yêu cầu thanh toán thêm bất kỳ chi phí nào.

如果产生废料的数量增加或由于甲方的要求等情况下, 甲方有权提前两天通知乙方, 乙方必须根据甲方的要求立即到场进行收集, 无需额外付款。

– Từ chối ký Biên bản giao nhận trong trường hợp Bên A nhận thấy số lượng phế liệu không chính xác hoặc Bên B có bất kỳ hành vi gian dối, không trung thực trong việc cân đo.

如果甲方发现到废料的数量不正确或乙方在称重时有任何欺诈或不诚实的行为, 则拒绝签署交货记录。

– Được miễn trừ mọi trách nhiệm trong mọi trường hợp Bên B vi phạm các quy định của pháp luật liên quan đến hợp đồng này (bao gồm nhưng không giới hạn: không đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển phế liệu, không xử lý đúng quy trình, quy định của pháp luật/ Bên B bị xử phạt hành chính....) và/hoặc gây bất kỳ thiệt hại nào cho Bên thứ ba.

如果乙方违反与本合同相关的法律规定则 (包括但不限于: 在收集和运输废料过程中没有按照甲方要求做到环境卫生, 不按照法律的规定规程处理而受到行政处罚...) 或者对第三方造成任何损害, 责任由乙方承担。

– Trong trường hợp bên B không thực hiện đầy đủ công việc như đã thỏa thuận trong hợp đồng thì bên A được quyền thuê bên thứ ba khác để tiếp tục thực hiện việc thu gom và xử lý phế liệu, mọi chi phí bên A thuê bên thứ ba để thực hiện công việc này sẽ do bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm thanh toán.

如果乙方没有能力执行本合约的协议工作, 甲方有权委托第三方继续实施收集处理废料, 甲方委托第三方的所有费用由乙方承担付款。

– Yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Bên B theo quy định của Hợp đồng này.

如果乙方违反本合同的规定引起甲方的损害及损失由乙方负责赔偿。

Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật.

根据合同规定和法律规定的其他条款。

4.2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B/ 乙方的责任和义务

Bên B có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các loại giấy phép, chứng chỉ chứng minh đủ điều kiện, tiêu chuẩn để vận chuyển và xử lý Phế liệu theo của pháp luật.

乙方有责任依法提供各种许可证和认证, 证明其符合废料运输和处理的条件和标准。

Tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải bao gồm nhưng không giới hạn

遵守和完全实现关于废弃物收集, 运输和处理的法律规定, 包括但不限于

• Luật bảo vệ môi trường của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 55/2014-QH13, Hiệu lực ngày 01/01/2015.

越南社会主义共和国第 55/2014-QH13 号环境保护法, 自 2015 年 1 月 1 日起生效

• Nghị Định số 38/2015/NĐ-CP.

第 38/2015 / ND-CP 号决定

• Thông tư 36/2015/TT-BTNMT, ngày 30 tháng 6 năm 2015

2015 年 6 月 30 日第 36/2015 / TT-BTNMT 号通知

• Các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan khác.

其他相关现行法律文件

- Bằng chi phí của mình chịu trách nhiệm sắp xếp nhân công bốc xếp và phương tiện vận chuyển chuyên dụng đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển toàn bộ phế liệu của Bên A theo yêu cầu của Bên A và theo quy định pháp luật.

根据甲方的要求和法律规定, 乙方负责自费安排装卸人员和专用运输工具保证达到标准, 符合卫生以便运输甲方的全部废料。

- Cử Cán Bộ chuyên môn giám sát khối lượng rác thải giao nhận, phối hợp trong việc thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).

安排专业干部监督交付的废料, 配合合同的执行并解决出现的问题 (如有)

Chịu trách nhiệm vận chuyển, lưu giữ và xử lý phế thải theo kế hoạch và phương án đã thống nhất giữa hai bên. Đồng thời đảm bảo các quy định về vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện công việc, dọn dẹp sạch sẽ khu vực giao nhận, tuân thủ các nội quy, quy định của Bên A và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

负责根据双方统一的计划和方案运输, 储存和处理废弃物, 同时, 在执行工作过程中确保环境卫生法规, 清洁交付区域, 遵守甲方的规章制度, 以及承诺遵守现行法律的规定。

- Bằng chi phí của mình cam kết chịu trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra bao gồm nhưng không giới hạn: phương tiện Bên B gặp sự cố, Giải quyết triệt để, ngay lập tức không để chất thải ứ đọng, làm ảnh hưởng vệ sinh, môi trường khu vực của bên A.

乙方承诺自费负责解决发生的各事故, 包括但不限于: 乙方的车辆发生事故, 快速解决避免废料积压, 影响甲方的环境卫生。

- Chịu mọi trách nhiệm trong trường hợp Bên B vi phạm các quy định của pháp luật, quy định nội quy của Bên A và/hoặc gây thiệt hại cho Bên thứ ba liên quan đến việc thực hiện công việc quy định tại Hợp đồng này.

在乙方违反了法律规定, 甲方规章制度, 和/或对本合同规定的工作执行造成的第三方损害的情况下, 则乙方承担全部责任。

- Thông báo kịp thời, đầy đủ cho bên A về các vấn đề phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

及时齐全通知甲方在废料收集, 运输和处理过程中出现的问题。

- Bên B khi làm việc phải đảm bảo an toàn, trong quá trình đóng hàng lên xe, khi đi cân, vận chuyển vv nếu phát sinh bất kỳ sự cố an toàn nào thì bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

乙方必须安全作业, 在废纸装车、称重、运输等过程环节发生任何安全事故, 均有乙方承担。

Điều 5: Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

第 5 条: 违反和损害赔偿

5.1 Trong mọi trường hợp Bên B vi phạm bất kỳ các điều khoản nào tại Hợp đồng này đều được coi là vi phạm nghĩa vụ trong Hợp đồng, Bên B đồng ý chịu phạt vi phạm 8% giá trị nghĩa vụ bị vi phạm đồng thời bồi thường bao gồm nhưng không giới hạn thiệt hại trực tiếp, thiệt hại gián tiếp và các chi phí phát sinh khác cho Bên A.

在所有情况下, 乙方违反本合同的任何条款, 被视为违反合同中的义务, 乙方同意被罚款 8% 的违约金罚款同时进行赔偿包括但不限于甲方的直接损害赔偿, 间接损害赔偿和其他费用。

5.2 Mọi khoản phạt vi phạm, bồi thường theo quy định Hợp đồng này phải được Bên B thanh toán cho

Bên A trong vòng 02 ngày kể từ ngày Bên A yêu cầu. Trong mọi trường hợp, Bên B không thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản tiền nêu trên thì bên A có quyền trừ vào tiền cọc đồng thời Bên B phải chịu lãi phạt chậm trả tính trên số tiền chậm thanh toán tương ứng thời gian chậm thanh toán theo lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng Vietcombank tại thời điểm thanh toán.

根据本合同规定, 赔偿金必须在甲方要求的 02 天内由乙方支付给甲方。在所有情况下, 乙方未按时完全支付上述金额, 甲方有权在押金中扣除, 同时乙方应根据外商银行时下中期贷款利率, 按延迟付款期间的延迟付款金额计算延迟付款的利息。

Điều 6: Chấm dứt hợp đồng

第 6 条: 终止合同

Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:

合同在以下情况下终止:

6.1 Hết thời hạn Hợp đồng mà hai bên không gia hạn;

合同期限已经到期, 双方不续约;

6.2 Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức mà không cần sự đồng ý của Bên B do bất kỳ hành vi vi phạm Hợp đồng nào của Bên B. Trong trường hợp này, Bên B có nghĩa vụ thực hiện các quy định tại Điều 5 Hợp đồng này. Bên A được miễn trừ mọi trách nhiệm liên quan đến việc chấm dứt Hợp đồng này.

若乙方违反合同, 甲方可以在未经乙方同意的情况下, 立即单方面终止合同。在这种情况下, 乙方有义务履行本合同第 5 条规定, 甲方得以免除与终止本协议相关的所有责任。

6.3 Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng không do lỗi của Bên B mà không cần sự đồng ý của Bên B. Trong trường hợp này, Bên A sẽ thông báo trước cho Bên B 30 ngày. Hợp đồng tự động chấm dứt từ ngày Bên A thông báo. Bên A được miễn trừ mọi trách nhiệm liên quan đến việc chấm dứt Hợp đồng này.

未经乙方同意, 甲方可以在没有乙方过错的情况下单方面终止合同。在这种情况下, 甲方将提前 30 天提前通知乙方。合同自甲方通知之日起自动终止。甲方应免除与终止本协议相关的所有责任。

6.4 Nếu bên B muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải báo trước 30 ngày cho bên A nếu không sẽ bị coi là vi phạm hợp đồng. Trong thời gian này, bên A có quyền yêu cầu bên B đến xưởng bên A thu gom giấy phế. Nếu bên B không thực hiện thì tiền đặt cọc sẽ không được hoàn lại.

乙方如单方面想要中止合同时, 应该提前 30 天通知甲方, 否则视为违约。在此期间, 甲方有权要求乙方到甲方工厂收货, 如乙方不履行, 则押金不予退还。

Điều 7: Các điều khoản chung.

第 7 条: 共同条款

- Hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, Nếu có vấn đề gì phải kịp thời thông báo cho bên còn lại được biết và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng, hòa giải đảm bảo lợi ích của hai bên.

雙方主動通知實現合同的進度, 若有問題及時通知另一方知道, 主動討論, 商量與解決問題以保證雙方的利益。

- Khi bên B có bất kỳ hành vi nào vi phạm hợp đồng thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không bị coi là vi phạm hợp đồng.

乙方有任何违约行为发生时，甲方有权单方面随时中止合同，并不算违约。

- Hợp đồng này được lập, điều chỉnh, thực hiện và giải quyết theo pháp luật Việt Nam. Trong trường hợp, các tranh chấp hoặc mâu thuẫn này sinh hay liên quan đến Hợp Đồng này được giải quyết bằng thương lượng, hòa giải. Trong trường hợp thương lượng giải quyết không thành thì tranh chấp đó sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án kinh tế có thẩm quyền tại Việt Nam. Án phí do bên thua kiện chịu trách nhiệm chi trả.

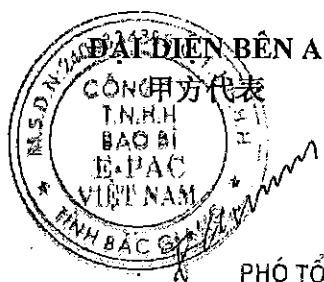
根据越南法律本合同得以制定，调整，执行和解决，如果出现或与本合同有关的争议或冲突通过谈判和调解解决。双方协商解决不了的情况下，争议将在越南经济法院解决，诉讼费将由败诉方承担。

Điều 8: Hiệu lực hợp đồng.

第六条款：合同效力

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01 / 07 / 2022 đến 31 / 12 / 2022 và được lập thành 04 bản, bằng Tiếng Việt và Tiếng Trung mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự bất đồng giữa hai ngôn ngữ, các bên đồng ý lấy tiếng Việt làm chuẩn.

本合同從 2022 年 07 月 01 日 到 2022 年 12 月 31 日 起有效，一式 04 份包括越南語與中文，各執两份，具有同等法律价值。如果双中语言有差异，双方同意以越南語為準。



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
WEI HANG XING



GIÁM ĐỐC
Chiu Văn Mạnh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG
合同附录

(Số 编号: 01072023 / PLHD/EP-MP)

Căn cứ hợp đồng vận chuyển, thu mua phế liệu số 02/EP-MP ngày 01 tháng 07 năm 2022 giữa CÔNG TY TNHH BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM với CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG MẠNH PHÁT.

根据于2022年07月01日越南易帕包装有限公司与孟发环保有限公司签订02/EP-MP号废料收购、运输合同。

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2023, chúng tôi gồm:

今日, 2023年07月01日, 我们包括:

BÊN A: CÔNG TY TNHH BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM

甲方: 越南易帕包装有限责任公司

Đại diện/代表人: Ông CHU LI CHUNG/朱立忠

Chức vụ/职位: Tổng Giám đốc /总经理

Theo Hợp đồng ủy quyền số/根据授权委托书: 221221/HĐUQ;

- Địa chỉ : Nhà xưởng CN-06-39, Lô CN-06, KCN Vân Trung, Xã Vân Trung, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

地址: 公司地址: 越南, 北江省, 越安县, 云中乡、云中工业区, CN-06 号, CN-06-39 号

- Điện thoại 电话: 02043856111

Fax:

- Tài khoản số/账号 : 0731000798562

- Tại ngân hàng/开户银行 : Ngân hàng VIETCOMBANK- Bắc Giang/ 在 VIETCOMBANK 银行- 北江分行

- Mã số thuế/税号 : 2400834885

Bên B: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG MẠNH PHÁT

乙方: 孟发环保有限公司

Đại diện/代表人: Ông Chu Văn Mạnh/周文孟 先生

Chức vụ/职位: Giám đốc/ 经理

Địa chỉ: Thôn Cầu, Xã Tự Lạn, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang

地址: 北江省、越安县、自烂乡、球村。

Điện thoại 电话: 0976 906 789.

Mã số thuế 税号: 2400921369

Tài khoản: 2503888881888 ngân hàng Agribank Bắc Giang
银行账户: 2503888881888 Agribank 银行-北江分行

Hai bên tiến hành lập phụ lục hợp đồng với các nội dung sau đây:
双方达成一致签订合同附录以其以下内容:

Đơn giá thu gom là: 3.500 đồng/kg
收回废料单价为: 3.500 VND/公斤

Đơn giá này là đơn giá cố định và bên B cam kết không phát sinh thêm bất kỳ chi phí nào khác trong suốt quá trình thực hiện.

以上单价为固定并乙方在履行过程中承诺未发生任何其他费用。

Số tiền bên B phải đặt cọc là 150.000.000 đồng

乙方要给押金为150.000.000 VND

Tính đến thời điểm 30/06/2023 Công ty TNHH Môi Trường Mạnh Phát còn dự tiền lẻ chuyển sang tháng 7/2023 là: 69.456.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi chín triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

截止2023/06/30日孟发环保有限公司的余额转到2023.7月份为69.456.000越南盾
(大写: 六千九百四十五萬六千)。

Bản Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 1/7/2023 đến ngày 31/12/2023. Phụ lục Hợp đồng này được ký thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản cùng thực hiện.

本合同附录从 2023/07/01 日到 2023/12/31 日生效, 一式四份, 具有同等的法律价值, 各执两份。

ĐẠI DIỆN BÊN A

甲方代表人



TỔNG GIÁM ĐỐC
CHU LI CHUNG

ĐẠI DIỆN BÊN B



CHỦ TỊCH
Chu Văn Mạnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

越南社會主義共和國

獨立 – 自由 – 幸福

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

廢水處理服務合同

Số Hợp đồng: 0305-E-PAC-NT/HDXLNT-VT/2019

Contract No/合約編號: 0305- E-PAC-NT /HDXLNT-VT/2019

- Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005 của nước CHXHCN Việt Nam;
根據越南社會主義共和國 2005 年 06 月 14 日之民事法；
 - Căn cứ Bộ luật Bảo vệ Môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014 của nước CHXHCN Việt Nam;
根據越南社會主義共和國 2014 年 06 月 23 日之環保法；
 - Căn cứ nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường;
根據越南社會主義共和國政府 2013 年 11 月 14 日第 179/2013/NĐ-CP 有關環保違反處罰之議定；
 - Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam về thoát nước và xử lý nước thải;
根據越南社會主義共和國政府 2014 年 08 月 06 日第 80/2014/NĐ-CP 號有關排水和污水處理之議定；
 - Căn cứ Thông tư 02/2015/TT-BXD ngày 02/04/2015 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;
根據建設部 2015 年 04 月 02 日第 02/2015/TT-BXD 號有關污水費的價格確定方法之通知；
 - Căn cứ Thông tư 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ Tài nguyên & Môi trường về việc ban hành Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;
根據資源與環境部 2009 年 11 月 16 日第 25/2009/TT-BTNMT 號有關環境之國家技術標準規定頒佈的通知；
 - Căn cứ chức năng nhiệm vụ và nhu cầu của các bên
根據雙方之任務及需求；
- Hôm nay, ngày 03/05/2019 tại văn phòng công ty TNHH Fugiang, chúng tôi gồm có:
今天，2019/05/03 日在富江公司辦公室，我們包括：

I. BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ (gọi tắt là Bên A): 服務提供方（以下簡稱甲方）

Đại diện bên bán 賣方代表: CÔNG TY TNHH FUGIANG

Địa chỉ 地址: Khu công nghiệp Văn Trung, xã Văn Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật 法定代表人: Ông Lin, Shih-Chang 林世昌先生

Chức vụ 職務: Tổng giám đốc 總經理

Số CMND/Hộ chiếu 身份證件/護照號：303156071 Quốc tịch 國籍：Đài Loan 臺灣
Người đại diện được ủy quyền 授權代表人：Ông Huang, Ming - Tien 黃銘田先生
Chức vụ 職務：Phó Tổng Giám đốc 副總經理
Số CMND/Hộ chiếu 身份證件/護照號：303605103
Điện thoại 電話：+84-240-3661.968 Fax 傳真：+84-240-3661.967
Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh 投資證書/營業執照號：202043000031
Đăng ký tại 登記在：Ban quản lý Khu Công nghiệp – UBND tỉnh Bắc Giang, ngày 06.12.2007
北江省人委會 工業區管理局 ngày 日期：2007.12.06
Mã số thuế 稅號：2400390365
Số tài khoản: 119000031613– tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh NHCT KCN Quê Võ
銀行帳號：119000031613–桂武工業區工商銀行分公司-越南工商貿易股份銀行

II. BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ (gọi tắt là Bên B) 服務使用方 (以下簡稱乙方)：

Đại diện bên mua 買方代表: CÔNG TY TNHH BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM

Địa chỉ 地址: Nhà xưởng CN-06-39, Lô CN-06, Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ sử dụng dịch vụ 使用服務地址: Nhà xưởng CN-06-39, Lô CN-06, Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật 法定代表人：LUN TIN YEU TERENCE

Chức vụ 職務：Tổng giám đốc

Số CMND/Hộ chiếu 身份證件/護照號：KJ0294325

Người đại diện được ủy quyền 授權代表人: LAM CHI HO

(Giấy ủy quyền số: UQ-EP-20190115 ngày 15 tháng 01 năm 2019 依 2019 年 01 月 15 日之第 UQ-EP-20190115 號授權書)

Chức vụ 職務：Phó Tổng Giám đốc

Số CMND/Hộ chiếu 身份證件/護照號：KJ0756141

Mã số thuế 稅號：2400834885

Cùng nhau thỏa thuận ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải theo những điều khoản dưới đây:

雙方經充分協商一致同意按如下條款簽訂本廢水處理服務合同：

Điều 1: Đối tượng của Hợp đồng

第 1 條：合同標的

Bên A đồng ý cung cấp dịch vụ xử lý nước thải cho Bên B và Bên B đồng ý sử dụng dịch vụ xử lý nước thải của Bên A với những điều kiện cụ thể như sau:

甲方同意向乙方提供廢水處理服務且乙方同意使用甲方之廢水處理服務，具體條件如下：

1.1 Khối lượng nước thải xử lý hàng tháng được xác định 確定每月之廢水處理量：

Lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước sạch đầu vào theo hóa đơn nước cấp hàng tháng của Công ty TNHH Fugiang (Bên A) cấp nước cho Bên B.

廢水量依據富江責任有限公司（甲方）供給乙方每月自來水發票顯示之供水量的 80%計算。

1.2 Tiêu chuẩn áp dụng là quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT hoặc các tiêu chuẩn thay thế sau này.

採用標準為關於工業廢水 QCVN 40:2011/BTNMT 國家規定技術標準或後續之其他替換標準。

1.3 Bên B ủy quyền cho Bên A xử lý nước thải, Bên A tiếp nhận nước thải của Bên B theo giá trị B cột C bảng tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, Bên A sau khi xử lý nước thải đạt đến giá trị A cột C bảng tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT thì xả thải ra ngoài môi trường, bảng giá trị tiêu chuẩn cụ thể như sau:

乙方委託甲方處理廢水，甲方僅接收乙方達到 QCVN 40:2011/BTNMT 標準中 C 欄位 B 列數值的污水，甲方經處理後達到 QCVN 40:2011/BTNMT 標準中 C 欄位 A 列的數值後排放到河川，標準數值明細如下：

Stt 序號	Chỉ tiêu 指標	Đơn vị 單位	Giá trị tiêu chuẩn C 標準數值 C	
			A	B
1	Nhiệt độ 溫度	°C	40	40
2	Màu sắc 顏色	Pt/Co	50	150
3	pH	-	6 đến 9	5,5 đến 9
4	BOD5 (20oC)	mg/l	30	50
5	COD	mg/l	75	150
6	Chất rắn lơ lửng 懸浮固體	mg/l	50	100
7	Asen 砷	mg/l	0,05	0,1
8	Thủy ngân 水銀	mg/l	0,005	0,01
9	Chì 鉛	mg/l	0,1	0,5
10	Cadimi 鎘	mg/l	0,05	0,1
11	Crom (VI) 鉻 (VI)	mg/l	0,05	0,1
12	Crom (III) 鉻 (III)	mg/l	0,2	1
13	Đồng 銅	mg/l	2	2
14	Kẽm 鋅	mg/l	3	3
15	Niken 鎳	mg/l	0,2	0,5
16	Mangan 錳	mg/l	0,5	1
17	Sắt 鐵	mg/l	1	5
18	Tổng Xianua 總氰化物	mg/l	0,07	0,1
19	Tổng Phenol 總酚	mg/l	0,1	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng 總礦物油	mg/l	5	10
21	Sunfua 硫化物	mg/l	0,2	0,5
22	Florua 氟化物	mg/l	5	10
23	Amoni (tính theo Nitơ) 氨 (按氮指標計算)	mg/l	5	10

24	Tổng nitơ 總氮	mg/l	20	40
25	Tổng photpho (tính theo P) 總磷 (按磷指標計算)	mg/l	4	6
26	Clorua 氯化物	mg/l	500	1000
27	Clo dư 餘氯	mg/l	1	2
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ 有機氯保護植物化學品總量	mg/l	0,05	0,1
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ 有機磷保護植物化學品總量	mg/l	0,3	1
30	Tổng PCB 總 PCB	mg/l	0,003	0,01
31	Coliform 大腸菌群	Vi khuẩn/ 100ml	3000	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α α 性總放射	Bq/l	0,1	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β β 性總放射	Bq/l	1,0	1,0

1.4 Điểm đầu nổi thoát nước thải của Bên B 乙方廢水排放接駁點：

Điểm đầu nổi thoát nước thải của Bên B được miêu tả cụ thể theo Biên bản đầu nổi ngày tháng năm giữa Bên A và Bên B.

乙方廢水排放接駁點于甲方與乙方.....年.....月.....日之接駁記錄具體描寫。

Trong trường hợp nguồn thải của Bên B có lưu lượng >1000 m³/ngày, tại điểm đầu nổi nước thải Bên B phải căn cứ vào nghị định 38/2015/ND-CP của chính phủ quy định, phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục với các chỉ tiêu nước thải đặc trưng, đồng thời kết nối online với các cơ quan giám sát môi trường liên quan.

如果乙方之廢水排放量大於 1000m³/天，在乙方與甲方之廢水排放接駁點處，乙方要按照 38/2015/ND-CP 号议定中的規定安裝自動觀測系統，在線連續檢測廢水排放之相關指標，并上傳至網站供環保相關單位監督。

1.5 Đơn giá xử lý nước thải 廢水處理單價：

- Đơn giá xử lý nước thải là: **9,000 VNĐ/m³** (giá chưa bao gồm thuế VAT 10%).
Đơn giá này đã bao gồm Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải CN
廢水處理單價為：**9,000 VNĐ/m³** (未含 10% VAT 稅金)。
該單價已包含工業廢水之環保費用
- Đơn giá trên có thể được điều chỉnh thay đổi theo quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang hoặc đơn giá tiền nước sạch thay đổi, đơn giá xử lý nước thải cũng căn cứ vào đơn giá nước sạch hoặc chỉ số CPI của Việt Nam làm tham khảo điều chỉnh đơn giá, Bên A sẽ thông báo đơn giá xử lý nước thải mới, thời điểm bắt đầu áp dụng cho Bên B và hai bên không cần thiết phải ký bổ sung Phụ lục Hợp đồng.
上述單價會根據北江省人民委員會之決定作調整，或者當自來水費用有所變更時，污水處理費用將按照自來水的費用或越南消費指數(CPI)作為參考而調整，甲方會將新的價格、開始執行時間通知乙方，但雙方不用再簽訂合同或合約附錄。

Điều 2: Giá trị Hợp đồng và phương thức thanh toán

第二条：合同金額及付款方式

2.1 Chi phí xử lý nước thải 廢水處理費用：

Bên B phải xử lý nước thải cục bộ đạt chất lượng tiêu chuẩn nước thải giá trị B tại cột C bảng QCVN 40:2011/BTNMT mới được xả nước thải ra hệ thống đường ống nước thải tập trung của khu công nghiệp Vân Trung.

乙方要按照 QCVN 40:2011/BTNMT 標準中 C 欄位 B 列的數值處理廢水達標后才能排放至雲中工業區污水管網。

Chi phí xử lý nước thải
(chưa bao gồm VAT)
廢水處理費用 (未含
VAT 稅金)

$$= \begin{matrix} \text{Khối lượng} \\ \text{nước thải} \\ \text{廢水量} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{Đơn giá xử lý} \\ \text{處理單價} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{Hệ số K} \\ \text{K 係數} \end{matrix}$$

Hệ số K được xác định là một trong 4 trường hợp sau:

K 係數確定如下：

- Trường hợp 1: $K_1 = 1, K_2 = 1$ Thì hệ số: $K = 1$
如果： $K_1 = 1, K_2 = 1, K = 1$
- Trường hợp 2: $K_1 = 1, K_2 > 1$ Thì hệ số: $K = K_2$
如果： $K_1 = 1, K_2 > 1, K = K_2$
- Trường hợp 3: $K_1 > 1, K_2 = 1$ Thì hệ số: $K = K_1$
如果： $K_1 > 1, K_2 = 1, K = K_1$
- Trường hợp 4: $K_1 > 1, K_2 > 1$ Thì hệ số: $K = K_1 + K_2$
如果： $K_1 > 1, K_2 > 1, K = K_1 + K_2$

- + Hệ số K_1 (hệ số mức độ ô nhiễm COD) sẽ được xác định theo điều 3 Thông tư 02/2015/TT-BXD hoặc thừa kế của các Thông tư sau này

K_1 係數 (COD 污染度係數) 按照 02/2015/TT-BXD 通知第三條確定或其他後續的通知。

- + Hệ số K_2 là tỷ lệ mức độ các chất ô nhiễm nước thải (ngoại trừ COD) như trong bảng tiêu chuẩn cam kết giữa các bên tại điều 1, mục 1.2

K_2 係數為廢水污染度比例 (不含 COD)，詳第一條 1.2 項目雙方承諾的標準明細表。

Cụ thể như sau 具體如下：

- Hệ số K_1 : Xác định mức độ ô nhiễm COD

K_1 係數：確定 COD 污染度

Stt 序號	Hàm lượng COD (mg/l) COD 含量	Hệ số K_1 K_1 係數
1	≤ 150	1
2	151 – 200	1,5
3	201 – 300	2
4	301 – 400	2,5
5	401 – 600	3,5
6	> 600	4,5

- Trường hợp Bên B xả thải với giá trị COD > 600 mg/l Bên A sẽ ngừng tiếp nhận xử lý nước thải, ngừng cung cấp nước sạch cho Bên B, đồng thời Bên B phải thanh toán chi phí dịch vụ xử lý nước thải cho Bên A theo mức độ ô nhiễm của tháng đó và khắc phục toàn bộ hậu quả gây ra (nếu có).

如果乙方排放的 COD > 600 mg/l 時，甲方將停止接收及處理乙方的廢水，停止供自來水給乙方，同時乙方要支付廢水處理服務費用給甲方按照本月廢水的污染度，及支付克服相關因此產生的後果的費用（若有）。

- Hệ số K2: Mức độ ô nhiễm các chỉ tiêu còn lại (không phải COD) (Lấy chỉ tiêu cao nhất để xác định hệ số K2)

K2 係數：其他指標污染度(不含 COD), 取最高污染度指標來確定 K2 係數。

- Hệ số K2 được xác định theo số lần vượt của từng chỉ tiêu phân tích trong mẫu nước thải (trừ chỉ tiêu COD) như trong bảng cam kết giữa các bên tại điều 1, mục 1.2 của bản Hợp đồng này. Phương pháp xác định như sau:

K2 係數確定於廢水分析結果每個指標的超標倍數（除了 COD），確定方法如下：

- Tỷ lệ (số lần) = Giá trị ô nhiễm trong mẫu nước/Giá trị quy định tại cột B tương ứng
比例（倍數）= 廢水樣污染數值/對應 B 列數值

Stt 序號	Tỷ lệ vượt (số lần) 超標比例（倍數）	Hệ số K2 K2 係數
1	≤ 1,01	1
2	1,01 ~ 1,10	1,25
3	1,11 ~ 1,50	1,5
4	1,51 ~ 1,75	2
5	1,76 ~ 2,00	2,5
6	2,01 ~ 2,50	3,5
7	2,51 ~ 3,00	4,5
8	> 3,00	5

- Trường hợp nước thải của Bên B có tỷ lệ ô nhiễm vượt > 3,0 lần, Bên A sẽ ngừng tiếp nhận xử lý nước thải, ngừng cung cấp nước sạch cho Bên B, đồng thời Bên B phải thanh toán chi phí dịch vụ xử lý nước thải cho Bên A theo mức độ ô nhiễm của tháng đó và khắc phục toàn bộ hậu quả gây ra (nếu có).

如果乙方廢水超標比例>3,00 倍時，甲方將停止接收及處理乙方的廢水，停止供自來水給乙方，同時乙方要支付廢水處理服務費用給甲方按照本月廢水的污染度，及支付克服相關因此產生的後果的費用（若有）。

- Hàng tháng, sau khi có kết quả phân tích nước thải của Bên B, Bên A sẽ tổng hợp các kết quả để xác định giá trị hệ số ô nhiễm K theo điều 2, mục 2.1 để tính phí xử lý nước thải. Bên A sẽ thông báo cho Bên B số tiền dịch vụ xử lý nước thải phải thanh toán trong tháng đó theo kết quả phân tích kèm theo.

甲方每月對乙方廢水取樣分析有結果之後，甲方匯總相關結果確定 K 係數按照第二條 2.1 項目計算廢水處理服務費用。甲方將按照分析結果通知乙方要支付廢水處理費用。

- Trong thời gian 05 ngày kể từ khi nhận được thông báo kết quả nước thải nếu Bên B không có ý kiến phản hồi nào bằng văn bản, Bên A sẽ sử dụng kết quả phân tích để làm cơ sở xuất hóa đơn tài chính cho Bên B thanh toán chi phí.

乙方從收到甲方通知的廢水分析結果在 05 天時間內，如乙方未通過文書形式方面返回意見，甲方根據分析結果計費的服務費用開發票給乙方。

2.2 Đồng tiền thanh toán 付款幣別: Tiền Việt Nam đồng 越南盾。

2.3 Hình thức thanh toán 付款形式: Chuyển khoản hoặc tiền mặt 匯款或現金。

2.4 Địa điểm và thời hạn thanh toán 付款地點及期限:

Địa điểm thanh toán 付款地點:

- Bên B thanh toán cho Bên A bằng tiền mặt tại phòng Kế toán Công ty TNHH Fugiang hoặc chuyển khoản vào tài khoản số: 119000031613 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh NHCT KCN Quế Võ.

乙方要向富江責任有限公司行政處經管部進行支付其廢水處理費或通過銀行匯款，帳號：119000031613，開戶銀行名稱：桂武工業區工商銀行分公司-越南工商貿易股份銀行。

Thời hạn thanh toán 付款期限:

- Sau khi nhận được hóa đơn GTGT Bên B phải thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Bên A trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn. Trường hợp Bên B không thanh toán đúng hạn thì phải chịu thanh toán thêm số tiền chậm trả cho mỗi ngày quá hạn là 1%. Thời gian chậm trả không được quá 15 ngày. Sau 15 ngày Bên B không thanh toán, Bên A sẽ ngừng cung cấp các dịch vụ cho Bên B.

乙方在收到發票之日 10 天內要進行支付其廢水處理費或通過銀行匯款。如乙方未按期限付款要支付每一天逾期的 1%，逾期時間不能超過 15 天。15 天后乙方未付款，甲方將停止相關服務給乙方。

Điều 3: Trách nhiệm và quyền hạn của các bên

第 3 條：雙方之責任及權限：

3.1 Trách nhiệm và quyền hạn của bên sử dụng dịch vụ (Bên B)

服務使用方（乙方）之責任及權限：

Trách nhiệm/責任:

- Bên B phải thông báo đúng chất lượng nước thải. Nếu có sự thay đổi về chất lượng nước thải phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên A biết trong vòng 07 ngày.
乙方要確實通知廢水質量，若發生廢水質量的變化應在 07 天內及時書面通知甲方。
- Khi Bên A tiến hành lấy mẫu phân tích chất lượng nước thải, Bên B phải cử đại diện phối hợp với Bên A và đơn vị lấy mẫu, đồng thời xác nhận quá trình lấy mẫu.
當甲方辦理廢水質量分析取樣的時候，乙方要指派人員與甲方及取樣單位一同配合及確認取樣過程。
- Phải có hệ thống xử lý nước thải cục bộ để đảm bảo nước thải của Bên B sau xử lý cục bộ thải ra đạt tiêu chuẩn giá trị cho phép theo bảng tiêu chuẩn tại mục 1.2 điều 1 của Hợp đồng này.
應有初步的廢水處理系統以保證排放到乙方之處理系統的廢水已達到本合同第 1 條 1.2 項目雙方承諾的標準明細表中允許值。
- Không được để nước mưa chảy vào hệ thống thoát nước thải.
不許排放雨水到廢水排放系統。
- Không được để các chất thải rắn trộn lẫn vào nước thải có thể làm nghẽn hệ thống xử lý.
不許讓硬體廢物與廢水混合會造成系統之堵塞。

- Hố ga nước thải trước khi đầu nối với đường ống của KCN phải có kích thước 2m x 2m, có song chắn rác bằng inox, mắt lưới 3cm x 3cm và đáy hố ga sâu hơn đáy đường ống thoát ra ngoài là 60cm để thuận tiện cho việc lấy mẫu kiểm tra.
與工業區管道接駁之前應有 2mx2m 的廢水集水井，並裝有網眼為 3cmx3cm 的不銹鋼攔網，低於出水管底部 60cm 安裝以便於取樣檢查作業。
 - Nếu trong thành phần nước thải của Bên B có những độc tố cấm với hàm lượng vượt mức cho phép làm ô nhiễm nghiêm trọng đến môi trường hoặc phá hủy nghiêm trọng hệ thống xử lý nước thải của Bên A thì Bên B phải chịu trách nhiệm bồi hoàn những thiệt hại do Bên B gây ra.
若乙方之廢水成份具有禁止的毒素且其含量超過允許值造成環境之嚴重污染或嚴重破壞甲方之廢水處理系統則乙方要負責賠償由乙方所造成的所有損失。
 - Không được đưa nước thải ra bất kỳ vị trí nào khác ngoài vị trí do Bên A tiếp nhận theo thỏa thuận đã được hai bên thống nhất.
除雙方協商由甲方認可之位置外，不許將廢水排放到其他任何位置。
 - Thanh toán phí sử dụng dịch vụ xử lý nước thải đầy đủ và đúng thời hạn.
如期支付廢水處理服務費。
 - Phát hiện, thông báo kịp thời cho bên cung cấp dịch vụ những sự cố trên đường ống đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp khắc phục, sửa chữa.
及時發現并向服務提供單位通知有關與廢水處理系統連接的管道所發生之事故以做好克服、維修方案。
 - Tạo điều kiện thuận lợi cho bên cung cấp dịch vụ và cơ quan chức năng kiểm tra việc sử dụng và việc thực hiện các điều khoản ghi trong Hợp đồng.
為服務提供方及權責主管單位有關廢水處理系統使用及本合同各條款履行之檢查創造條件。
 - Cử cán bộ kết hợp với Bên A kiểm tra lấy mẫu thí nghiệm khi Bên A có yêu cầu.
當甲方需求的時候，指派人員與甲方配合進行檢查、取樣。
- Quyền hạn/權限:**
- Yêu cầu Bên A sau khi tiếp nhận nước thải của Bên B, phải xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định tại QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả ra môi trường.
要求甲方接收乙方的廢水後，按照 QCVN 40:2011/BTNMT 標準來處理達標後排放。
 - Kiểm soát và thông báo cho Bên A khối lượng nước sạch đầu vào từ các nguồn khác nhau (ngoài đường cấp do Bên A lắp đặt).
管理及向甲方通知有關不同來源之自來水量（除由甲方安裝之給水管外）。

3.2 Trách nhiệm và quyền hạn của đơn vị cung cấp dịch vụ (Bên A)

服務提供方之責任及權限（甲方）

Trách nhiệm/Responsibilities/責任:

- Hàng tháng, Bên A sẽ tiến hành lấy mẫu nước thải của Bên B tại vị trí đầu nối vào hệ thống Xử lý nước thải tập trung KCN với tần suất định kỳ (hoặc đột xuất) có sự chứng kiến của Bên B để tiến hành phân tích xác định các chỉ tiêu ô nhiễm như: pH, BOD, COD, TSS, Amoni, Tổng Xianua, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Sunfua, Florua, Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (III), Crom (VI), Đồng, Niken, Kẽm, Mangan, Sắt và các chỉ tiêu đặc trưng khác của công ty trước khi xả về Trạm XLNT tập trung KCN.
每月，甲方在乙方的廢水排放至云中工業區廢水站接駁點進行取樣，頻率：定期（或突然取樣），有乙方代表人參與，進行分析相關污染指標如：pH，BOD，COD，TSS，

Amoni, 氯化物, 总氮, 总磷, 硫, 铬 (III), 铬 (VI), 铜, 镍, 锰, 铁及其它特殊指标。

- Trường hợp Bên B có nhiều điểm xả nước thải thì Bên A sẽ lấy mẫu nước thải tại một số điểm xả (hoặc toàn bộ) làm đại diện để phân tích kiểm tra, Bên A sẽ chọn kết quả phân tích nước thải tại vị trí có mức độ ô nhiễm cao nhất để xác định chi phí xử lý nước thải cho Bên B trong cả tháng đó.

在乙方的污水排放點有多個的情況下，甲方可以在乙方的任何一個排放點（或全部排放點）進行取樣，甲方可以把乙方污染最高的排放點的結果作為計算乙方當月的廢水處理費用。

- Mẫu nước thải sẽ được chuyển về đơn vị có đủ tiêu chuẩn chứng nhận năng lực phòng thí nghiệm và giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để xét nghiệm xác định các thông số ô nhiễm.

廢水取樣后將轉送到具有足夠能力檢測分析之實驗室并具有足夠環境觀測服務證書之條件以便檢驗確定各污染指標。

- Phải có hệ thống xử lý nước thải tập trung đặt tại khu công nghiệp Vân Trung, tỉnh Bắc Giang đã được các cơ quan cấp phép đạt yêu cầu hoạt động, xử lý nước thải.

具有集中廢水處理系統設於北江省云中工業區并取得權責主管單位核發的證書。

- Phải tiếp nhận khối lượng nước thải của Bên B với chất lượng nước thải đã được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải cục bộ của Bên B đạt tiêu chuẩn tại Điều 1, mục 1.2 của bản Hợp đồng này và đảm bảo chất lượng nước thải sau khi xử lý tập trung đạt tiêu chuẩn xả thải ra môi trường.

要接收經過乙方初步處理系統處理過且達到本合同第一條 1.2 項目規定的標準之廢水并保證廢水經集中處理之後達到排放標準。

- Trong quá trình tiếp nhận, xử lý nước thải không được làm ô nhiễm môi trường.

在廢水接收、處理過程中不許污染環境。

- Chịu trách nhiệm trước các cơ quan chức năng về chất lượng nước thải sau khi xử lý tập trung.

向權責主管單位負責任有關集中處理后的廢水質量。

- Giải quyết kịp thời, thoả đáng những vướng mắc, khiếu nại của bên sử dụng.

及時及恰當解決服務使用方之爭議。

- Trong trường hợp ngừng cấp dịch vụ để bảo trì hệ thống phải có thông báo trước cho bên sử dụng nước trực tiếp ít nhất là 12 giờ (trừ trường hợp có sự cố).

在停止提供服務以進行系統維護保養的情況下，應至少提前 12 個小時通知使用方(除發生事故狀況外)。

- Thường xuyên thanh tra, kiểm tra toàn bộ hệ thống xử lý nước thải, các đối tượng sử dụng dịch vụ để ngăn chặn các hành vi vi phạm trong quá trình sử dụng dịch vụ.

經常全部檢查廢水處理系統及服務使用對象以阻止服務使用過程發生的違反行為。

Quyền hạn/Rights/權限:

- Có quyền xét nghiệm theo định kỳ hoặc đột xuất mẫu nước thải của Bên B. Trong trường hợp mẫu nước thải không đạt theo tiêu chuẩn Bên B đã cam kết, Bên B phải thanh toán theo đơn giá bổ sung đã quy định cho đến khi khắc phục xong sự cố đưa chất lượng nước thải về mức ổn định.

有權定期或無定期檢驗乙方的廢水質量。在廢水質量未達到乙方所承諾的標準之情況下，乙方應依規定支付補充單價直至事故克服完成將廢水質量保持穩定為止。

- Nếu Bên A phát hiện Bên B xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa hoặc xả ra bất kỳ vị trí nào mà không được sự đồng ý của Bên A, thì Bên B ngoài việc phải thanh toán cho Bên A tổng chi phí sử dụng dịch vụ xử lý nước thải của Bên B trong 03 tháng gần nhất để làm chi phí khắc phục kênh mương, đồng thời nếu do sự cố này mà Bên A phải chịu trách nhiệm đối với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan xử phạt (xử phạt/ bồi thường/ khắc phục hậu quả) và các khoản phí phạt thì Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.
若甲方发现乙方将废水排入雨水排放系统或未经甲方同意的其他任何地方, 乙方除了必须支付最近3个月乙方使用污水处理服务总费用之和给甲方作为渠道整治之费用以外, 同时若因此甲方受到国家政府相关机构处罚(处罚/赔偿/补救)及处罚的费用乙方必须全部承担。
- Ngừng cung cấp nước sạch, ngừng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải, yêu cầu bồi thường thiệt hại khi bên sử dụng dịch vụ vi phạm một trong các trường hợp sau:
當服務使用方違反如下場合之一的時候進行停止提供自來水、停止提供廢水處理服務并要求賠償所造成的損失:
 - + Tự ý tháo bỏ hoặc căn chỉnh đồng hồ (đối với trường hợp sử dụng đồng hồ đo lượng nước thải).
擅自拆除或調整水錶(對於使用廢水流量錶的對象)。
 - + Xả nước thải vượt mức tiêu chuẩn cho phép thải vào hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp; xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.
超過允許標準額之廢水向工業區廢水處理系統排放, 將廢水排放到雨水排放系統。
 - + Quá thời gian thanh toán tiền phí dịch vụ 15 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán.
超過付款日期15天未支付服務費。
- Việc cung cấp trở lại chỉ được tiến hành sau khi bên sử dụng dịch vụ thanh toán đầy đủ các khoản nợ chi phí xử lý nước thải, tiền bồi thường thiệt hại, ...
服務使用方如數支付廢水處理費用、損失賠償等之後方可進行提供服務。
- Đề nghị cơ quan chức năng giải quyết theo quy định của pháp luật khi bên sử dụng dịch vụ có ý vi phạm Hợp đồng.
當服務使用方故意違約的時候, 請權責主管單位依法律規定解決。

Điều 4: Điều khoản thi hành

第4條：施行條款

- 4.1** Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trên của Hợp đồng, các văn bản, quyết định của Nhà nước và UBND tỉnh Bắc Giang ban hành có liên quan đến lĩnh vực Bảo vệ môi trường chung của KCN Vân Trung.
雙方承諾依本合同所列上述條款及政府和北江人民委員會頒佈關於云中工業區環保之有關文件、決定嚴格執行。
- 4.2** Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu xảy ra tranh chấp, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết trên tinh thần hợp tác, thương lượng, hòa giải. Nếu không thể giải quyết được, hai bên có quyền đưa sự việc ra Tòa án dân sự giải quyết theo quy định pháp luật hiện hành. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng và các bên phải thi hành.
履約過程中若發生爭議, 雙方應以友好協商方式解決此等爭議, 如無法協商解決爭議, 則該等爭議由雙方提送法院依現行法律規定解決。法院之判決為最終有效決定并雙方要嚴格執行。

4.3 Tất cả các trường hợp khác không được qui định trong Hợp đồng này sẽ được áp dụng theo các qui định của pháp luật hiện hành, các văn bản pháp lý liên quan đến Khu công nghiệp nói chung và Khu công nghiệp Vân Trung nói riêng.

本合同未規定的其他情況會依現行法律規定和工業區以及云中工業區有關文件之規定執行。

4.4 Hợp đồng được làm thành sáu (06) bản, mỗi bên giữ 03 (ba) bản, các bản đều có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực từ ngày ký.

本合一式六（06）份，雙方各執三（03）份，均有同等的法律效力并從簽署之日生效。

BÊN A 甲方



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG MING TIEN**

BÊN B 乙方



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LAM CHI HO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
越南社會主義共和國
獨立-自由-幸福

BIÊN BẢN THỎA THUẬN
ĐIỂM ĐẦU NỐI CÔNG TRÌNH NƯỚC THẢI
污水接駁協議記錄

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2018, tại văn phòng Công ty TNHH Fugiang.

Chúng tôi gồm:

今日 2018 年 ... 月 ... 日, 在富江責任有限公司辦公室; 雙方含:

I/ Đại diện CÔNG TY TNHH FUGIANG

- | | |
|---------------------------------|-------------------------------------|
| 1. Ông/先生 : Mr Huang, Ming-Tien | Chức vụ/職務 : Phó Tổng Giám đốc/副總經理 |
| 2. Ông/先生 : Mr Ma, Xiu-Li | Chức vụ/職務 : Giám đốc phòng Công vụ |

II/ Đại diện CÔNG TY TNHH BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM

- | | |
|--|---|
| 1. Ông/先生 : ... <i>Lun...Tip...Yeu...Terence</i> ... | Chức vụ/職務 : ... <i>Tổng giám đốc</i> ... |
| 2. Ông/先生 : | Chức vụ/職務 : |

Căn cứ vào nhu cầu sản xuất và xả nước thải của Công ty TNHH BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM tại Lô CN-06-39, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam. Hai bên cùng tiến hành làm việc và thỏa thuận những nội dung sau:

根據 BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM 責任有限公司在北江省越安縣雲中鄉雲中工業區 CN-06-39 區之生產及排放需求; 雙方經充分協商并達成如下內容:

1. Công ty TNHH FUGIANG đồng ý cho Công ty TNHH BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM đầu nối đường ống thoát nước thải sau xử lý của Công ty TNHH BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN Vân Trung, nước thải sau xử lý ở hệ thống thoát nước của công ty trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN Vân Trung phải đạt tiêu chuẩn nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột B.

富江責任有限公司同意予 BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM 有限公司將貴司經處理后的廢水管接駁至雲中工業區污水系統, 貴司處理后排入我司的污水管網的污水需達到 QCVN 40:2011/BTNMT 工業廢水標準號 B 欄的規定。

2. Điểm đầu nối nước thải được thể hiện như trong bản vẽ kèm theo. Công ty TNHH BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM phải lắp đặt van chặn tại điểm đầu nối nước thải để trong trường hợp nước thải sau xử lý không đạt theo tiêu chuẩn cam kết về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột B thì phải thu hồi về xử lý lại đạt tiêu chuẩn trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung KCN.

廢水駁接點如附圖。BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM 責任有限公司在污水接駁點要安裝閘門, 以便貴司排放之污水未達第 QCVN 40:2011/BTNMT 工業廢水標準號 B 欄時可回收并重新處理達標后才能排入工業區廢水系統。

M.S.D.N.2
*

3. Công ty TNHH BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM phải kiểm soát hệ thống thoát nước đảm bảo không để nước thải chảy vào hệ thống thoát nước mưa và ngược lại.

BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM 責任有限公司務必檢查控制排水系統以便確保污水不流入雨水系統以及相反。

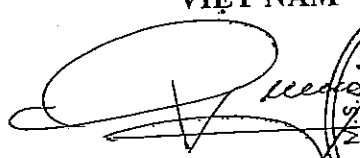
4. Hai bên cùng cam kết thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải và quy định của pháp luật về luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam

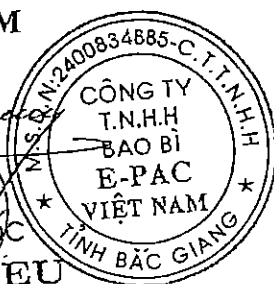
雙方保證按照污水處理服務合約內容及越南環保法嚴格執行。

Biên bản được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản để cùng theo dõi và thực hiện.

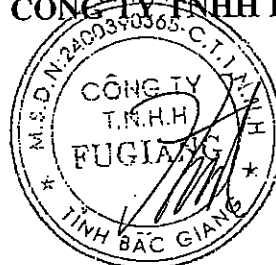
本記錄一式 06 份、均有同等的法律效力，雙方各執 03 份以利跟進及執行。

**CÔNG TY TNHH BAO BÌ E-PAC
VIỆT NAM**


TỔNG GIÁM ĐỐC
LUN TIN YEU
TERENCE



CÔNG TY TNHH FUGIANG




PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG MING TIEN

3365

GT
H
AI

BẮC

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:.....

1. Bên giao: Công Ty TNHH Bảo Bì E-pac Việt Nam

Địa chỉ văn phòng: nhà xưởng CN 06/39 Lô CN 06 Văn Trưng DT:

Địa chỉ cơ sở: Việt Yên Bắc Giang DT:

2. Bên nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN

Địa chỉ văn phòng: Nhà Đồng Sài, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh DT: 0222.6535.666

Địa chỉ cơ sở: Nhà Đồng Sài, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh DT: 0222.6535.666

Lái xe: BKS:

3. Khối lượng: Chất thải nguy hại chuyển giao

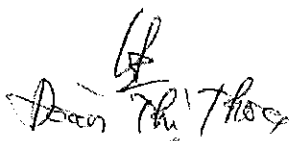
TT	Các loại CTNH	Số lượng (Kg)	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Ghi chú
1	Bùn Thải	1171	120605	Rắn	98 C06454
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
	Tổng khối lượng				

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

..... BG....., ngày 16.. tháng 8.. năm 2022 BG....., ngày 16.. tháng 8.. năm 2022....

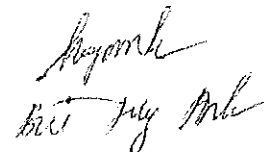
Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:.....

1. Bên giao: Công ty TNHH bảo vệ E-Pac VN

Địa chỉ văn phòng: KCN Văn Trung DT:

Địa chỉ cơ sở: KCN Văn Trung DT:

2. Bên nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN

Địa chỉ văn phòng: Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh DT: 0222.6535.666

Địa chỉ cơ sở: Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh DT: 0222.6535.666

Lái xe: Ông Văn Nhân BKS: 99C 06934

3. Khối lượng: Chất thải nguy hại chuyển giao


TT	Các loại CTNH	Số lượng (Kg)	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Ghi chú
1	Bùn thải	1180	120605	Bùn	
2	Giấy lau nhiễm TPH	25	180201		
3	Gao thải	6	080301		
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
	Tổng khối lượng				

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

.....Bên....., ngày 17 tháng 9 năm 2022.Bên....., ngày 17 tháng 9 năm 2022.


Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)


 Đoàn Thị Thảo

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)


 Ông Văn Nhân

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:.....

1. Bên giao: Cty TNHH bao bì E-Pac VN

Địa chỉ văn phòng: KCN Văn Dung, BG DT:

Địa chỉ cơ sở: KCN Văn Dung, BG DT:

2. Bên nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN

Địa chỉ văn phòng: Thôn Đông Sài, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh DT: 0222.6535.666

Địa chỉ cơ sở: Thôn Đông Sài, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh DT: 0222.6535.666

Lái xe:..... BKS: 09C-06454..

3. Khối lượng: Chất thải nguy hại chuyển giao

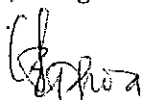
TT	Các loại CTNH	Số lượng (Kg)	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Ghi chú
1	Bùn thải	626	120605		
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
	Tổng khối lượng				

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

..... BG, ngày 27... tháng 10 năm ...2022 BG, ngày 27... tháng 10 năm 2022

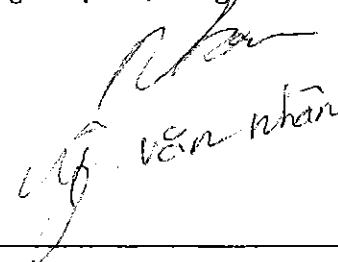
Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:.....

1. Bên giao: Công ty TNHH Bao bì EPAC VIỆT NAM

Địa chỉ văn phòng: KCN O6 KCN Võng Trạc Xã Võng Trạc DT:

Địa chỉ cơ sở: Huyện Việt Yên Tỉnh Bắc Giang Việt Nam DT:

2. Bên nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN

Địa chỉ văn phòng: Thôn Đông Sài, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh DT: 0222.6535.666

Địa chỉ cơ sở: Thôn Đông Sài, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh DT: 0222.6535.666

Lái xe:..... BKS:.....

3. Khối lượng: Chất thải nguy hại chuyển giao

TT	Các loại CTNH	Số lượng (Kg)	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Ghi chú
1	Găng tay, Găng lau nhiễm TPNH	65	18 02 01	Rắn	BKS: 99C 06454
2	Bùn thải	828	12 06 05	Rắn	BKS: 99C 06454
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
	Tổng khối lượng				

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

.../.../..., ngày 20 tháng 12 năm 2022 .../.../..., ngày 20 tháng 12 năm 2022

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Đoàn Thị Phấn

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Nguyễn Văn Phụng

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCN THÔNG THƯỜNG

Số:.....

City E - Pac

KCN Van Bang

DT

DT

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

DT: 02223.717 286

DT: 02223.717 286

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	ĐVT	CTRSH, CTRCNTT Chuyển giao	Ghi chú
1	Rác sinh hoạt	M3	1200 Kg	99-660820
Tổng khối lượng				

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bắc Giang, ngày 24 tháng 1 năm 2024

Bên giao
(Ký, ghi họ tên)

an Phi Hoa

....., ngày 2.1 tháng 1 năm 2022

Bên nhận
(Ký, ghi họ tên)

Paula

TỈNH/THÀNH PHỐ		BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNT THÔNG THƯỜNG		
<div style="border: 1px solid black; padding: 2px;">Bắc Ninh</div>		Số:.....		
1. Bên giao (chủ nguồn thải): Công ty Epac				
Địa chỉ văn phòng:				
Địa chỉ cơ sở:				
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH				
Địa chỉ văn phòng:		Ngọc Khâm, Gia Đông, Thuận Thành, Bắc Ninh		ĐT: 02223.717 286
Địa chỉ cơ sở xử lý:		Ngọc Khâm, Gia Đông, Thuận Thành, Bắc Ninh		ĐT: 02223.717 286
3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao				
TT	Các loại chất thải	ĐVT	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao	Ghi chú
1.	Chất thải công nghiệp thông thường không tái chế	Kg		
2	Rác thải sinh hoạt	Kg	800	99 th - 00810
Tổng khối lượng				
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3				
<div style="text-align: center;"> ngày 17 tháng 6 năm 2022 Bên giao (Ký, ghi họ tên) <div style="font-size: 1.5em; margin-top: 10px;">L. Hoa</div> </div>		<div style="text-align: center;"> ngày 17 tháng 6 năm 2022 Bên nhận (Ký, ghi họ tên) <div style="font-size: 1.5em; margin-top: 10px;">H. H.</div> <div style="font-size: 1.2em; margin-top: 10px;">Ngô Thị Hằng</div> </div>		

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số:

1. Bên giao: CÔNG TY TNHH BẢO BÌ E - PAC VIỆT NAM

Địa chỉ văn phòng: KCN Văn Trung, BG

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: KCN Văn Trung, BG

ĐT:

2. Bên nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN

Địa chỉ văn phòng: Thôn Đông Sài, xã Phù Lãng, H. Quế Võ, T. Bắc Ninh

ĐT: 0222.6535.666

Địa chỉ cơ sở: Thôn Đông Sài, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222.6535.666

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi chú
1	Chất thải phải xử lý RÁC SINH HOẠT	530 Kg	93C06454
2	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác:		
2.1			
2.2			
2.3			
2.4			
2.5			
2.6			
2.7			
2.8			
2.9			
2.10			
2.11			
2.12			
3	Tổng khối lượng		

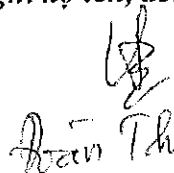
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

...BG..., ngày 16... tháng 8... năm 2022...

...BG..., ngày 16... tháng 8... năm 2022

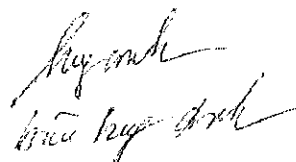
Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)


 Trần Thị Thưa

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)


 Trần Thị Thưa

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG

Số:.....

1. Bên giao: Công ty TNHH EPAC Việt Nam

Địa chỉ văn phòng: N. X. C. Y. - 66 - 39, Lô C. N. - 06, KCN

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Văn Trung, Việt Yên, Bắc Giang

ĐT:

2. Bên nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN

Địa chỉ văn phòng: Thôn Đồng Sai, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222.6535.666

Địa chỉ cơ sở: Thôn Đồng Sai, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222.6535.666

3. Khối lượng chất thải chuyển giao

TT	Các loại chất thải	Khối lượng	Đơn vị tính	Trạng thái tồn tại	Ghi chú
1	Rác Sinh hoạt	0,215	tấn		90C 06454
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
Tổng khối lượng					

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

...B.G., ngày 17 tháng ...9 năm 2022.

...B.G., ngày 17 tháng ...9 năm 2022

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

L. Hoa

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

L. Hoa
Nguyễn Văn Nhân

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG

Số:.....

1. Bên giao: Công Ty TNHH Bảo Vệ E - Pac VN

Địa chỉ văn phòng: KCN Văn Trung, BGĐT:

Địa chỉ cơ sở: KCN Văn Trung, BGĐT:

2. Bên nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN

Địa chỉ văn phòng: Thôn Đông Sỏi, xã Phú Lăng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc NinhĐT: 0222.6535.666

Địa chỉ cơ sở: Thôn Đông Sỏi, xã Phú Lăng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc NinhĐT: 0222.6535.666

3. Khối lượng chất thải chuyển giao

TT	Các loại chất thải	Khối lượng	Đơn vị tính	Trạng thái tồn tại	Ghi chú
1	Rác sinh hoạt	9,205	Tấn		
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
Tổng khối lượng					

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

..BG..., ngày ..27.. tháng ..10.. năm ..2022

..BG..., ngày 27.. tháng 10.. năm 2022

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Ký - văn nhận

P3 HxV

TỈNH/THÀNH PHỐ		BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG																																																															
.....		Số:																																																															
<p>1. Bên giao: <u>Công ty TNHH Bảo vệ E.PAC VIỆT NAM</u></p> <p>Địa chỉ văn phòng: <u>Nhà Xưởng CN: 06/39, Lũy CN: 06/1 CN Văn Tung</u> ĐT:</p> <p>Địa chỉ cơ sở: <u>Xã Văn Tung, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam</u> ĐT:</p>																																																																	
<p>2. Bên nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN</p> <p>Địa chỉ văn phòng: <u>Thôn Đông Sài, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh</u> ĐT: 0222.6535.666</p> <p>Địa chỉ cơ sở: <u>Thôn Đông Sài, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh</u> ĐT: 0222.6535.666</p>																																																																	
<p>3. Khối lượng chất thải chuyển giao</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 5%;">TT</th> <th style="width: 40%;">Các loại chất thải</th> <th style="width: 15%;">Khối lượng</th> <th style="width: 10%;">Đơn vị tính</th> <th style="width: 15%;">Trạng thái tồn tại</th> <th style="width: 15%;">Ghi chú</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">1</td> <td><u>Ru' sinh hoạt</u></td> <td style="text-align: center;"><u>0,253</u></td> <td style="text-align: center;"><u>Tấn</u></td> <td style="text-align: center;"><u>lên</u></td> <td style="text-align: center;"><u>RK S 99C 06454</u></td> </tr> <tr><td style="text-align: center;">2</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td style="text-align: center;">3</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td style="text-align: center;">4</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td style="text-align: center;">5</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td style="text-align: center;">6</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td style="text-align: center;">7</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td style="text-align: center;">8</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr> <td colspan="2" style="text-align: center;">Tổng khối lượng</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>						TT	Các loại chất thải	Khối lượng	Đơn vị tính	Trạng thái tồn tại	Ghi chú	1	<u>Ru' sinh hoạt</u>	<u>0,253</u>	<u>Tấn</u>	<u>lên</u>	<u>RK S 99C 06454</u>	2						3						4						5						6						7						8						Tổng khối lượng					
TT	Các loại chất thải	Khối lượng	Đơn vị tính	Trạng thái tồn tại	Ghi chú																																																												
1	<u>Ru' sinh hoạt</u>	<u>0,253</u>	<u>Tấn</u>	<u>lên</u>	<u>RK S 99C 06454</u>																																																												
2																																																																	
3																																																																	
4																																																																	
5																																																																	
6																																																																	
7																																																																	
8																																																																	
Tổng khối lượng																																																																	
<p>4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3</p> <div style="display: flex; justify-content: space-between; margin-top: 20px;"> <div style="width: 45%;"> <p>...<u>B.G.</u>..., ngày <u>20</u> tháng <u>12</u> năm <u>2022</u></p> <p style="text-align: center;">Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)</p> <p style="text-align: center;"><u>Đoàn Thị Phoa</u></p> </div> <div style="width: 45%;"> <p>...<u>B.G.</u>..., ngày <u>20</u> tháng <u>12</u> năm <u>2022</u></p> <p style="text-align: center;">Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)</p> <p style="text-align: center;"><u>Nguyễn Văn Phóng</u></p> </div> </div>																																																																	

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:.....

1. Bên giao: Công ty TNHH Bảo vệ Môi trường VN

Địa chỉ văn phòng: KCN Văn Trung, BTĐT:

Địa chỉ cơ sở: KCN Văn Trung, BTĐT:

2. Bên nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN

Địa chỉ văn phòng: Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc NinhĐT: 0222.6535.666

Địa chỉ cơ sở: Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc NinhĐT: 0222.6535.666

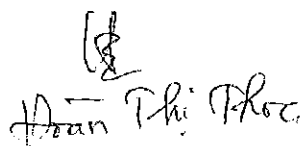
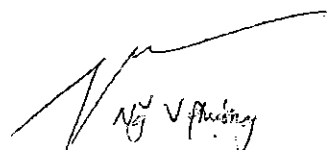
Lái xe: NGUYỄN VĂN NIÊN..... BKS: 99.90.64.5.4..... Thời gian chuyển giao:.....

3. Khối lượng: Chất thải nguy hại chuyển giao

TT	Các loại CTNH	Số lượng (Kg)	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Ghi chú
1	Bùn thải	450	120605	Bùn	
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
	Tổng khối lượng				

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

.....BT....., ngày 21... tháng 2... năm 2023....., ngày 21... tháng 2... năm 2023.....

Bên giao
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

 Tran Thi Phoc
Bên nhận
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

 Nguyễn Văn Phương

TỈNH/THÀNH PHỐ

Bắc Giang.....

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 23-05-2023.NH

1. Bên giao: Công ty TNHH bao bì E - pac VN.....

Địa chỉ văn phòng: Nhà xưởng CN-06-39, Lô CN-06, KCN Văn Trung, H. Việt Yên, B.GĐT:

Địa chỉ cơ sở: Nhà xưởng CN-06-39, Lô CN-06, KCN Văn Trung, H. Việt Yên, B.GĐT:

2. Bên nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN

Địa chỉ văn phòng: Thôn Đông Sài, xã Phù Lãng, Thị Xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222.6535.666

Địa chỉ cơ sở: Thôn Đông Sài, xã Phù Lãng, Thị Xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222.6535.666

Lái xe: BKS: 99H.7.2026...

3. Khối lượng: Chất thải nguy hại chuyển giao

TT	Các loại CTNH	Số lượng (Kg)	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Ghi chú
1	bùn thải	405	120605	lỏng	
2	keo thải	150	080301	lỏng	
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
	Tổng khối lượng				

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày 23 tháng 5 năm 2023....., ngày 23 tháng 5 năm 2023.....

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Lê Minh

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Nguyễn Văn Nhân

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 2905.2023.NH.....- Bình Nguyên

1. Bên giao: Cty TNHH bao bì E-pac Việt Nam

Địa chỉ văn phòng: Nhà Xưởng CN06-39, lô CN06 KCN Vân Trung, Việt Yên, BGĐT:

Địa chỉ cơ sở: Nhà Xưởng CN06-39, lô CN06 KCN Vân Trung, Việt Yên, BGĐT:

2. Bên nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN

Địa chỉ văn phòng: Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222.6535.666

Địa chỉ cơ sở: Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222.6535.666

Lái xe: Huỳnh... BKS: 99H.02005.....

3. Khối lượng: Chất thải nguy hại chuyển giao

TT	Các loại CTNH	Số lượng (Kg)	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Ghi chú
1	Bùn thải	538	120605	Rắn	
2	Mực in	223	080201	Lỏng	
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
	Tổng khối lượng				

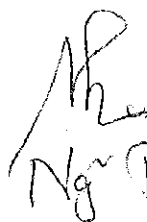
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

.....BG, ngày 29 tháng 5 năm 2023

.....BG, ngày 29 tháng 5 năm 2023..

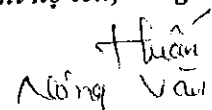
Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)


 Nguyễn Văn Huỳnh

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)


 Nguyễn Văn Huỳnh

TỈNH/THÀNH PHỐ
Bắc...Giảng....

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 17082023/NH.....- Bình Nguyên

1. Bên giao: CÔNG TY TNHH BAO BÌ E-PAK VIỆT NAM.....

Địa chỉ văn phòng: Nhà...Xưởng...Số 6-39...Lô 606...KCN...Vân...Trung... DT: 0336614918...

Địa chỉ cơ sở: Xã...Vân...Trung...Huyện...Việt...Yên...Tỉnh...Bắc...Giảng DT:

2. Bên nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN

Địa chỉ văn phòng: Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh DT: 0222.6535.666

Địa chỉ cơ sở: Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh DT: 0222.6535.666

Lái xe:.....Huân..... BKS: 99H-02005... Thời gian chuyển giao:.....

3. Khối lượng: Chất thải nguy hại chuyển giao

TT	Các loại CTNH	Số lượng (Kg)	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Ghi chú
1	Bùn thải	390	120605	Rắn	
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
	Tổng khối lượng				

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bắc...Giảng, ngày 17... tháng 08... Năm 2023

Bắc...Giảng, ngày 17... tháng 08... năm 2023

Bên giao
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Huân

Bên nhận
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Huân
Nông Văn Huân

Trà cứu hỏa đơn tại website: <https://2400390365-tt78.vnpt-invoice.com.vn> , Mã tra cứu: 134901002C23TFG555207482

Trà cứu hỏa đơn tại website: <https://2400390365-tt78.vnpt-invoice.com.vn> . Mã tra cứu: 134901002C23TFG816385841

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 1800.1260

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
(ELECTRONIC INVOICE DISPLAY)

Ngày (date) 09 tháng (month) 06 năm (year) 2023

Mã của cơ quan (tax): 00322D5201FE854B0BB9CFE9ADR06DCA8

Ký hiệu (Series): 1C23TFG

Số (Invoice No.): 00000988

Đơn vị bán hàng (Seller):

CÔNG TY TNHH FUGIANG

Mã số thuế (Tax code):

2 4 0 0 3 9 0 3 6 5

Địa chỉ (Address):

Khu công nghiệp Văn Trung, Xã Văn Trung, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Số điện thoại (Tel):

02223856888

Số tài khoản (AC No.):

119000031613 - VND

Ngân hàng (Bank):

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh khu công nghiệp Quế Võ

Họ và tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 2400834885

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng CN-06-39, Lô CN-06, Khu công nghiệp Văn Trung, Xã Văn Trung, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): CK

Số tài khoản (AC No.):

Ngân hàng (Bank):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Phí nước sạch từ 04/05/2023-03/06/2023	m3	117	15.143	1.771.731
2	Phí xử lý nước thải từ 04/05/2023-03/06/2023	m3	93,6	11.289	1.056.650

Cộng tiền hàng (Total amount): 2.828.381

Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%

Tiền thuế GTGT (VAT amount): 0

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 2.828.381

Số tiền viết bằng chữ (In words):

Hai triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, ba trăm tám mươi mốt đồng

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign, full name)

CƠ QUAN THUẾ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

Signature Valid

Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=BỘ

TÀI CHÍNH, L=Hàng, C=VN

Ký ngày: 09/06/2023 09:43:20

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH FUGIANG

Ký ngày: 09/06/2023 09:27:16

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Trà cứu hóa đơn tại website: <https://2400390365-tt78.vnpt-invoice.com.vn> . Mã tra cứu: 134901002C23TFG988897536

Trà cứu hỏa đơn tại website: <https://2400390365-tt78.vnpt-invoice.com.vn> . Mã tra cứu: 134901002C23TFG1440933866

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 1800.1260

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
(ELECTRONIC INVOICE DISPLAY)

Ngày (date) 11 tháng (month) 09 năm (year) 2023

Mã của cơ quan thuế: 0045D9FBD0E4AF4EDB8DAD19C49A063395

Ký hiệu (Series): IC23TFG

Số (Invoice No.): 00001624

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH FUGIANG
Mã số thuế (Tax code): 2400834885
Địa chỉ (Address): Khu công nghiệp Văn Trung, Xã Văn Trung, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Số điện thoại (Tel): 02223856888
Số tài khoản (AC No.): 119000031613 - VND
Ngân hàng (Bank): Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh khu công nghiệp Quế Võ

Họ và tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 2400834885

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng CN-06-39, Lô CN-06, Khu công nghiệp Văn Trung, Xã Văn Trung, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): CK

Số tài khoản (AC No.):

Ngân hàng (Bank):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Phí nước sạch từ 04/08/2023-04/09/2023	m3	92	15.143	1.393.156
2	Phí xử lý nước thải từ 04/08/2023-04/09/2023	m3	73,6	11.289	830.870

Cộng tiền hàng (Total amount): 2.224.026

Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%

Tiền thuế GTGT (VAT amount): 0

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 2.224.026

Số tiền viết bằng chữ (In words):

Hai triệu, hai trăm hai mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi sáu đồng

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign, full name)

CƠ QUAN THUẾ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

Signature Valid

Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=BỘ

TÀI CHÍNH, L=Hàng, C=VN

Ký ngày: 11/09/2023 15:26:09

Signature Valid

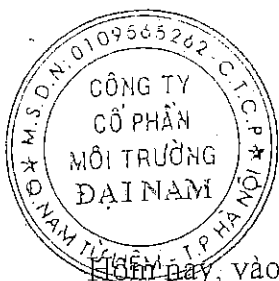
Ký bởi: CÔNG TY TNHH FUGIANG

Ký ngày: 11/09/2023 15:18:41

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tru cứu hóa đơn tại website: <https://2400390365-tt78.vnpt-invoice.com.vn>. Mã tra cứu: 134901002C23TFG1624105288

Trà cứu hỏa đơn tại website: <https://2400390365-ct78.vnpt-invoice.com.vn> , Mã tra cứu: 134901002C23TFG1796678362



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi 17 giờ 15, ngày 16 tháng 06 năm 2022

Tại: Công ty TNHH Bảo Vệ E - PAC Việt Nam

Địa chỉ: Ngõ 39, Lô CN-06, KCN Văn Trưng Xã
Văn Trưng, H. Việt Yên, T. Bắc Giang

Chúng tôi gồm:

I. ĐẠI DIỆN:

1. Ông (bà): Đoàn Thị Phao, Chức vụ: HCNS
2. Ông (bà): , Chức vụ:

II. ĐẠI DIỆN: Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn môi trường Nam Việt

1. Ông (bà): Hoàng Thị Thu Rạng, Chức vụ: CB
2. Ông (bà): , Chức vụ:

III. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

1. Ông (bà): Vũ Văn Phúc, Chức vụ: NV
2. Ông (bà): Nguyễn Nhật Đạt, Chức vụ: NV

III. ĐẠI DIỆN:

1. Ông (bà): , Chức vụ:
2. Ông (bà): , Chức vụ:
3. Ông (bà): , Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Cơ sở như sau:

IV. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

Đổ nắng, có gió nhẹ

V. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

hoạt động bình thường

VI. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

Stt	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Ghi chú
1)	Mẫu không khí tại khu vực Sân xuất trong nhà xưởng	K1	
2)	Mẫu nước thải lấy tại đầu xả nước thải (sau bể XL của nhà máy)	NTSX	
3)	Mẫu nước thải lấy tại cống xả nước thải 1 (sau bể tự hoại), trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN	NTSH-1	
4)	Mẫu nước thải lấy tại cống xả nước thải 2 (sau bể tự hoại) trước khi đầu nối vào đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN	NTSH-2	

Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào hồi 16 giờ 00 và kết thúc hồi 17 giờ 15 cùng ngày.

Biên bản gồm 04 trang, được lập thành 02 bản có chữ ký xác nhận của các bên tham gia.

ĐẠI DIỆN Cơ sở được lấy mẫu ĐẠI DIỆN Đoàn đo đạc

Đoàn Thị Thoa

Vi Văn Thuan

ĐẠI DIỆN Công ty TNHH Dịch vụ Môi trường ĐẠI DIỆN

Lê Ngọc Vập
Hương Thị Thu Trang



VIMCERTS 288
VLAT - 1.0458
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

ISO/IEC 17025:2017

Số: 37...../2022/NAMVIET/KQPT-ĐN

Tên khách hàng : Công ty TNHH dịch vụ tư vấn môi trường Nam Việt
Địa chỉ : Số 5, ngõ 13 đường Cao Kỳ Vân, phường Trần Nguyên Hãn, T.P Bắc Giang
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Bao bì E-Pac Việt Nam tại Lô CN-06-39, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Loại mẫu : KK Môi trường lao động Số mẫu: 1
Mã mẫu : 220616.KK.040
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 16/06/2022 Thời gian phân tích: 16/06/2022 - 30/06/2022

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2019/ BYT
				K1	Giới hạn tiếp xúc ngắn
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2017/BTNMT	°C	28,9	18 ÷ 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	QCVN 46:2017/BTNMT	%	53,4	40 ÷ 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	SOP - MTĐN - ĐN 15	m/s	0,4	0,2 ÷ 1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	TCVN 7878-1:2010	dBA	65,4	85 ⁽²⁾
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	mg/m ³	0,38	8 ⁽³⁾
6	NO ₂	TCVN 6137:2009	mg/m ³	0,11	10
7	SO ₂	MASA Method 704B	mg/m ³	0,26	10
8	CO	ĐN/SOP/PT-01	mg/m ³	3,60	40
9	VOCs (Benzen)	NIOSH Method 1501	mg/m ³	0,101	15
10	VOCs (Toluen)	NIOSH Method 1501	mg/m ³	0,48	300
11	VOCs (Xylene)	NIOSH Method 1501	mg/m ³	KPH (MDL=0,003)	300

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;

- Vị trí lấy mẫu:

+ K1: Mẫu không khí tại khu vực sản xuất trong nhà xưởng. Tọa độ: 21°14'44,3", 106°08'54,8"

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ **Giới hạn tiếp xúc ngắn:** Là giá trị nồng độ của một chất trong không khí môi trường lao động, tính trung bình theo thời lượng 15 phút, mà không được phép để người lao động tiếp xúc vượt quá ngưỡng này. Nếu nồng độ chất trong môi trường lao động nằm trong khoảng giữa mức giới hạn TWA và STEL, không được phép để người lao động tiếp xúc quá 15 phút mỗi lần và không nhiều hơn 4 lần trong ca làm việc với khoảng cách giữa các lần phải trên 60 phút.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc PTN lấy về, PTN không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, phòng Phân tích không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

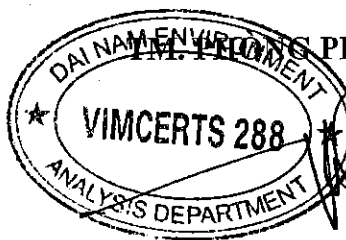
VIMCERTS 288

VLAT - 1.0458

CV 22574/SYT-NVY

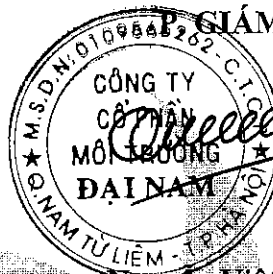
- + ⁽¹⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- + ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp
- + ⁽³⁾QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Bụi – Giới hạn tiếp xúc cho phép Bụi tại nơi làm việc

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2022



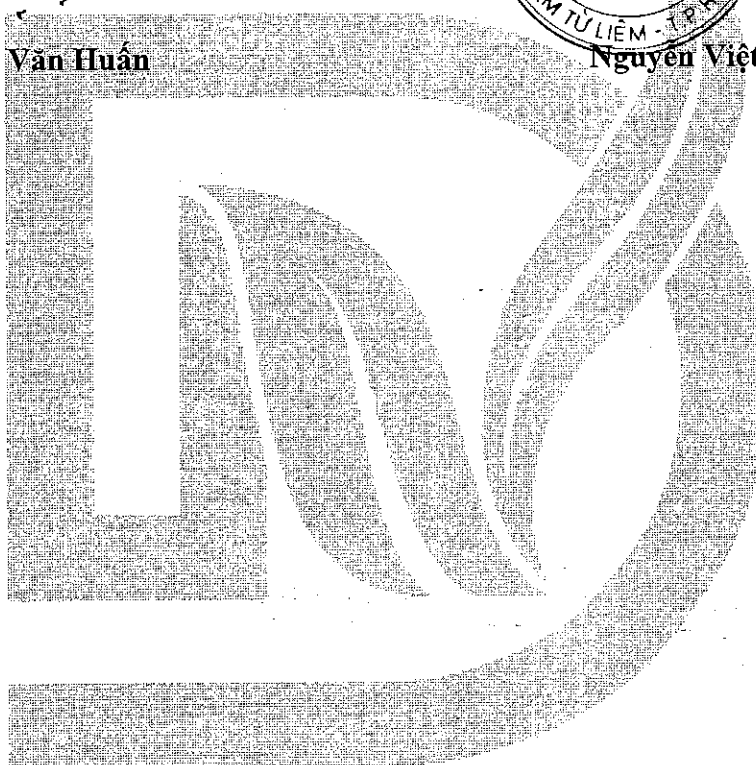
PHÂN TÍCH

Phạm Văn Huân



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Việt Cường



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc PTN lấy về, PTN không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, phòng Phân tích không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
VLAT - 1.0458
CV 22574/SYT-NVY

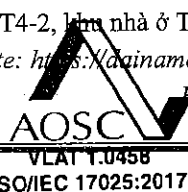
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 18, BT4-2, Khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



VLAT T.0458
ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 3.8.../2022/NAMVIET/KQPT-ĐN

Tên khách hàng : Công ty TNHH dịch vụ tư vấn môi trường Nam Việt
Địa chỉ : Số 5, ngõ 13 đường Cao Kỳ Vân, phường Trần Nguyên Hãn, T.P Bắc Giang
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Bao bì E-Pac Việt Nam tại Lô CN-06-39, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Loại mẫu : Nước thải Số mẫu: 1
Mã mẫu : 220616.NT.028
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 16/06/2022 Thời gian phân tích: 16/06/2022 - 30/06/2022

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NTSX	Cột B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,1	5,5 ÷ 9
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550.B:2017	°C	27,9	40
3	Độ màu	TCVN 6185:2015	Pt-Co	39	150
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	36	100
5	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)(20°C)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	48	50
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017	mg/L	144	150
7	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	8,74	10
8	Photphat (PO ₄ ³⁻ -P)	TCVN 6202:2008	mg/L	1,16	-
9	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	0,105	0,5
10	Tổng dầu, mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	1,9	10
11	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100mL	4,6x10 ³	5000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NTSX: Mẫu nước thải lấy tại điểm xả thải (sau hệ thống xử lý của Nhà máy).

Tọa độ: 21°14'44,9", 106°8'54,7"

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc PTN lấy về, PTN không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, phòng Phân tích không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

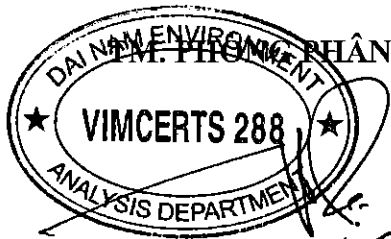
Hotline: 024.22800777

VIMCERTS 288

VLAT - 1.0458

CV 22574/SYT-NVY

+ **Cột B:** Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.



Phạm Văn Huân

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2022

P. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Cường



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc PTN lấy về, PTN không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, phòng Phân tích không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
VLAT - 1.0458
CV 22574/SYT-NVY



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT 2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <http://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

AOSC

VLAT 1.0458
ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 39.../2022/NAMVIET/KQPT-ĐN

Tên khách hàng : Công ty TNHH dịch vụ tư vấn môi trường Nam Việt
Địa chỉ : Số 5, ngõ 13 đường Cao Kỳ Vân, phường Trần Nguyên Hãn, T.P Bắc Giang
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Bao bì E-Pac Việt Nam tại Lô CN-06-39, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Loại mẫu : Nước thải Số mẫu: 1
Mã mẫu : 220616.NT.029
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 16/06/2022 Thời gian phân tích: 16/06/2022 - 30/06/2022

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT2	Cột B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,3	5,5 ÷ 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SOP - MTĐN - ĐN 12	mg/L	190	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	30	100
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)(20°C)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	49	50
5	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	9,18	10
6	Photphat (PO ₄ ³⁻ -P)	TCVN 6202:2008	mg/L	3,14	-
7	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	0,165	0,5
8	Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	2,1	-
9	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	mg/L	0,91	-
10	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100mL	4,6x10 ³	5000

Ghi chú:

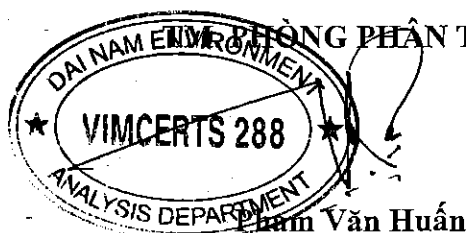
- Vị trí lấy mẫu:

+ NT2: Mẫu nước thải lấy tại cống xả nước thải (sau bể tự hoại) trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN. Tọa độ: 21°14'42,6", 106°8'54,3"

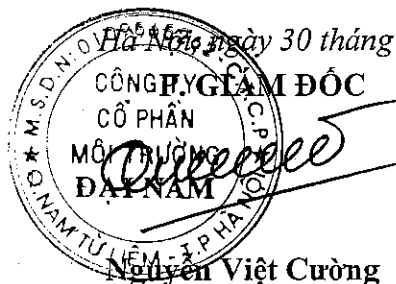
- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

+ Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.



Phạm Văn Hoàn



Nguyễn Việt Cường

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc PTN lấy về, PTN không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, phòng Phân tích không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



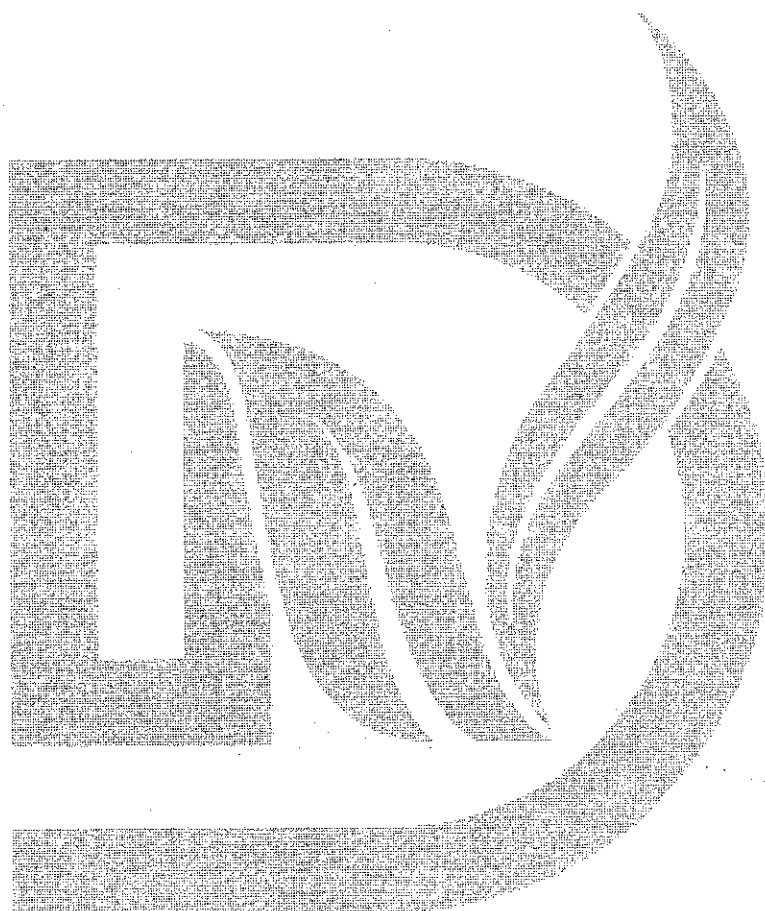
VIMCERTS 288
VLAT - 1.0458
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com> Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc PTN lấy về, PTN không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, phòng Phân tích không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
VLAT - 1.0458
CV 22574/SYT-NVY



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P. Trung Văn, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



VLAT 1.0458
ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 40...../2022/NAMVIET/KQPT-ĐN

Tên khách hàng : Công ty TNHH dịch vụ tư vấn môi trường Nam Việt
Địa chỉ : Số 5, ngõ 13 đường Cao Kỳ Vân, phường Trần Nguyên Hãn, T.P Bắc Giang
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Bao bì E-Pac Việt Nam tại Lô CN-06-39, KCN Văn Trung, xã Văn Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Loại mẫu : Nước thải Số mẫu: 1
Mã mẫu : 220616.NT.030
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 16/06/2022 Thời gian phân tích: 16/06/2022 - 30/06/2022

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT3	Cột B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,3	5,5 ÷ 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SOP - MTĐN - ĐN 12	mg/L	196	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	34	100
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)(20°C)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	46	50
5	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	3,55	10
6	Photphat (PO ₄ ³⁻ -P)	TCVN 6202:2008	mg/L	1,08	-
7	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	KPH (MDL=0,035)	0,5
8	Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	1,8	-
9	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	mg/L	0,83	-
10	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100mL	4,3x10 ³	5000

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;

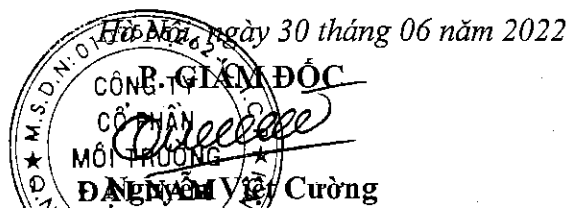
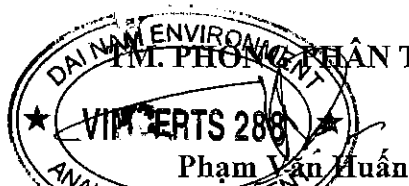
- Vị trí lấy mẫu:

+ NT3: Mẫu nước thải lấy tại cống xả nước thải (sau bể tự hoại) trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN. Tọa độ: 21°14'40,9", 106°8'54,1"

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

+ Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.



- Các kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến, hoặc PTN lấy về, PTN không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
- Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, phòng Phân tích không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
- (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
VLAT – 1.0458
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc PTN lấy về, PTN không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, phòng Phân tích không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



BIÊN BẢN LẤY MẪU HIỆN TRƯỜNG

Hôm nay, vào hồi 19 giờ 15 phút, ngày 15 tháng 12 năm 2022.

Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường:

Tên Cơ Sở/Công ty: Công ty TNHH Bao bì E-PAC Việt Nam.

Địa chỉ: Lô CN-06-39, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

Địa điểm quan trắc: Lô CN-06-39, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

Các bên tham gia bao gồm:

1. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC QUAN TRẮC:

Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ:.....

Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ:.....

2. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ QUAN TRẮC: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

Đại diện: Ông (bà) ...Nguyễn Tiến Quý...Chức vụ: ...quan trắc viên...

Đại diện: Ông (bà) ...Nguyễn Văn Trung...Chức vụ: ...quan trắc viên...

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ GIÁM SÁT:

Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ:.....

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường như sau:

I. Số lượng các loại mẫu:

STT	Loại mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Thông số cần quan trắc	Toạ độ
1	Nước thải sinh hoạt	NTSH1+2	Nước thải lấy tại cống xả nước thải (sau bể tự hoại) trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN	pH, BOD, S2-, NH4+, PO43-, tổng chất rắn lơ lửng, tổng chất rắn hòa tan, dầu mỡ ĐTV, chất hoạt động bề mặt, coliform	NTSH1 x: 2349645 y: 618191 NTSH2 x: 2349650 y: 618107

STT	Loại mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Thông số cần quan trắc	Toạ độ
2	Nước thải công nghiệp	NTCN	Nước thải lấy tại điểm xả thải (sau hệ thống xử lý của Nhà máy)	Nhiệt độ, màu, pH, BOD, COD, S2-, NH4+, PO43-, Tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng, coliform	X: 2349731 Y: 618106
3					
4					
5					
6					
7					
8					

II. Điều kiện thu mẫu:


Tình trạng hoạt động của Công ty (cơ sở): Hoạt động bình thường.....

Điều kiện thời tiết: Trời nắng.....

Biên bản được thành lập 04 bản có giá trị như nhau, giao cho cơ sở 01 bản, giao cho đơn vị giám sát (nếu có) 01 bản, công ty lưu 02 bản.

Thời gian bắt đầu làm việc 19 giờ 15 phút
Kết thúc 19 giờ 15 phút, ngày 15 tháng 12 năm 2022

Đại diện đơn vị quan trắc
(ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Trung

Đại diện đơn vị giám sát
(ký và ghi rõ họ tên)

Đại diện cơ sở được quan trắc
(ký và ghi rõ họ tên)

Lan
Lương Thị Lan



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG – VIMCERTS 317

Địa chỉ: số 43, đường Ngô Văn Cảnh, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

SĐT: 0911.119.995

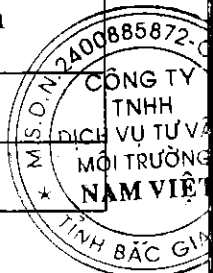
Gmail: moitruongnamviet@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 22.12.15.018.N.13

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên cơ sở/ khách hàng:	Công ty TNHH bao bì E - PAC Việt Nam		
Địa chỉ:	Lô CN – 06 – 39, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang		
Loại mẫu:	Nước thải sinh hoạt	Số lượng mẫu:	02
Ngày quan trắc/ nhận mẫu:	15/12/2022	Ngày trả kết quả:	26/12/2022



II. KẾT QUẢ

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 14 : 2008/BTNMT
				NTSH.01	NTSH.02	Cột B
1	pH		TCVN 6492:2011		7,3	5 - 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	TCVN 6492:2011	520	545	1.000
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6492:2011	31	37	100
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	40	43	50
5	Amoni (NH ₄ ⁺) (Tính theo N)	mg/L	TCVN 6492:2011	2,61	9,94	10
6	Photphat (PO ₄ ³⁻) (Tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,27	1,24	10
7	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ . B&D:2017	0,18	0,05	4
8	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,8	1,2	20
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	1,21	1,01	10
10	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2017	4.700	4.600	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NTSH.01: Nước thải lấy tại cống xả nước thải sau bể tự hoại trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN. Toạ độ X: 2349645; Y: 618191.

+ NTSH.02: Nước thải lấy tại cống xả nước thải sau bể tự hoại trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN. Toạ độ X: 2349650; Y: 618107.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc PTN trực tiếp lấy về, PTN không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời gian lưu mẫu, phòng Phân tích không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG – VIMCERTS 317

Địa chỉ: số 43, đường Ngô Văn Cảnh, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

SĐT: 0911.119.995

Gmail: moitruongnamviet@gmail.com

Số: 22.12.15.018.N.13

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14 : 2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt;

+ **Cột B:** Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ).

- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 26 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LÀM PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Văn Cường

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Văn Cường

NAM VIỆT

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc PTN trực tiếp lấy về, PTN không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời gian lưu mẫu, phòng Phân tích không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG – VIMCERTS 317

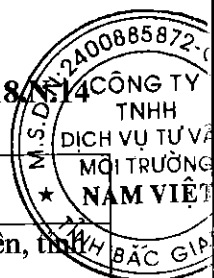
Địa chỉ: số 43, đường Ngô Văn Cảnh, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

SĐT: 0911.119.995

Gmail: moitruongnamviet@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 22.12.15.018/NS14



I. THÔNG TIN CHUNG

Tên cơ sở/ khách hàng:	Công ty TNHH bao bì E - PAC Việt Nam		
Địa chỉ:	Lô CN – 06 – 39, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang		
Loại mẫu:	Nước thải công nghiệp	Số lượng mẫu:	01
Ngày quan trắc/ nhận mẫu:	15/12/2022	Ngày trả kết quả:	26/12/2022

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40: 2011/BTNMT
				NTCN.01	Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,25	5,5-9
2	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	24,5	40
3	Độ màu	mg/L	TCVN 6593:2011	48,3	150
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6593:2011	42	100
5	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	41	50
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	93,8	150
7	Amoni (NH ₄ ⁺) (Tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	9,07	10
8	Photphat (PO ₄ ³⁻) (Tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,22	-
9	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D:2017	0,13	0,5
10	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,4	10
11	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2017	4.900	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:.

+ NTCN.01: Nước thải lấy tại điểm xả thải (Sau hệ thống xử lý của Nhà máy).

Toạ độ X: 2349731: Y: 618106.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc PTN trực tiếp lấy về, PTN không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời gian lưu mẫu, phòng Phân tích không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG – VIMCERTS 317

Địa chỉ: số 43, đường Ngô Văn Cảnh, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

SĐT: 0911.119.995

Gmail: moitruongnamviet@gmail.com

Số: 22.12.15.018.N.14

+ **Cột B:** Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 26 tháng 12 năm 2022

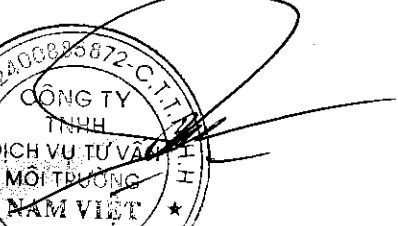
NGƯỜI LÀM PHIẾU

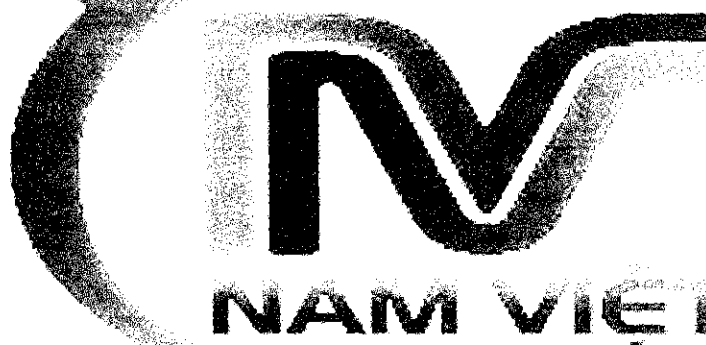
TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH

TỔNG GIÁM ĐỐC


Hoàng Thị Dung


Nguyễn Thị Hải


Nguyễn Văn Cường



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc PTN trực tiếp lấy về, PTN không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời gian lưu mẫu, phòng Phân tích không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU



Hôm nay, vào hồi 14 giờ 45, ngày 15 tháng 12 năm 2022

Đơn vị yêu cầu: **Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Môi trường Nam Việt**

Địa điểm quan trắc: **Công ty TNHH Bao bì E-Pac Việt Nam tại Lô CN-06-39, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang**

Chúng tôi gồm:

I. ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

1. Ông (bà): Nguyễn Văn Dũng, Chức vụ: NV
2. Ông (bà): _____, Chức vụ: _____

II. ĐẠI DIỆN: Công ty TNHH Bao bì E-Pac Việt Nam

1. Ông (bà): Nguyễn Thị Lan, Chức vụ: NV
2. Ông (bà): _____, Chức vụ: _____

III. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

1. Ông (bà): Nguyễn Hữu Lâm, Chức vụ: NV
2. Ông (bà): Nguyễn Văn Cường, Chức vụ: NV
3. Ông (bà): _____, Chức vụ: _____

IV. ĐẠI DIỆN: _____

1. Ông (bà): _____, Chức vụ: _____
2. Ông (bà): _____, Chức vụ: _____
3. Ông (bà): _____, Chức vụ: _____

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Cơ sở như sau:

V. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

Tươi, không mưa, có gió nhẹ

VI. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

hoạt động bình thường


VII. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

Stt	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Ghi chú
	KK Môi trường làm việc		
1	Mẫu không khí tại khu vực sản xuất trong nhà xưởng	K1	


Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào hồi. 14 giờ. 15 và kết thúc hồi. 14. giờ. 45 cùng ngày.

Biên bản gồm. 02. trang, được lập thành 02. bản có chữ ký xác nhận của các bên tham gia.


ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC QUAN TRẮC


Lương Thị Lan

ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC LẤY MẪU


Nguyễn Hữu Lưu

ĐẠI DIỆN *Cơ Nam Việt*


Nguyễn Văn Bình

ĐẠI DIỆN



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 239.../2022/NAMVIET/KQPT-ĐN



Tên khách hàng : Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Môi trường Nam Việt
Địa chỉ : Số 43, đường Ngô Văn Cảnh, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Bao bì E-Pac Việt Nam tại Lô CN-06-39, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Loại mẫu : KK Môi trường làm việc Số mẫu: 1
Mã mẫu : 221215.KK.043
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 15/12/2022 Thời gian phân tích: 15/12/2022 - 24/12/2022

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2019/ BYT
				K1	Giới hạn tiếp xúc ngắn
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2017/BTNMT	°C	21,2	18 ÷ 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	QCVN 46:2017/BTNMT	%	65,2	40 ÷ 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	SOP - MTĐN - ĐN 15	m/s	0,4	0,2 ÷ 1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	TCVN 7878-1-2010	dBA	65,0	85 ⁽²⁾
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	mg/m ³	0,32	8 ⁽³⁾
6	NO ₂	TCVN 6137:2009	mg/m ³	0,14	10
7	SO ₂	MASA Method 704B	mg/m ³	0,27	10
8	CO	ĐN/SOP/PT-01	mg/m ³	3,71	40
9	VOCs (Benzen)	NIOSH Method 1501	mg/m ³	KPH (MDL=0,005)	15
10	VOCs (Toluen)	NIOSH Method 1501	mg/m ³	0,07	300
11	VOCs (Xylene)	NIOSH Method 1501	mg/m ³	0,0093	300

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;

- Vị trí lấy mẫu:

+ K1: Mẫu không khí tại khu vực sản xuất trong nhà xưởng. Tọa độ: 21°14'44,3", 106°08'54,8"

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ Giới hạn tiếp xúc ngắn: Là giá trị nồng độ của một chất trong không khí môi trường lao động, tính trung bình theo thời lượng 15 phút, mà không được phép để người lao động tiếp xúc vượt quá ngưỡng này. Nếu nồng độ chất trong môi trường lao động nằm trong khoảng giữa mức giới hạn TWA và STEL,

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc PTN lấy về, PTN không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, phòng Phân tích không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

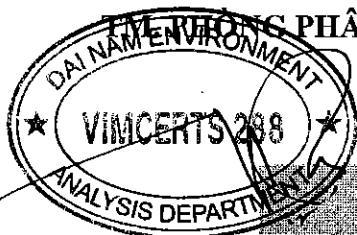
không được phép để người lao động tiếp xúc quá 15 phút mỗi lần và không nhiều hơn 4 lần trong ca làm việc với khoảng cách giữa các lần phải trên 60 phút.

+ ⁽¹⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

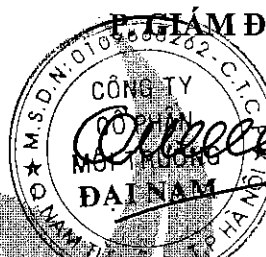
+ ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp

+ ⁽³⁾QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Bụi – Giới hạn tiếp xúc cho phép Bụi tại nơi làm việc

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2022

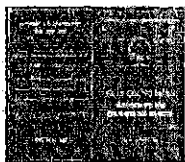


Phạm Văn Huân



Nguyễn Việt Cường

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc PTN lấy về, PTN không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, phòng Phân tích không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH

Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam

ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn

Công bố cơ sở đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 230610.KKSX01

KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH - CN BẮC GIANG
Địa chỉ:	Thôn An Phong, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH BAO BÌ E - PAC VIỆT NAM
Địa chỉ lấy mẫu:	Nhà xưởng CN-06-39, Lô CN-06, KCN Vân Trung, Xã Vân Trung, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Tọa độ:	N: 21°14'38,63 E: 106°08'01,66
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KKSX01: Không khí khu vực sản xuất trong nhà
Ngày quan trắc:	31/05/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	31/05/2023
Ngày trả kết quả:	10/06/2023

II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn cho phép	
						Trung bình 8 giờ	
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 – 2009	32,0	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 °C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	52,2	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,37	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Tiếng ồn chung	dBA	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)/1910.95 App G	72,8	QCVN 24:2016/BYT	85dBA	
5	Bụi tổng lơ lửng (Tính theo bụi toàn phần)	mg/m ³	QCVN 02:2019/BYT	0,127	QCVN 02:2019/BYT	8	-
6	NO ₂	mg/m ³	ET.HT.SOP.LM.51	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	SO ₂	mg/m ³	ET.HT.SOP.LM.51	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
8	CO	mg/m ³	ET.HT.SOP.LM.51	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40
9	Toluen	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	<3,766	QCVN 03:2019/BYT	100	300
10	Benzen	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	<0,319	QCVN 03:2019/BYT	5	15
11	Xylen	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	<8,686	QCVN 03:2019/BYT	100	300

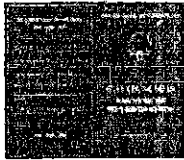
Ghi chú:

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.
- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn – Mức độ tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.

2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.

3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH

Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam

ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn

Công bố cơ sở dữ liệu điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

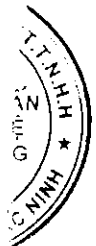
Bắc Ninh, ngày 10 tháng 6 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC

Nghiêm Văn Phúc

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH**

Đ/c: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh

ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn

Số hiệu chứng nhận hoạt động môi trường: **VIMCERTS 222**

Số phiếu: 230610.01.0668

KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG**

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH - CN BẮC GIANG
Địa chỉ:	Thôn An Phong, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH BAO BÌ E - PAC VIỆT NAM
Địa chỉ lấy mẫu:	Nhà xưởng CN-06-39, Lô CN-06, KCN Vân Trung, Xã Vân Trung, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Tọa độ:	N: 21°14'36,27 E: 106°08'08,02
Loại mẫu:	Nước thải
Ký hiệu mẫu:	NT01: Nước thải sinh hoạt tại cống xả nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung KCN vị trí 1
Ngày quan trắc:	31/05/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	31/05/2023
Ngày trả kết quả:	10/06/2023

II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Thông số	Đơn vị	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT
					Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,73	5-9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SOP:ET - 23	727	1000
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	56,6	100
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	42,8	50
5	Amoni (Tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	6,29	10
6	Photphat (PO ₄ ³⁻)	mg/L	TCVN 6202:2008	9,68	10
7	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	TCVN 6637:2000	2,25	4
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	2,2	20
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1-1996	0,15	10
10	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	4500	5000

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn Quốc gia về nước thải sinh hoạt

+ Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ).

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.

2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giới quyết khiếu nại.

3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

BM-QT-15.01



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH

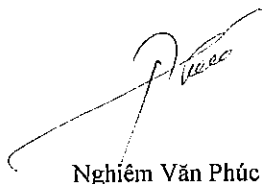
Đ/c: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh

ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn

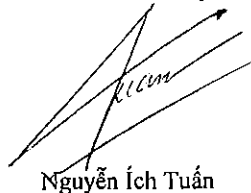
Số hiệu chứng nhận hoạt động môi trường: **VIMCERTS 222**

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 6 năm 2023

ĐD.P QUAN TRÁC


Nguyễn Văn Phúc

PT.P THÍ NGHIỆM


Nguyễn Ích Tuấn



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giới thiệu khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

BM-OT-15.01

Bản hành bản 01

Trang 2/2

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH**

Đ/c: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh

ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn

Số hiệu chứng nhận hoạt động môi trường: **VIMCERTS 222**

Số phiếu: 230610.01.0669

KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG**

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH - CN BẮC GIANG
Địa chỉ:	Thôn An Phong, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH BAO BÌ E - PAC VIỆT NAM
Địa chỉ lấy mẫu:	Nhà xưởng CN-06-39, Lô CN-06, KCN Vân Trung, Xã Vân Trung, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Tọa độ:	N: 21°14'36,06 E: 106°08'08,13
Loại mẫu:	Nước thải
Ký hiệu mẫu:	NT02: Nước thải sinh hoạt tại cống xả nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung KCN vị trí 2
Ngày quan trắc:	31/05/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	31/05/2023
Ngày trả kết quả:	10/06/2023

II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Thông số	Đơn vị	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT
					Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,68	5-9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SOP:ET - 23	626	1000
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	68,7	100
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	35,1	50
5	Amoni (Tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	5,82	10
6	Photphat (PO ₄ ³⁻)	mg/L	TCVN 6202:2008	5,14	10
7	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	TCVN 6637:2000	2,11	4
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	2,4	20
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1-1996	0,20	10
10	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	3500	5000

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn Quốc gia về nước thải sinh hoạt

+ Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ).

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.

2. Quá thời hạn hai mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.

3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PM.OT.15.01



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH

Đ/c: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh

ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn

Số hiệu chứng nhận hoạt động môi trường: **VIMCERTS 222**

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 6 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC

Nguyễn Văn Phúc

PT.P THÍ NGHIỆM

Nguyễn Ích Tuấn



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

BM-QT-15.01

Bản hành lần 01

Trang 2/2

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH**

Đ/c: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh
ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn
Số hiệu chứng nhận hoạt động môi trường: VIMCERTS 222

Số phiếu: 230610.01.0670

KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG**

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH - CN BẮC GIANG
Địa chỉ:	Thôn An Phong, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH BAO BÌ E - PAC VIỆT NAM
Địa chỉ lấy mẫu:	Nhà xưởng CN-06-39, Lô CN-06, KCN Vân Trung, Xã Vân Trung, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Tọa độ:	N: 21°14'39,82 E: 106°08'26,64
Loại mẫu:	Nước thải
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	NT03: Nước thải sản xuất tại điểm xả trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN
Ngày quan trắc:	31/05/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	31/05/2023
Ngày trả kết quả:	10/06/2023

II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Thông số	Đơn vị	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột B
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	25,2	40
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,87	5,5 - 9
3	Độ màu	Pt - Co	TCVN 6185:2015	12,5	150
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	<15,0	100
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	52,0	150
6	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	16,4	50
7	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	8,93	10
8	Photphat (PO ₄ ³⁻)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,12	-
9	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	TCVN 6637:2000	<0,06	0,5
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	<0,9	10
11	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	2500	5000

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.

2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.

3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

BM-QT-15.01

Ban hành lần 01

Trang 1/2



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH

Đ/c: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh

ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn

Số hiệu chứng nhận hoạt động môi trường: VIMCERTS 222

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- + Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.
- KPH là không phát hiện (kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp)
- "<" là nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp.

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 6 năm 2023

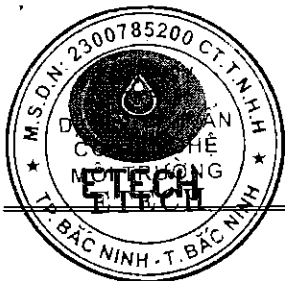
ĐD.P QUAN TRẮC

Nguyễn Văn Phúc

PT.P THÍ NGHIỆM

Nguyễn Ích Tuấn



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH**

Đ/C: Số 172, đường Ngô Quyền, phường Kinh Bắc, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 02223.858.256, Tel: 0988 411 115, Email: tuvanmoitruongetech@gmail.com

Số hiệu chứng nhận hoạt động quan trắc môi trường: **VIMCERTS 222**Công bố cơ sở đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: **61/TB - SYT****BIÊN BẢN XÁC NHẬN****CÔNG VIỆC ĐO ĐẠC, LẤY MẪU, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG***Chúng tôi gồm:*1. Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH- CN BẮC GIANG**

Địa chỉ: Thôn An Phong, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

1. Đơn vị được lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH BAO BÌ E - PAC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Nhà xưởng CN-06-39, Lô CN-06, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

Đại diện: Ông (bà) Đào Thị An Chức vụ: Chủ tịch**2. Thông tin đơn vị thực hiện**2.1. Đơn vị lấy mẫu : **Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn công nghệ môi trường ETECH**

Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, phường Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Đại diện lấy mẫu : Nguyễn Văn Phú Chức vụ: NV**2.3. Đơn vị giám sát (nếu có):**

Người giám sát 01: Chức vụ:

Cơ quan : Địa chỉ:

Người giám sát 02 : Chức vụ:

Cơ quan : Địa chỉ:

3. Điều kiện khí tượng khi đo đạc, lấy mẫu:Thời tiết mưa**4. Điều kiện hoạt động của cơ sở khi đo đạc, lấy mẫu:**Cơ sở hoạt động**5. Nội dung đo đạc, lấy mẫu**

STT	Môi trường	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Tọa độ	Kí hiệu mẫu
1	NT	Nước thải sinh hoạt tại công xã nước thải	21° 14' 36.28	NT01
		trước khi đưa vào bể thủy phân	106° 08' 08.02	
		nước chảy qua vị trí 1		
2	M	Nước thải sinh hoạt tại công xã nước thải	21° 14' 36.06	NT02
		trước khi đưa vào bể thủy phân	106° 08' 08.13	
		nước chảy qua vị trí 2		

3	NT	nhưng phải sản xuất tại đây rồi mới	21° 19' 39.82	NT.03
		khởi đầu nên vào hệ thống hoặc nước	106° 08' 26.64	
		chung một hồ		
4	KUSX	không làm như các sản xuất	21° 19' 38.63	KUSX.01
		trung tâm	106° 08' 04.66	
5				
6				
7				
8				
9				
10				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

越南社会主义共和国

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

獨立 - 自由 - 幸福

-----o0o-----

BIÊN BẢN NGHIỆM THU SAU BẢO HÀNH
保修期完成的确认

Tên công trình: Hệ thống xử lý nước thải Công ty TNHH Bao bì E-Pac Việt Nam
工程名称: 越南亿帕包装有限公司废水处理系统

Địa điểm: Nhà xưởng CN-06-39, Lô CN-06, KCN Văn Trung, xã Văn Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

地点: 越南, 北江省, 越安县, 文忠社, 文忠工业区, CN-06号, CN-06-39号。

Căn cứ theo Hợp đồng kinh tế số 2019/02/AV-EPAC được ký kết vào ngày 02 tháng 03 năm 2019 giữa Công ty TNHH Bao bì E-Pac Việt Nam và Công ty TNHH Công nghệ môi trường quốc tế Âu Việt.

根据越南亿帕包装有限公司与欧通国际环保科技有限公司于2019年03月02号前2019/02/AV-EPAC号经济合同。

Hôm nay, ngày 19 tháng 04 năm 2021, tại Công ty TNHH Bao bì E-Pac Việt Nam, đại diện hai bên chúng tôi gồm:

今天, 2021年04月19日, 越南亿帕包装有限公司, 我们双方代表有

BÊN A: CÔNG TY TNHH BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM

甲方: 越南亿帕包装有限公司

Địa chỉ: Nhà xưởng CN-06-39, Lô CN-06, KCN Văn Trung, xã Văn Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

地址: 越南, 北江省, 越安县, 文忠社, 文忠工业区, CN-06号, CN-06-39号。

Người đại diện pháp luật: WEI HANG XING Chức vụ: Phó tổng giám đốc
法定代表人或委托代理人: WEI HANG XING 职务: 副总经理

Mã số thuế: 02100839293

Điện thoại: 02043856111

BÊN B: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ ÂU VIỆT

乙方: 欧通国际环保科技有限公司

Địa chỉ: Số 4/6-254 Văn Cao, Phường Đồng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

地址: 越南的海防市吴光毅路市场文高路4/6-254号

Người đại diện pháp luật: Đặng Zhi Lãng Chức vụ: Giám đốc

甲方代表或委托代理人: 王洪兴

职务: 经理

Tài khoản ngân hàng: 银行账号: 19130728753768

Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam chi nhánh Văn Cấn (Hải Phòng)

开户银行: 越南技术贸易银行股份有限公司分行

Mã số thuế: 税号: 0201745955

Sau khi đã kiểm tra thực tế tại công trình, chúng tôi thống nhất và đồng ý ký kết biên bản nghiệm thu sau bảo hành như sau:

验收工程后,双方统一签署保固后验收内容如下内容:

I. Thời gian, địa điểm tiến hành nghiệm thu:

工程验收后进行检查时间与验收地点:

Thời điểm: 19h ngày 19 tháng 4 năm 2021. Kết thúc: 19h ngày 19 tháng 4 năm 2021

Địa điểm: 19h ngày 19 tháng 4 năm 2021. Kết thúc: 19h ngày 19 tháng 4 năm 2021

Địa điểm: Nhà xưởng CN-06-39, Lô CN-06, KCN Văn Trung, xã Văn Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

验收地点: 越南, 北江省, 越南县, 文忠公社, 文忠工业区, CN-06-39, CN-06-39 工厂。

II. Chất lượng công trình 工程质量

Công trình đảm bảo chất lượng, tiến độ và đúng với yêu cầu kỹ thuật theo quy định của hợp đồng. Trong thời gian bảo hành không phát sinh bất thường.

工程保固合同约定的质量, 技术要求, 在期限内无异常。

III. Kết luận 结论

Hai bên đồng ý nghiệm thu kết bảo hành và thanh toán tiền bảo hành

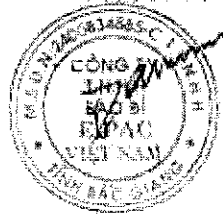
双方统一签署验收保固验收工程

Hợp bản này được lập thành 03 bản, bên A giữ 01 bản bên B giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

此验收单生成 03 份, 甲方留 01 份乙方留 01 份有同等效力。

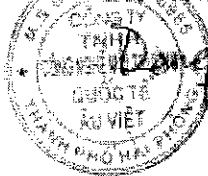
ĐẠI DIỆN BÊN A

甲方代表人



ĐẠI DIỆN BÊN B

乙方代表人

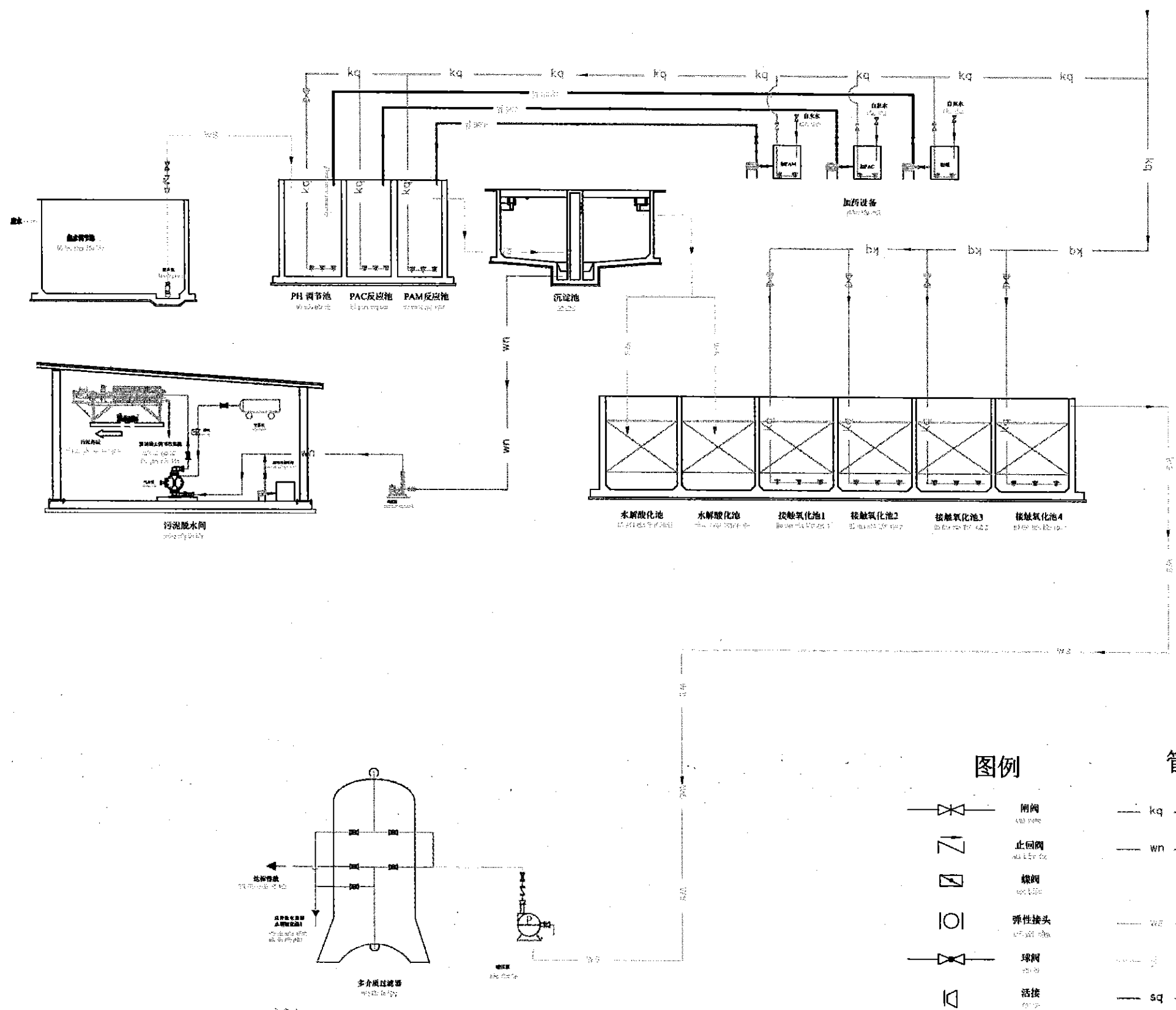


GIÁM ĐỐC

Dong Thi Luong

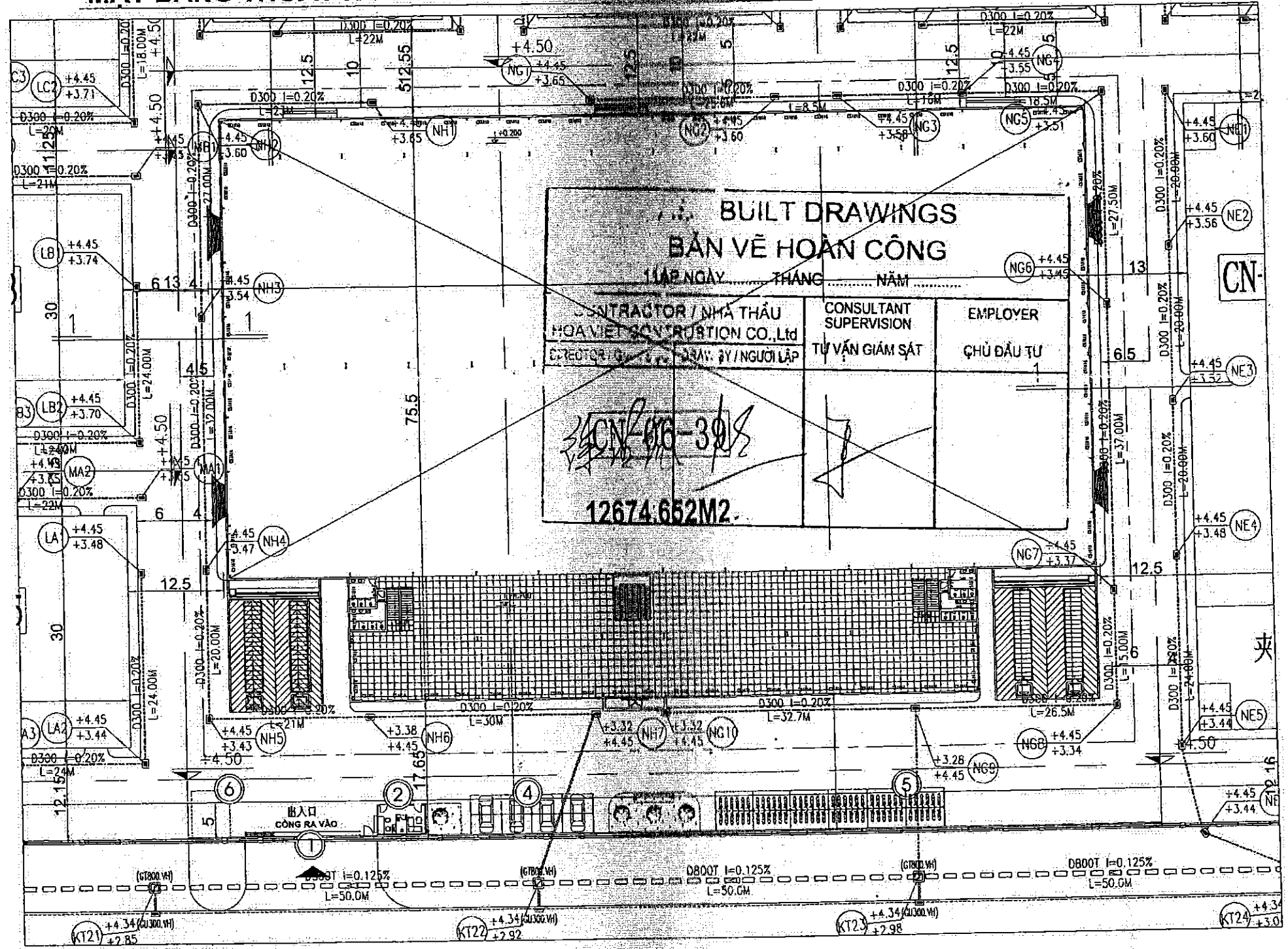
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
WEI HANG XING

亿帕印刷废水处理工程工艺流程图

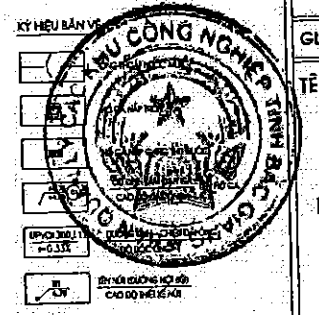
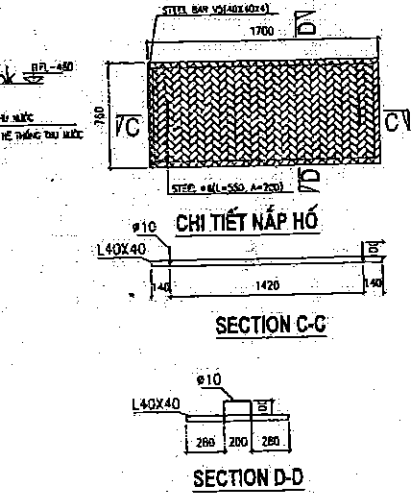
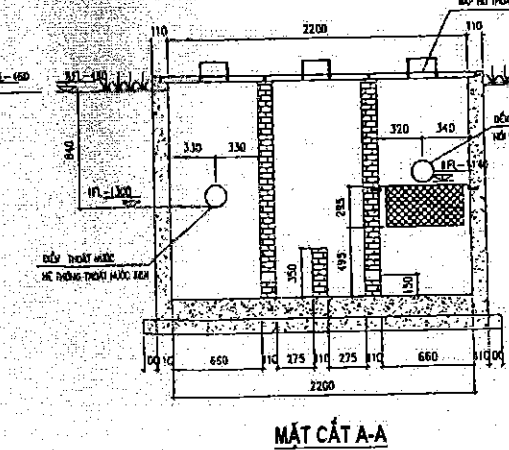
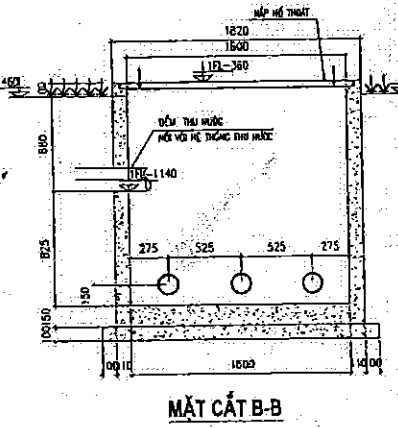
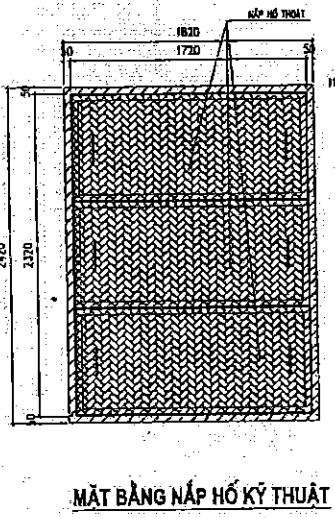
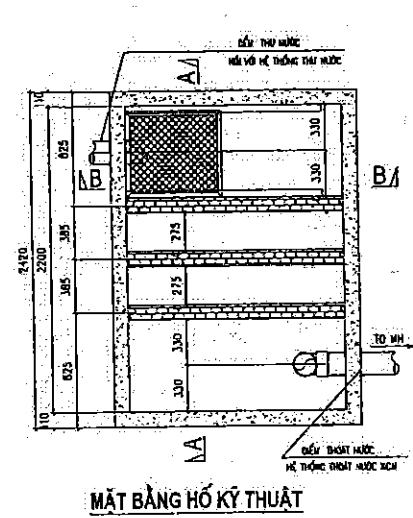


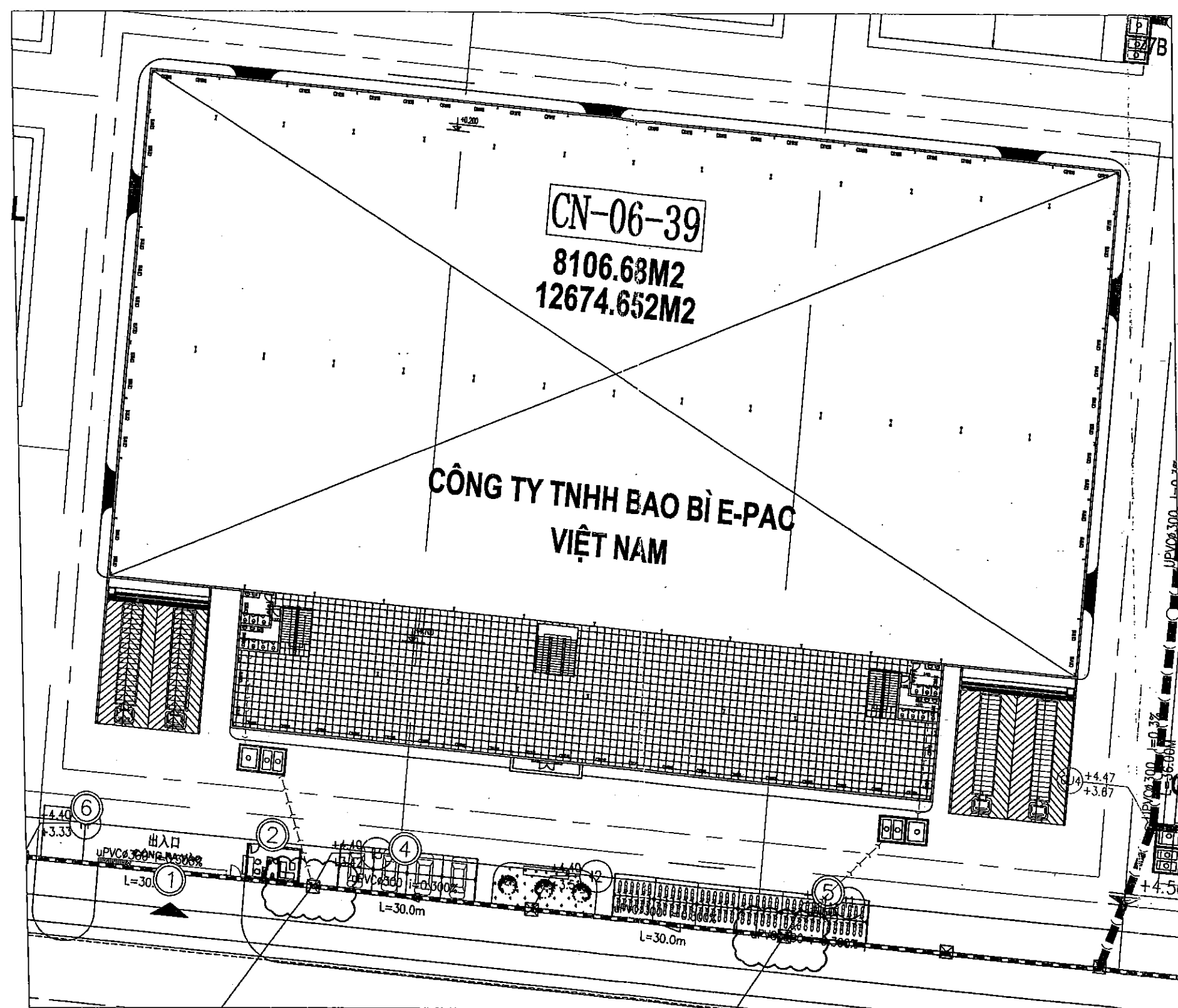
NGÀY		SỬA ĐỔI
A	—/—/2019	
B	—/—/2019	
CHỦ ĐẦU TƯ - 甲方公司名称		
ĐỊA CHỈ - 地址 :		
ĐƠN VỊ THI CÔNG:		
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ ÂU VIỆT 欧越国际环保科技有限公司		
ĐỊA CHỈ - 地址 :		
T.19, Tòa nhà Nam Cường, đường Tố Hữu Phường La Khê, quận Hà Đông, tp Hà Nội 越南河内市河东区郁罗溪防苏有路南强办公 楼19楼		
TÊN CÔNG TRÌNH - 项目名称 :		
印刷废水处理设备		
VỊ TRÍ - LOCATION - 地址 :		
TÊN BẢN VẼ - 图纸名称:		
工艺流程图 BẢN VẼ THI CÔNG		
GIÁM ĐỐC/ 经理:		
DENG ZHI LIENG 邓智亮		
NGƯỜI LẬP/ 建立人		
ĐỖ VĂN TUẤN 杜文俊		
KIỂM TRA/ 检查		
PHAN VĂN HÀ 邓力方		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理 :		
ĐẶNG LỰC PHƯƠNG 邓力方		
TÊN LƯU - 名称:		BẢN VẼ SỐ - 图纸编号 :
PATH - FILE:		
NGÀY GỬI - 交图日期:		

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA NHÀ XƯỞNG CN06B-39



NGÀY HOÀN THÀNH: 2018.08		
HIỆU ĐỊNH		
SỐ	NỘI DUNG	NGÀY
△		
TÊN DỰ ÁN: NHÀ XƯỞNG FUHUA GIAI ĐOẠN VI (CN 06B)		
HẠNG MỤC: NHÀ XƯỞNG CN-06B-39 (75500*114000)		
ĐỊA ĐIỂM: KHU CÔNG NGHIỆP VĂN TRUNG HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG		
SỐ HỌP DỒNG:		
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH FUHUA T.N.H.H FUHUA VIỆT YÊN - BẮC GIANG		
ĐƠN VỊ THI CÔNG: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG HOA VIỆT TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG HOA VIỆT Q. BÀ ĐÌNH - TP. HÀ NỘI		
GIẢI ĐOẠN	BYHC	
TÊN BẢN VẼ: HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA		
KÝ HIỆU BẢN VẼ	TNM-01	





ĐIỂM ĐẦU NỔI THOÁT NƯỚC THẢI - SỐ 02
CÔNG TY TNHH BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM

NGÀY HOÀN THÀNH		2018.01
HIỆU ĐỈNH		
SỐ	NỘI DUNG	NGÀY
△		
TÊN CÔNG TRÌNH : NHÀ XƯỞNG FUGIANG GIAI ĐOẠN VI (CN-06B)		
HẠNG MỤC : THOÁT NƯỚC THẢI LÔ CN-06-39		
ĐỊA ĐIỂM : KHU CÔNG NGHIỆP VĂN TRUNG HUYỆN VIỆT YÊN , TỈNH BẮC GIANG		
SỐ HỢP ĐỒNG:		
CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH BAO BÌ E-PAC VIỆT NAM		
ĐƠN VỊ QUẢN LÝ HẠ TẦNG CÔNG TY TNHH FUGIANG ĐỊA CHỈ : KCN VĂN TRUNG - VIỆT YÊN - BẮC GIANG		
GIAI ĐOẠN	BVHC	
TÊN BẢN VẼ : MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI NHÀ XƯỞNG CN-06-39		
KÍ HIỆU BẢN VẼ	TNT-01	